

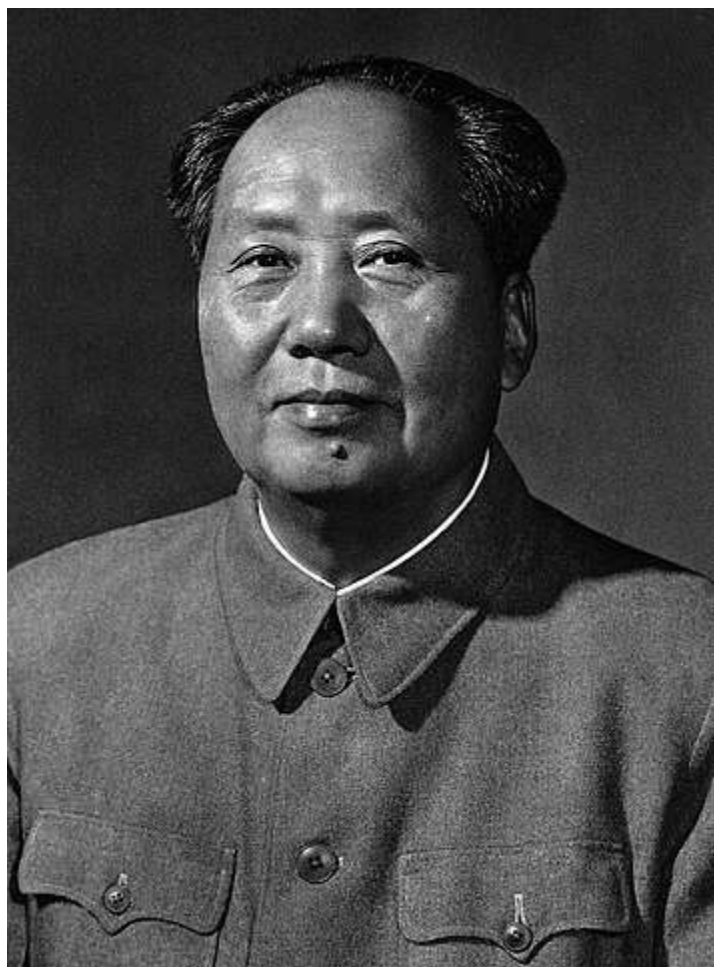


MAO TRẠCH ĐÔNG

**VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC
TRONG CHIẾN TRANH
CÁCH MẠNG TRUNG QUỐC**

NHÀ XUẤT BẢN THÁNG TÁM

VÔ SẢN TOÀN THẾ GIỚI, ĐOÀN KẾT LẠI!



MAO TRẠCH ĐÔNG

**VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC
TRONG CHIẾN TRANH CÁCH
MẠNG TRUNG QUỐC**

NHÀ XUẤT BẢN THÁNG TÁM

Xuất bản lần đầu 2024

Tác phẩm “Vấn đề chiến lược trong Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc” được lấy nguyên văn từ Tuyển tập Mao Trạch Đông, Tập 1, NXB Ngoại văn (Bắc Kinh), 1967.

Không sử dụng cho bất cứ mục đích thương mại nào khác.

© Nhà Xuất bản Tháng Tám, 2024

Đồng chí Mao Trạch Đông viết trước tác này là để tổng kết những kinh nghiệm của Nội chiến Cách mạng lần thứ hai, và đã đem đi giảng dạy trong trường Đại học Hồng quân được lập ở Thiểm Bắc. Theo tác giả cho biết, thì trước tác này chỉ hoàn thành được có 5 chương, còn các vấn đề tấn công chiến lược, công tác chính trị và các vấn đề khác thì vì sự biến Tây An nổ ra, không có thì giờ viết tiếp nên đã ngừng bút. Đây là kết quả của cuộc tranh luận lớn về vấn đề quân sự trong Đảng hồi thời kỳ Nội chiến Cách mạng lần thứ hai, là những ý kiến nói lên một đường lối này chống lại đường lối khác. Đối với cuộc tranh luận về đường lối này, Hội nghị Tuân Nghĩa của Trung ương Đảng họp vào tháng 1 năm 1935 đã có kết luận, xác nhận ý kiến của đồng chí Mao Trạch Đông, và bác bỏ ý kiến của đường lối sai lầm. Tháng 10 năm 1935, sau khi Trung ương dời lên Thiểm Bắc, tiếp đến tháng 12, đồng chí Mao Trạch Đông đã đọc bài diễn văn *Bàn về sách lược chống đế quốc Nhật*, giải quyết một số vấn đề về đường lối chính trị của Đảng trong thời kỳ Nội chiến Cách mạng lần thứ hai. Năm sau, tức là năm 1936, đồng chí Mao Trạch Đông lại viết trước tác này, trình bày một cách có hệ thống các vấn đề có

liên quan tới mặt chiến lược của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc.

Ủy ban xuất bản Tuyển tập Mao Trạch Đông,
BCHTW Đảng Cộng sản Trung Quốc

MỤC LỤC

Chương I

Nghiên cứu chiến tranh như thế nào

1. Quy luật của chiến tranh là phát triển.....1
2. Mục đích của chiến tranh là để tiêu diệt chiến tranh.....8
3. Vấn đề chiến lược là vấn đề nghiên cứu quy luật của toàn cục chiến tranh.....10
4. Vấn đề quan trọng là biết học tập.....17

Chương II

Đảng Cộng sản Trung Quốc và

Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc.....27

Chương III

Đặc điểm của cuộc Chiến tranh Cách mạng

Trung Quốc

1. Tầm quan trọng của vấn đề này.....34
2. Đặc điểm của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc là gì?.....37
3. Do đó mà sinh ra chiến lược và chiến thuật của chúng ta.....44

Chương IV

“Vây quét” và chống “Vây quét” là hình thức
chủ yếu của Nội chiến Trung Quốc.....47

Chương V

Phòng thủ chiến lược.....	56
1. Phòng thủ tích cực và phòng thủ tiêu cực.....	57
2. Chuẩn bị chống “vây quét”.....	64
3. Rút lui chiến lược.....	69
4. Phản công chiến lược.....	94
5. Vấn đề bắt đầu phản công.....	97
6. Vấn đề tập trung binh lực.....	111
7. Vận động chiến.....	124
8. Tốc quyết chiến.....	134
9. Tiêu diệt chiến.....	141
CHÚ THÍCH.....	145

CHƯƠNG I
NGHIÊN CỨU CHIẾN TRANH
NHƯ THẾ NÀO

1. QUY LUẬT CỦA CHIẾN TRANH
LÀ PHÁT TRIỂN

Quy luật của chiến tranh – đó là vấn đề mà bất cứ người nào chỉ huy chiến tranh cũng không thể không nghiên cứu và không thể không giải quyết.

Quy luật của chiến tranh cách mạng – đó là vấn đề mà bất cứ người nào chỉ huy chiến tranh cách mạng cũng không thể không nghiên cứu và không thể không giải quyết.

Quy luật Chiến tranh cách mạng Trung Quốc – đó là vấn đề mà bất cứ người nào chỉ huy Chiến tranh cách mạng Trung Quốc cũng không thể không nghiên cứu và không thể không giải quyết.

Chúng ta hiện đang tiến hành chiến tranh, chiến tranh của chúng ta là chiến tranh cách mạng, cuộc chiến tranh cách mạng của chúng ta đang tiến hành ở Trung Quốc, một nước bán

thuộc địa, bán phong kiến. Vì vậy, chúng ta không những phải nghiên cứu quy luật của chiến tranh nói chung, mà còn phải nghiên cứu quy luật của chiến tranh cách mạng riêng biệt, còn phải nghiên cứu quy luật của chiến tranh cách mạng Trung Quốc càng riêng biệt hơn nữa.

Ai cũng rõ, bất kể làm việc gì, nếu không hiểu tình hình của việc ấy, tính chất của việc ấy và những mối liên hệ của nó với những sự việc bên ngoài, thì không thể biết được quy luật của việc ấy, không biết được phải làm như thế nào và cũng không thể nào làm tốt việc ấy được.

Chiến tranh – một hình thức đấu tranh cao nhất nảy sinh ra từ ngày có chế độ tư hữu và có giai cấp đến nay, được dùng để giải quyết những mâu thuẫn đã phát triển tới một giai đoạn nhất định giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, giữa các nước và giữa các tập đoàn chính trị. Nếu không nắm rõ tình hình và tính chất của chiến tranh, những mối liên hệ của nó với những sự việc bên ngoài, thì không hiểu được quy luật của chiến tranh, không biết chỉ đạo chiến tranh như thế nào và không thể giành được thắng lợi.

Chiến tranh cách mạng – chiến tranh giai cấp cách mạng và chiến tranh dân tộc cách mạng, ngoài những tình hình và tính chất của chiến tranh nói chung, còn có những quy luật riêng biệt của nó. Nếu không hiểu được tình hình và tính chất riêng biệt ấy, không hiểu những quy luật riêng biệt của nó, thì không thể chỉ đạo được chiến tranh cách mạng, cũng không thể giành được thắng lợi trong chiến tranh cách mạng.

Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc – bất kể là nội chiến hay chiến tranh dân tộc, đều tiến hành trong hoàn cảnh riêng biệt của Trung Quốc ; so với các cuộc chiến tranh nói chung, so với các cuộc chiến tranh cách mạng nói chung, nó lại có tình hình và tính chất riêng biệt của nó. Cho nên, ngoài những quy luật của chiến tranh nói chung, và những quy luật của chiến tranh cách mạng nói chung, chiến tranh cách mạng Trung Quốc còn có những quy luật riêng biệt của nó. Nếu không hiểu được những điều ấy thì không thể giành được thắng lợi trong Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc.

Cho nên chúng ta lại phải nghiên cứu quy luật của chiến tranh nói chung ; lại phải nghiên cứu quy luật của chiến tranh cách mạng ; cuối cùng,

chúng ta còn phải nghiên cứu quy luật của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc nữa.

Có ý kiến của một hạng người là không đúng, chúng ta đã bác bỏ từ lâu, họ nói rằng chỉ cần nghiên cứu quy luật của chiến tranh nói chung là được rồi, cụ thể là chỉ cần làm theo những sổ tay về quân sự do chính phủ phản động Trung Quốc hay các trường quân sự phản động Trung Quốc đã xuất bản là được rồi. Họ không biết rằng: những cuốn sổ tay này chỉ là những quy luật của chiến tranh nói chung và hoàn toàn là sao chép của nước ngoài, nếu chúng ta cứ sao chép lại nguyên như cũ mà dùng, không mảy may thay đổi hình thức và nội dung của nó thì khác gì gọt chân cho vừa giày và sẽ thất bại. Họ viện cớ rằng những cái mà trước đây người ta phải đổ máu mới giành được, thì tại sao lại không thể dùng được? Nhưng họ không biết rằng: chúng ta cố nhiên phải tôn trọng những kinh nghiệm xương máu trước kia, song còn phải tôn trọng những kinh nghiệm xương máu của bản thân mình nữa.

Lại có ý kiến của một hạng người cũng không đúng, chúng ta cũng đã bác bỏ từ lâu, họ nói rằng chỉ cần nghiên cứu những kinh nghiệm của Chiến tranh Cách mạng Nga là được rồi, cụ thể là chỉ

cần làm theo những quy luật chỉ đạo của nội chiến ở Liên Xô và những sổ tay quân sự mà cơ quan quân sự của Liên Xô đã ban bố là được rồi. Họ không hiểu rằng những quy luật và sổ tay của Liên Xô đều có tính riêng biệt của nội chiến ở Liên Xô và Hồng quân Liên Xô, nếu chúng ta cũng cứ sao chép lại nguyên như cũ mà dùng, không được thay đổi gì hết, thì cũng giống như là gọt chân cho vừa giày và sẽ thất bại. Những người ấy viện cứ rằng: chiến tranh của Liên Xô là chiến tranh cách mạng, chiến tranh của chúng ta cũng là chiến tranh cách mạng, hơn nữa Liên Xô đã thắng lợi, chúng ta còn phải lựa chọn gì nữa? Họ không hiểu rằng chúng ta dĩ nhiên phải tôn trọng những kinh nghiệm chiến tranh của Liên Xô một cách đặc biệt, vì đó là những kinh nghiệm chiến tranh cách mạng gần đây, đã thu được dưới sự lãnh đạo của Lenin và Stalin. Nhưng chúng ta còn phải tôn trọng những kinh nghiệm của chiến tranh cách mạng Trung Quốc, vì Cách mạng Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc lại có nhiều đặc điểm riêng biệt của nó.

Lại có ý kiến của một hạng người nữa cũng không đúng, chúng ta cũng đã bác bỏ từ lâu, họ nói rằng những kinh nghiệm của cuộc chiến tranh

Bắc phạt từ năm 1926 đến năm 1927 là tốt nhất, chúng ta cần phải học tập, cụ thể là học lối đánh nhanh thắng nhanh và lối giành giật thành phố lớn trong chiến tranh Bắc phạt. Họ không biết rằng: cần phải học tập kinh nghiệm của chiến tranh Bắc phạt, nhưng không phải là sao chép và sử dụng một cách máy móc, vì tình hình chiến tranh hiện nay của chúng ta đã thay đổi rồi. Chúng ta chỉ nên áp dụng những gì của chiến tranh Bắc phạt mà còn phù hợp với tình hình hiện nay, chúng ta nên dựa theo tình hình hiện nay mà định đoạt những gì thuộc về bản thân chúng ta.

Do đó mà thấy rằng, tình hình chiến tranh khác nhau quyết định những quy luật chỉ đạo chiến tranh khác nhau ; nó khác nhau về thời gian, địa điểm và tính chất. Nói về điều kiện thời gian thì chiến tranh cũng như quy luật chỉ đạo chiến tranh đều phát triển, mỗi giai đoạn lịch sử có những đặc điểm của nó, cho nên quy luật chiến tranh cũng có những đặc điểm của nó, không thể áp dụng một cách cứng nhắc vào những giai đoạn khác nhau được. Xét về tính chất của chiến tranh thì chiến tranh cách mạng và chiến tranh phản cách mạng đều có những đặc điểm khác nhau của nó, vì thế các quy luật chiến tranh cũng có những

đặc điểm của nó, cũng không thể đem áp dụng một cách cứng nhắc cho nhau được. Chúng ta nghiên cứu quy luật chỉ đạo chiến tranh trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, với các tính chất khác nhau, trong các địa điểm và các dân tộc khác nhau, cần phải chú ý đến những đặc điểm và sự phát triển của nó, phải phản đối thuyết máy móc trong vấn đề chiến tranh.

Không những thế mà thôi, đối với một người chỉ huy mà nói, ban đầu chỉ biết lãnh đạo binh đoàn nhỏ, rồi sau này lãnh đạo được binh đoàn lớn, đối với người chỉ huy đó là một sự tiến bộ, một bước phát triển. Một địa phương so với nhiều địa phương, cũng không giống nhau. Ban đầu người chỉ huy biết tác chiến ở một nơi quen thuộc, về sau biết tác chiến ở nhiều nơi, đó cũng là một sự tiến bộ, một bước phát triển. Do sự phát triển về kỹ thuật, chiến thuật, chiến lược của đôi bên địch và ta, cho nên tình hình của mỗi giai đoạn trong một cuộc chiến tranh cũng khác nhau. Ở giai đoạn thấp có thể chỉ huy được, tiến lên giai đoạn cao cũng có thể chỉ huy được, điều đó đối với người chỉ huy lại càng là một sự tiến bộ, một bước phát triển. Nếu chỉ biết chỉ huy một binh đoàn nhất định trong một địa phương nhất định, ở

một giai đoạn phát triển nhất định của cuộc chiến, thì như vậy là không tiến bộ và không phát triển. Có một hạng người chỉ khư khư bám lấy một sở trường và một lượng kiến thức nhỏ hẹp, không tiến bộ được nữa, hạng người đó tuy ở một chỗ nào đó, trong một thời gian nào đó, có vai trò phần nào đối với cách mạng, nhưng không có vai trò lớn. Chúng ta đòi hỏi có những người chỉ đạo chiến tranh có vai trò lớn. Mọi quy luật chỉ đạo chiến tranh đều phát triển theo sự phát triển của lịch sử, phát triển theo sự phát triển của chiến tranh, không có một cái gì là không thay đổi.

2. MỤC ĐÍCH CỦA CHIẾN TRANH LÀ ĐỂ TIÊU DIỆT CHIẾN TRANH

Chiến tranh – con quái vật làm cho loài người tàn sát lẫn nhau, sự phát triển của xã hội loài người cuối cùng sẽ thủ tiêu nó trong tương lai không xa. Nhưng chỉ có một cách duy nhất để thủ tiêu chiến tranh là lấy chiến tranh chống chiến tranh, lấy chiến tranh cách mạng chống chiến tranh phản cách mạng, lấy chiến tranh dân tộc cách mạng chống chiến tranh dân tộc phản cách

mạng, lấy chiến tranh giai cấp cách mạng chống chiến tranh giai cấp phản cách mạng. Trong lịch sử, chỉ có hai loại chiến tranh: chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa. Chúng ta ủng hộ chiến tranh chính nghĩa và chống lại chiến tranh phi nghĩa. Mọi cuộc chiến tranh phản cách mạng đều là phi nghĩa, mọi cuộc chiến tranh cách mạng đều là chính nghĩa. Thời đại mà loài người sống trong cảnh chiến tranh sẽ do bàn tay chúng ta chấm dứt, không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc chiến tranh mà chúng ta đang tiến hành là bộ phận của cuộc chiến tranh cuối cùng. Nhưng cũng không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc chiến tranh trước mắt của chúng ta là một bộ phận của cuộc chiến tranh lớn nhất và tàn khốc nhất. Cuộc chiến tranh phản cách mạng phi nghĩa nhất và tàn khốc nhất sắp trút xuống đầu chúng ta, nếu chúng ta không giương cao lá cờ chiến tranh chính nghĩa thì đại đa số loài người sẽ chịu cảnh tan hoang. Lá cờ chiến tranh chính nghĩa của loài người là lá cờ cứu vớt loài người ; lá cờ chiến tranh chính nghĩa của Trung Quốc là lá cờ cứu vớt Trung Quốc. Không còn nghi ngờ gì nữa, cuộc chiến tranh mà đại đa số nhân loại và đại đa số người Trung Quốc đang tiến hành là cuộc chiến tranh chính nghĩa, là một sự nghiệp cao cả và vẻ vang để cứu vớt loài người,

cứu vớt Trung Quốc, nó là chiếc cầu chuyển lịch sử thế giới sang một thời đại mới. Khi nào xã hội loài người tiến tới xóa bỏ giai cấp, xóa bỏ nhà nước thì khi ấy không còn chiến tranh nữa, không còn chiến tranh phản cách mạng cũng như chiến tranh cách mạng, không còn chiến tranh phi nghĩa cũng như chiến tranh chính nghĩa, đó là thời đại hòa bình mãi mãi của loài người. Chúng ta nghiên cứu quy luật chiến tranh cách mạng là xuất phát từ nguyện vọng thủ tiêu mọi thứ chiến tranh. Đó là ranh giới phân biệt giữa những người cộng sản chúng ta với mọi giai cấp bóc lột.

3. VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC LÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU QUY LUẬT CỦA TOÀN CỤC CHIẾN TRANH

Có chiến tranh thì có toàn cục của chiến tranh. Thế giới có thể là một toàn cục của chiến tranh ; một nước có thể là toàn cục của chiến tranh ; một vùng du kích độc lập, một phương diện tác chiến lớn và độc lập cũng có thể là một toàn cục của chiến tranh. Hễ là những trường hợp mang tính

chất phải chiếu cố đến các mặt và các giai đoạn thì đều là toàn cục của chiến tranh.

Nhiệm vụ của chiến lược học là nghiên cứu về quy luật chỉ đạo chiến tranh có tính chất toàn diện. Nhiệm vụ của chiến dịch học và chiến thuật học là nghiên cứu quy luật chỉ đạo chiến tranh có tính chất cục bộ.

Tại sao lại cần đòi hỏi những người chỉ huy chiến dịch và những người chỉ huy chiến thuật phải hiểu biết về quy luật của chiến lược ở một mức độ nào đó? Vì hiểu được những thứ có tính chất toàn diện thì sẽ biết sử dụng những thứ có tính chất cục bộ, vì những thứ có tính chất cục bộ lệ thuộc vào những thứ có tính chất toàn diện. Ý kiến cho rằng thắng lợi của chiến thuật quyết định thắng lợi của chiến lược, đây là sai lầm. Vì ý kiến đó không nhìn thấy vấn đề chủ yếu và trước tiên của sự thắng bại của chiến tranh là vấn đề có chiếu cố đầy đủ đến toàn cục và các giai đoạn của chiến tranh hay không. Nếu việc chiếu cố toàn cục và các giai đoạn mà mắc khuyết điểm hoặc sai lầm có tính chất quan trọng thì cuộc chiến đó sẽ thất bại. Nói rằng: “Sai một bước, thua cả ván” là nói đến nước cờ có tính chất toàn diện, tức là có ý nghĩa quyết định toàn diện, chứ không phải là nói

nước cờ có tính chất cục bộ và không có ý nghĩa quyết định toàn diện. Đánh cờ như thế, chiến tranh cũng như thế.

Nhưng những thứ có tính chất toàn diện không thể tách khỏi những thứ cục bộ để đứng riêng một mình được ; cái toàn cục là do tất cả những cái cục bộ của nó hợp thành. Có khi có những thứ cục bộ bị tan vỡ hoặc thất bại mà vẫn có thể không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến toàn cục, chính vì những cục bộ ấy không phải là những thứ có ý nghĩa quyết định đối với toàn cục. Có những thất bại hay không thành công về chiến thuật hay chiến dịch trong một cuộc chiến thường thường không đến nỗi làm hỏng toàn cục chiến tranh, chính là vì những thất bại đó không phải là những thất bại có ý nghĩa quyết định. Nhưng nếu đa số các chiến dịch hợp thành toàn cục chiến tranh đều thất bại cả, hay một vài chiến dịch nào đó có ý nghĩa quyết định mà thất bại, thì toàn cục sẽ lập tức thay đổi ngay. Đa số chiến dịch và một vài chiến dịch nào đó nói ở đây đều là những thứ có tính chất quyết định. Trong lịch sử chiến tranh đã có những trường hợp giành được nhiều chiến thắng liên tiếp, nhưng sau chỉ thua có một trận mà làm cho tất cả thành tích đều mất sạch ; có khi thất

bại nhiều trận, nhưng sau chỉ thắng có một trận mà đã mở ra được một cục diện mới. “Thắng liên tiếp” và “thua nhiều trận” nói ở đây đều là những thứ có tính chất cục bộ, không có vai trò quyết định đối với toàn cục. “Thua một trận” hay “thắng một trận” nói ở đây đều là chỉ những thứ có tính chất quyết định. Tất cả những thứ đó đều nói rõ tầm quan trọng của việc chiếu cố đến toàn cục. Điểm mâu chốt đối với người chỉ huy toàn cục là chú ý tới việc chiếu cố toàn cục của cuộc chiến. Chủ yếu là căn cứ vào tình hình mà chiếu cố đến vấn đề tổ chức bộ đội và các binh đoàn, chiếu cố đến mối quan hệ giữa hai chiến dịch, chiếu cố đến mối quan hệ giữa các giai đoạn tác chiến, chiếu cố đến mối quan hệ giữa toàn bộ hoạt động của ta và toàn bộ hoạt động của địch, đó là những chỗ lớn nhất, nếu bỏ những việc ấy mà chỉ bận tâm về những vấn đề thứ yếu thì khó mà tránh khỏi thiệt thòi.

Nói về mối quan hệ giữa toàn cục và cục bộ thì không những mối quan hệ giữa chiến lược và chiến dịch là như thế, mà quan hệ giữa chiến dịch và chiến thuật cũng như thế. Quan hệ giữa thao tác của sư đoàn và thao tác của trung đoàn, tiểu đoàn ; quan hệ giữa thao tác của đại đội với động

tác của trung đội và tiểu đội, là những ví dụ thực tế. Bất kỳ người thủ trưởng của một vị trí nào cũng phải đặt trọng tâm chú ý của mình vào những vấn đề hay những thao tác quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định nhất đối với toàn cục do mình chỉ huy, chứ không thể đặt vào những vấn đề hay thao tác khác được.

Nói là quan trọng, nói là có ý nghĩa quyết định thì không thể quy định theo nghiên cứu chung chung hoặc trừu tượng được, mà cần phải quy định theo từng nghiên cứu cụ thể. Lúc tác chiến, muốn chọn hướng đột kích và chỗ đột kích, thì phải dựa vào tình hình trước mắt về địch, về địa thế và về binh lực của mình. Ở những nơi có nguồn cung dồi dào thì phải chú ý đừng để chiến sĩ ăn quá no, ở những nơi có nguồn cung thiếu thốn thì phải chú ý đừng để chiến sĩ đói bụng. Ở vùng trắng có thể chỉ vì để lộ một tin tức mà làm cho trận chiến đấu sau đó bị thất bại ; nhưng ở vùng đỏ thì vấn đề để lộ tin tức lại thường thường không phải là vấn đề quan trọng. Có những chiến dịch nào đó cần người chỉ huy cao cấp tham gia trực tiếp ; ở những chiến dịch khác thì không cần thiết. Đối với một trường quân sự, vấn đề quan trọng nhất là lựa chọn hiệu trưởng, cán bộ giảng

dạy và đặt phương châm giáo dục. Trong một cuộc mít tinh quần chúng đến dự và đưa ra những khẩu hiệu thích hợp, v.v. Nói tóm lại, một nguyên tắc là phải chú ý tới những khâu quan trọng có liên quan đến toàn cục.

Muốn học tập quy luật chỉ đạo toàn cục chiến tranh thì phải chịu khó suy nghĩ mới được. Vì tính chất toàn cục là những thứ không thấy được, phải chịu khó suy nghĩ mới hiểu ra, nếu không thì sẽ không thể biết được. Nhưng toàn cục là do những thứ cục bộ hợp thành, những người có kinh nghiệm về tính cục bộ, có kinh nghiệm về chiến dịch, chiến thuật, nếu chịu khó suy nghĩ thì sẽ hiểu rõ được những thứ cao hơn. Những vấn đề chiến lược như: chiếu cố đến mối quan hệ giữa ta và địch, chiếu cố đến mối quan hệ giữa các chiến dịch hoặc giữa các giai đoạn tác chiến, chiếu cố những bộ phận nào (có ý nghĩa quyết định) có liên quan với toàn cục, chiếu cố những đặc điểm của tình hình chung, chiếu cố mối quan hệ giữa tiền tuyến và hậu phương, chiếu cố sự khác nhau và mối liên hệ giữa tiêu hao và bổ sung, giữa tác chiến và nghỉ ngơi, giữa tập trung và phân tán, giữa tấn công và phòng ngự, giữa tiến lên và rút lui, giữa ẩn nấp và lộ diện, giữa mặt chủ công và

mặt trợ công, giữa mặt đột kích và mặt kiềm chế, giữa tập trung chỉ huy và phân tán chỉ huy, giữa đánh lâu dài và đánh tốc quyết, giữa đánh trận địa và đánh vận động, giữa quân ta và quân địch, giữa những binh chủng này và những binh chủng khác, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa chiến sĩ cũ và chiến sĩ mới, giữa cán bộ cấp trên và cán bộ cấp dưới, giữa cán bộ cũ và cán bộ mới, giữa vùng đỏ và vùng trắng, giữa vùng cũ và vùng mới, giữa vùng trung tâm và vùng giáp địch, giữa trời nóng và trời lạnh, giữa thắng trận và thua trận, giữa binh đoàn lớn và binh đoàn nhỏ, giữa quân chính quy và đội du kích, giữa việc tiêu diệt địch và việc tranh thủ quần chúng, giữa việc mở rộng Hồng quân và củng cố Hồng quân, giữa công tác quân sự và công tác chính trị, giữa nhiệm vụ trước kia và nhiệm vụ hiện nay, giữa nhiệm vụ bây giờ và nhiệm vụ về sau, giữa nhiệm vụ trong tình hình này và nhiệm vụ trong tình hình khác, giữa mặt trận cố định và mặt trận không cố định, giữa nội chiến và chiến tranh dân tộc, giữa giai đoạn lịch sử này và giai đoạn lịch sử khác v.v, tất cả những vấn đề đó đều là những thứ không thể nhìn thấy được, nhưng nếu chịu khó suy nghĩ thì đều có thể hiểu được, nắm được và tinh thông được. Như vậy nghĩa là có thể nâng tất cả những

vấn đề quan trọng trong chiến tranh hay trong việc tác chiến lên đến một mức độ có tính nguyên tắc tương đối cao để giải quyết. Nhiệm vụ của việc nghiên cứu chiến lược chính là nhằm đạt được mục đích đó.

4. VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG LÀ BIẾT HỌC TẬP

Tại sao phải tổ chức Hồng quân? Vì phải dùng nó để đánh thắng quân thù. Tại sao phải học tập quy luật chiến tranh? Vì phải áp dụng những quy luật đó vào chiến tranh.

Học tập không phải là chuyện dễ, áp dụng nó lại càng không. Dem kiến thức về chiến tranh mà bàn trong lớp học hay bàn trên sách vở thì có rất nhiều người đều nói vanh vách như nhau, nhưng khi đánh trận thì có người được kẻ thua. Lịch sử chiến tranh và kinh nghiệm của chính chúng ta trong chiến tranh đã chứng minh điều đó.

Vậy thì then chốt là ở đâu?

Chúng ta không thể đòi hỏi một vị tướng trong thực tế lúc nào cũng thắng trận, vì điều đó xưa nay rất hiếm gặp. Chúng ta đòi hỏi những vị tướng gan dạ sáng suốt – những vị tướng trí dũng song toàn – trong quá trình chiến đấu nói chung là đánh thắng trận. Muốn trở nên trí dũng song toàn như vậy thì có một phương pháp mà chúng ta cần phải học tập, lúc học tập phải dùng phương pháp ấy, mà khi áp dụng cũng phải dùng phương pháp ấy.

Phương pháp ấy là gì? Là am hiểu tình hình mọi mặt của ta và địch, tìm ra những quy luật hành động của địch và ta, đồng thời áp dụng những quy luật ấy vào hành động của mình.

Trong những tài liệu quân sự của nhiều nước ban bố đều vạch rõ sự cần thiết của việc “theo tình hình mà áp dụng nguyên tắc một cách linh hoạt”, và cũng vạch rõ cả phương pháp xử trí lúc thua trận. Điều trên là dặn người chỉ huy đừng có vì áp dụng nguyên tắc một cách máy móc mà mắc sai lầm chủ quan. Điều dưới là dặn người chỉ huy biết cách xử trí như thế nào khi mắc phải sai lầm chủ quan, hay khi tình hình khách quan có những thay đổi ngoài dự đoán của mình và không sao chống đỡ được.

Tại sao có thể mắc sai lầm chủ quan? Chính là vì việc bố trí và chỉ huy chiến tranh hay chiến đấu không thích hợp với tình hình lúc đó và chỗ đó, sự chỉ đạo chủ quan và tình hình thực tế khách quan không phù hợp với nhau, không ăn khớp với nhau, hay gọi là không giải quyết được mâu thuẫn giữa chủ quan và khách quan. Hết thấy mọi việc do con người làm đều khó tránh khỏi tình hình đó, chỉ có khác là biết hay không biết làm một cách tương đối mà thôi. Trong công việc đòi hỏi phải biết làm một cách tương đối, trong quân sự thì đòi hỏi thẳng trắn nhiều hơn, hay nói cách khác, là đòi hỏi ít thua trắn hơn. Mấu chốt ở đây là làm cho chủ quan và khách quan ăn khớp với nhau.

Lấy ví dụ về chiến thuật mà nói. Chọn điểm tấn công ở một cánh nào đó của trận địa địch mà chỗ đó đúng là nhắm vào điểm yếu của chúng, nên đột kích thành công, đó gọi là chủ quan và khách quan ăn khớp với nhau, cũng tức là việc trinh sát, phán đoán và quyết tâm của người chỉ huy ăn khớp với tình hình hiện tại và sự bố trí của địch. Nếu lại chọn điểm tấn công ở một cánh khác, hay chọn ở chính giữa trận địa địch, thì kết quả là bị vấp không tấn công được, như thế gọi là không ăn khớp với nhau. Việc nắm đúng thời cơ

tấn công, việc sử dụng đội dự bị không sớm không muộn, và việc xử trí trong chiến đấu cùng các thao tác chiến đấu đều có lợi cho ta, bất lợi cho địch, thì đó là một sự ăn khớp hoàn toàn giữa sự chỉ huy chủ quan và tình hình khách quan trong cả cuộc chiến. Việc ăn khớp với nhau hoàn toàn như vậy là điều rất hiếm có trong các cuộc chiến tranh hay các trận chiến đấu, vì trong một cuộc chiến hay trận chiến, hai bên đều là những đoàn người sống được vũ trang, lại giấu giếm lẫn nhau, điều đó rất khác với cách xử trí những vật tĩnh hoặc những việc hàng ngày. Nhưng chỉ cần chúng ta làm sao cho việc chỉ huy về đại thể thích hợp với tình hình, tức là về những bộ phận có ý nghĩa quyết định, thích hợp với tình hình, thì đó là cơ sở của thắng lợi.

Việc bố trí đúng đắn của người chỉ huy là bắt nguồn từ sự quyết tâm đúng đắn, mà quyết tâm đúng đắn bắt nguồn từ sự phán đoán đúng đắn, phán đoán đúng đắn được là nhờ sự trinh sát chu đáo và cần thiết, nhờ sự suy nghĩ một cách có hệ thống về các tài liệu trinh sát đó. Người chỉ huy phải biết sử dụng mọi phương tiện trinh sát có thể có và cần thiết, rồi suy nghĩ trên các tài liệu trinh sát về tình hình địch, bỏ cái thô lấy cái tinh, bỏ cái

giả giữ cái thật, từ cái này tới cái kia, từ ngoài vào trong, rồi cộng thêm tình hình của bên mình, nghiên cứu tương quan lực lượng và mối liên hệ giữa hai bên, nhờ đó mà đi tới phán đoán, hạ quyết tâm và đặt kế hoạch – đó là cả một quá trình nhận thức tình hình của một nhà quân sự trước khi đặt ra kế hoạch về chiến lược, chiến dịch hay chiến đấu. Những nhà quân sự cầu thả thì không làm như vậy, họ xây dựng kế hoạch quân sự theo ý muốn của riêng mình, kế hoạch đó là không tương, không phù hợp với thực tế. Những nhà quân sự hấp tấp chỉ dựa vào lòng nhiệt tình của mình ; sợ dĩ không tránh khỏi việc mắc mưu của địch, bị huyễn hoặc bởi những gì bên ngoài hoặc phiên diện của địch, bị ảnh hưởng bởi những kiến nghị vô trách nhiệm, thiếu đúng đắn và thấu suốt của cấp dưới, nên không tránh khỏi vấp vấp, đó chính là vì họ không biết hay không muốn biết rằng bất cứ kế hoạch quân sự nào cũng phải được xây dựng trên nền tảng trình sát cần thiết, trên nền tảng suy nghĩ kỹ càng về tình hình và mối quan hệ giữa địch và ta.

Quá trình nhận thức tình hình không những tồn tại trước khi vạch ra kế hoạch quân sự, mà còn tồn tại sau khi vạch ra nó nữa. Khi chấp hành một

kế hoạch nào đó, từ lúc bắt đầu chấp hành đến lúc chấm dứt chiến cuộc, lại là một quá trình nhận thức tình hình, tức là quá trình thực hành. Khi đó cần phải kiểm tra lại xem những điều trong quá trình thứ nhất có phù hợp với tình hình thực tế hay không. Nếu thấy kế hoạch không phù hợp hay không hoàn toàn phù hợp với tình hình thì phải dựa theo nhận thức mới, đi tới sự phán đoán mới, hạ quyết tâm mới, sửa đổi lại kế hoạch trước cho sát với tình hình mới. Việc sửa đổi một phần thì hầu hết các trận đánh đều có, việc sửa đổi toàn bộ thì thỉnh thoảng cũng có. Những người hấp tấp, không biết hoặc không muốn sửa đổi lại, cứ làm bừa, kết quả là không tránh khỏi sự vấp vấp.

Trên đây là nói về một hành động chiến lược hoặc một chiến dịch, một trận chiến. Những quân nhân có nhiều kinh nghiệm, nếu chịu khó khiêm tốn học hỏi, nắm được tính chất của bộ đội mình (người chỉ huy, chiến sĩ, vũ khí, cấp dưỡng v.v. và tổng thể của nó), lại nắm được cả tính chất của quân địch (cũng như trên: người chỉ huy, binh lính, vũ khí, cấp dưỡng v.v. và tổng thể của nó), hiểu rõ tất cả những điều kiện khác có liên quan đến chiến tranh như chính trị, kinh tế, địa lý, khí hậu v.v. Những quân nhân như vậy thì tương đối

nắm chắc và có thể giành thắng lợi trong việc chỉ đạo chiến tranh hay trong tác chiến. Đó là kết quả của việc trải qua một thời gian dài đã thấy rõ tình hình hai bên địch và ta, tìm ra được quy luật hành động, giải quyết được những mâu thuẫn giữa chủ quan và khách quan. Quá trình nhận thức ấy hết sức quan trọng, không có những kinh nghiệm của một thời gian dài như thế mà muốn hiểu rõ và nắm vững quy luật của toàn bộ cuộc chiến thì thật là khó. Muốn làm một người chỉ huy cao cấp thực sự tài giỏi, không thể chỉ là những tay tập sự hoặc chỉ giỏi lý luận suông, mà cần phải học tập trong chiến tranh mới có thể làm được.

Tất cả những quy luật quân sự hay lý luận quân sự có tính chất nguyên tắc đều là sự tổng kết kinh nghiệm của những cuộc chiến trước kia của người xưa hoặc người đời nay. Những bài học xương máu của những cuộc chiến trước kia để lại, chúng ta cần phải chú trọng học hỏi. Đó là một việc. Nhưng còn một việc nữa là phải lấy kinh nghiệm của bản thân mình để khảo sát và chứng minh những kết luận ấy, tiếp thu những cái có thể dùng được, bỏ những cái không dùng được, thêm những cái độc đáo của mình. Việc này hết sức

quan trọng, không làm thế thì chúng ta không thể chỉ đạo được chiến tranh.

Đọc sách là học tập, áp dụng cũng là học tập, mà còn là việc học tập quan trọng hơn. Học tập chiến tranh trong chiến tranh, đó là phương pháp chính của chúng ta. Những người không có dịp học ở nhà trường vẫn có thể học tập được chiến tranh, tức là học tập trong chiến tranh. Chiến tranh cách mạng là việc của dân chúng. Thường thường không phải là học rồi mới làm, mà là bắt tay làm rồi mới học, làm tức là học. Từ “người dân thường” tới một quân nhân có một khoảng cách, nhưng khoảng cách đó không phải như Vạn lý trường thành mà có thể xóa bỏ được nó một cách mau chóng. Làm cách mạng, tiến hành chiến tranh, tức là phương pháp để xóa bỏ khoảng cách ấy. Ta nói học tập và áp dụng không phải là chuyện dễ, nghĩa là nói học cho triệt để và dùng cho thành thạo không phải là chuyện dễ. Ta nói người dân thường có thể mau chóng trở thành quân nhân, có nghĩa là vào ngành này cũng chẳng khó. Gộp hai điều đó thì đúng như câu tục ngữ Trung Quốc: “Không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền.” Vào ngành đã không phải chuyện khó thì việc học cho tinh thông cũng có thể làm

được, chẳng qua chỉ cần bền lòng và biết cách học tập mà thôi.

Quy luật quân sự cũng như quy luật của mọi sự vật khác là sự phản ánh của thực tế khách quan¹ vào đầu óc chúng ta. Ngoài trí óc của chúng ta ra, hết thảy đều là thực tế khách quan cả. Cho nên đối tượng của việc học tập và nhận thức là bao gồm cả hai mặt địch và ta, hai mặt đó đều phải được coi là đối tượng nghiên cứu, chỉ có trí óc chúng ta (tư tưởng) mới là chủ thể của việc nghiên cứu. Có một hạng người chỉ biết mình mà không biết địch ; lại có một hạng người chỉ biết địch mà không biết mình. Hai hạng người đó đều không giải quyết được vấn đề học tập và áp dụng quy luật chiến tranh. Trong binh thư của Tôn Tử², một nhà quân sự lớn thời xưa của Trung Quốc có câu: “Biết người biết ta, trăm trận không nguy”, câu ấy bao gồm cả hai giai đoạn học tập và áp dụng, bao gồm cả việc nhận thức quy luật phát triển của thực tế khách quan và dựa theo những quy luật ấy để quyết định hành động của mình, để đánh thắng quân địch trước mắt ; chúng ta không nên coi thường câu nói đó.

Chiến tranh là hình thức đấu tranh cao nhất giữa các dân tộc, giữa các nước, giữa các giai cấp,

giữa các tập đoàn chính trị. Tất cả những quy luật chiến tranh đều là những cái mà các dân tộc, các nước, các giai cấp và các tập đoàn chính trị dùng để giành thắng lợi cho mình trong khi tiến hành chiến tranh. Cái quyết định sự thắng bại của chiến tranh chủ yếu là do các điều kiện quân sự, chính trị, kinh tế, thiên nhiên của đôi bên tác chiến, điều đó đã dứt khoát rồi. Nhưng không phải chỉ có thế, mà còn quyết định ở năng lực chỉ đạo chủ quan của đôi bên tác chiến. Nhà quân sự không thể mong giành được thắng lợi của chiến tranh ngoài phạm vi mà điều kiện vật chất cho phép, nhưng nhà quân sự có thể và cần phải giành cho được thắng lợi của chiến tranh trong phạm vi mà điều kiện vật chất cho phép. Vũ đài hoạt động của nhà quân sự xây dựng trên nền tảng của điều kiện vật chất khách quan, nhưng dựa vào vũ đài đó, nhà quân sự có thể chỉ đạo được nhiều vở kịch sống sinh động và oai hùng. Vì thế, dựa trên cơ sở vật chất khách quan đã định, tức là trên cơ sở những điều kiện quân sự, chính trị, kinh tế và tự nhiên, những người chỉ huy của Hồng quân chúng ta cần phải phát huy uy lực của mình, diu dắt toàn quân, đánh đổ kẻ thù của dân tộc, của giai cấp, cải tạo cái thế giới không tốt này đi. Ở đây cần đến và phải dùng đến năng lực chỉ đạo chủ quan của

chúng ta. Chúng ta không cho phép bất cứ một người chỉ huy Hồng quân nào trở thành những người hấp tấp, liều lĩnh. Chúng ta cần phải đề bạt một người chỉ huy Hồng quân phải trở thành anh hùng gan dạ những sáng suốt, không những có dũng khí đề bẹp tất cả, mà còn có khả năng điều khiển sự phát triển và thắng trận của toàn bộ cuộc chiến nữa. Người chỉ huy bơi trong biển cả của chiến tranh, không được để cho mình bị chìm mà phải từng bước bơi tới bờ bên kia một cách kiên quyết. Quy luật chỉ đạo chiến tranh tức là nghệ thuật bơi lội trong chiến tranh.

Trên đây là phương pháp của chúng ta.

CHƯƠNG II

ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC VÀ CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRUNG QUỐC

Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc bắt đầu từ năm 1924, đến nay đã trải qua hai giai đoạn, tức là giai đoạn từ năm 1924 đến năm 1927 và giai đoạn từ năm 1927 đến năm 1936 ; còn từ đây

về sau là giai đoạn Chiến tranh Cách mạng dân tộc kháng Nhật. Cuộc chiến tranh cách mạng trong ba giai đoạn đó đều do giai cấp vô sản Trung Quốc và chính đảng của nó là Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Kẻ thù chính của Chiến tranh cách mạng Trung Quốc là chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến. Giai cấp tư sản Trung Quốc, mặc dù ở trong một thời kỳ lịch sử nào đó, có thể tham gia cuộc chiến tranh cách mạng, nhưng do tính tự tư tự lợi và thiếu tính độc lập về chính trị và kinh tế, nên họ không muốn và cũng không thể lãnh đạo nổi cuộc Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc tiến lên con đường thắng lợi hoàn toàn. Quần chúng nông dân và tiểu tư sản thành thị Trung Quốc thì tích cực tham gia chiến tranh cách mạng và mong muốn đưa chiến tranh đến thắng lợi hoàn toàn. Họ là quân chủ lực của chiến tranh cách mạng, nhưng vì đặc điểm của nền sản xuất nhỏ của họ làm cho tầm mắt chính trị của họ bị hạn chế (còn một số quần chúng thất nghiệp thì lại có tư tưởng vô chính phủ), cho nên họ không thể trở thành người lãnh đạo chiến tranh một cách đúng đắn. Do đó, trong thời đại mà giai cấp vô sản đã bước lên vũ đài chính trị, thì trách nhiệm lãnh đạo chiến tranh cách mạng Trung Quốc không thể không đặt lên vai Đảng Cộng sản

Trung Quốc được. Trong lúc này, bất kỳ cuộc chiến tranh cách mạng nào, nếu không có hoặc đi ngược lại sự lãnh đạo của giai cấp vô sản và đảng cộng sản thì cuộc chiến đó nhất định sẽ thất bại. Vì trong các tầng lớp xã hội và các tập đoàn chính trị ở một nước bán thuộc địa như Trung Quốc, chỉ có giai cấp vô sản và đảng cộng sản mới thật là không có tính hẹp hòi và tính tự tư tự lợi, mới có tầm mắt chính trị xa nhất và có tính tổ chức nhất, hơn nữa lại có thể tiếp thu những kinh nghiệm của giai cấp vô sản tiên tiến và chính đảng của nó trên thế giới một cách khiêm tốn nhất để áp dụng vào sự nghiệp của mình. Vì thế mà chỉ có giai cấp vô sản và đảng cộng sản mới lãnh đạo được nông dân, giai cấp tiểu tư sản thành thị và giai cấp tư sản, khắc phục được tính hẹp hòi của giai cấp nông dân và giai cấp tiểu tư sản, khắc phục được tính chất phá hoại của quần chúng thất nghiệp, đồng thời còn có thể khắc phục được tính dao động và không triệt để của giai cấp tư sản (nếu chính sách của đảng cộng sản không mắc sai lầm), làm cho cách mạng và chiến tranh tiến lên con đường thắng lợi.

Cuộc chiến tranh cách mạng năm 1924 đến năm 1927, về cơ bản mà nói, là tiến hành dưới

ảnh hưởng chính trị và sự hợp tác chính trị của giai cấp vô sản quốc tế, của giai cấp vô sản Trung Quốc và chính đảng của nó đối với giai cấp tư sản dân tộc Trung Quốc và chính đảng của nó. Nhưng trong giờ phút cách mạng và chiến tranh gặp cơn nguy biến, thì trước hết là do giai cấp đại tư sản phản bội, đồng thời cũng do bọn cơ hội chủ nghĩa trong hàng ngũ cách mạng tự phá bỏ quyền lãnh đạo cách mạng của mình, cho nên cuộc chiến tranh cách mạng này thất bại.

Cuộc chiến tranh cách mạng ruộng đất từ năm 1927 đến nay đã tiến hành trong một tình hình mới. Kẻ thù của chiến tranh không những là chủ nghĩa đế quốc mà còn bao gồm khối liên minh giữa giai cấp đại tư sản và đại địa chủ nữa. Giai cấp tư sản dân tộc thì chỉ theo đuôi giai cấp đại tư sản. Duy chỉ có đảng cộng sản là lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng này. Đảng cộng sản đã tạo ra bá quyền lãnh đạo đối với cuộc chiến tranh cách mạng. Bá quyền lãnh đạo của đảng cộng sản là điều kiện quan trọng nhất để giữ vững cuộc chiến tranh cách mạng đến cùng. Không có bá quyền lãnh đạo ấy của đảng cộng sản thì không thể nào tưởng tượng được rằng cuộc chiến tranh cách mạng có thể có được tính bền vững ấy.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo cuộc Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc một cách anh dũng và kiên quyết, trong 15 năm trường kỳ³, Đảng đã tỏ rõ trước đồng bào cả nước rằng mình là bạn của nhân dân, luôn luôn đứng ở tuyến đầu của cuộc chiến tranh cách mạng để bảo vệ lợi ích của nhân dân, giành tự do và giải phóng cho nhân dân.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thể hiện vai trò giáo dục vĩ đại trước mấy trăm triệu người của cả dân tộc bằng quá trình tranh đấu gian khổ của mình, bằng sự hy sinh xương máu của mấy mươi vạn Đảng viên anh dũng và mấy vạn cán bộ anh dũng. Những thành tựu vĩ đại của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong đấu tranh cách mạng đã khiến cho Trung Quốc có điều kiện để cứu nước và giành sự sống còn trước cơn nguy biến ngày nay là bị kẻ thù dân tộc xâm lăng; điều kiện đó là có vị lãnh tụ chính trị được đông đảo nhân dân tín nhiệm và được nhân dân lựa chọn qua một thời gian thử thách lâu dài. Ngày nay, tiếng nói của đảng cộng sản dễ được nhân dân nghe theo hơn bất kỳ tiếng nói của một chính đảng nào khác. Nếu không có cuộc tranh đấu gian khổ trong 15 năm qua của Đảng Cộng sản Trung Quốc thì

không có gì có thể cứu vãn được nguy cơ mất nước mới.

Trong cuộc chiến tranh cách mạng, ngoài hai lần mắc sai lầm về chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh Trần Độc Tú⁴ và về chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh Lý Lập Tam⁵ ra, Đảng Cộng sản Trung Quốc còn mắc hai sai lầm nữa như sau: 1) Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh hồi năm 1931 đến năm 1934⁶, sai lầm đó đã làm cho chiến tranh cách mạng ruộng đất phải chịu tổn thất hết sức nặng nề, kết quả là không thắng được quân địch trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm, trái lại còn bị mất căn cứ địa, và khiến lực lượng Hồng quân bị suy yếu nữa. Sai lầm này đã được sửa chữa tại Hội nghị Tuân Nghĩa của Bộ Chính trị Trung ương mở rộng vào tháng 1 năm 1935. 2) Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trương Quốc Đào từ năm 1935 đến năm 1936⁷, sai lầm này đã phát triển tới mức phá hoại kỷ luật của Đảng và Hồng quân, làm cho một bộ phận chủ lực của Hồng quân phải chịu tổn thất nặng nề, nhưng nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương và tinh thần giác ngộ của các Đảng viên, cán bộ và chiến sĩ trong Hồng quân, nên cuối cùng sai lầm đó cũng đã được sửa chữa. Tất cả những sai lầm nói trên dĩ nhiên là không có lợi

cho Đảng, cho cách mạng và cho cuộc chiến của chúng ta, nhưng cuối cùng đã được chúng ta khắc phục, qua việc khắc phục những sai lầm ấy, Đảng ta và Hồng quân của chúng ta được rèn luyện vững mạnh thêm.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã và đang tiếp tục lãnh đạo cuộc chiến tranh cách mạng sôi nổi, vẻ vang và thắng lợi. Cuộc chiến này không những là lá cờ giải phóng Trung Quốc mà còn có ý nghĩa cách mạng quốc tế nữa. Nhân dân cách mạng thế giới đang hướng về chúng ta. Trong giai đoạn mới, giai đoạn chiến tranh cách mạng dân tộc kháng Nhật, chúng ta sẽ hoàn thành cách mạng Trung Quốc và cũng sẽ gây ảnh hưởng sâu sắc cho cách mạng Phương Đông và cách mạng thế giới. Những cuộc chiến tranh cách mạng trước đây đã chứng tỏ rằng, chúng ta không những cần có một đường lối chính trị Marxist đúng đắn mà còn phải có một đường lối quân sự Marxist đúng đắn nữa. Mười lăm năm cách mạng và chiến tranh đã rèn đúc được một đường lối chính trị và quân sự như vậy. Trong giai đoạn mới của cuộc chiến sau này, chúng ta tin rằng sẽ làm cho đường lối ấy ngày càng phát triển, đầy đủ và phong phú theo hoàn cảnh mới để đạt được mục tiêu chiến thắng

kẻ thù của dân tộc. Lịch sử đã dạy chúng ta rằng, đường lối chính trị và quân sự đúng đắn không phải nảy sinh và phát triển một cách tự nhiên và lặng lẽ, mà là nảy sinh và phát triển trong đấu tranh. Một mặt, nó phải đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội “tả khuynh” ; mặt khác, nó lại phải đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh. Không đấu tranh với những khuynh hướng có hại làm nguy hại cho cách mạng và chiến tranh cách mạng, đồng thời không triệt để khắc phục nó thì không thể nào xây dựng được đường lối đúng đắn và đưa cuộc chiến tranh cách mạng tới thắng lợi được. Trong cuốn sách nhỏ này, tôi thường nhắc tới những ý kiến sai lầm cũng chính vì mục đích ấy.

CHƯƠNG III

ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRUNG QUỐC

I. TẦM QUAN TRỌNG CỦA VẤN ĐỀ NÀY

Những người không thừa nhận, không biết hay không muốn biết cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc có những đặc điểm của nó, đã coi việc Hồng quân chiến đấu với Quân đội Quốc dân Đảng như các cuộc chiến nói chung, hoặc như nội chiến ở Liên Xô. Kinh nghiệm nội chiến ở Liên Xô do Lenin và Stalin lãnh đạo là có ý nghĩa quốc tế. Tất cả các đảng cộng sản cũng như Đảng Cộng sản Trung Quốc đều lấy những kinh nghiệm ấy và lấy sự tổng hợp lý luận của Lenin và Stalin về những kinh nghiệm ấy làm kim chỉ nam. Nhưng như thế không có nghĩa là chúng ta phải áp dụng những kinh nghiệm ấy vào điều kiện của chúng ta một cách máy móc. Về nhiều mặt, cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc có những đặc điểm của nó, khác với những đặc điểm của cuộc nội chiến ở Liên Xô. Nếu không tính đến những đặc điểm ấy hoặc phủ nhận chúng thì dĩ nhiên là sai lầm. Mười năm chiến tranh của chúng ta đã hoàn toàn chứng minh điều đó.

Kẻ thù của chúng ta cũng đã từng mắc những sai lầm như vậy. Chúng không thừa nhận rằng việc chiến đấu với Hồng quân cần phải dùng một chiến lược, chiến thuật khác với những cuộc chiến khác. Chúng dựa vào ưu thế về các mặt của

chúng, coi thường chúng ta, khư khư giữ lối đánh cũ rích của chúng. Đó là tình hình của thời kỳ “vây quét” lần thứ tư vào năm 1933 và tình hình trước đó của địch, kết quả là đã đưa chúng đến mấy lần thất bại. Người đầu tiên nêu ra ý kiến mới về vấn đề này trong Quân đội Quốc dân Đảng là Liễu Duy Viên, một tên tướng phản động của Quốc dân Đảng, sau này lại thêm Đới Nhạc. Cuối cùng, ý kiến của chúng được Tưởng Giới Thạch chấp thuận. Đó chính là quá trình sinh ra đoàn huấn luyện sĩ quan của Tưởng Giới Thạch ở Lư Sơn ⁸ và những nguyên tắc quân sự phản động mới mà chúng thi hành trong cuộc “vây quét” lần thứ năm ⁹.

Nhưng trong lúc quân địch thay đổi nguyên tắc quân sự của chúng cho hợp tình hình tác chiến với Hồng quân, thì trong hàng ngũ chúng ta lại xuất hiện những người trở lại “lề lối cũ”. Họ chủ trương trở lại với tình hình chung, từ chối việc tìm hiểu bất cứ một tình hình riêng biệt nào, bỏ qua tất cả những kinh nghiệm trong lịch sử chiến tranh đẫm máu của Hồng quân, coi thường lực lượng của đế quốc và Quốc dân Đảng, coi thường lực lượng của Quân đội Quốc dân Đảng, không biết gì đến những nguyên tắc phản động mới của kẻ

địch. Kết quả là làm mất tất cả những căn cứ địa cách mạng, trừ biên khu Thiểm – Cam, làm cho Hồng quân từ 30 vạn người chỉ còn lại mấy vạn, làm cho Đảng Cộng sản Trung Quốc từ 30 vạn Đảng viên chỉ còn lại mấy vạn Đảng viên, còn tổ chức Đảng trong vùng Quốc dân Đảng kiểm soát thì hầu như tan vỡ hoàn toàn. Tóm lại, chúng ta đã phải chịu sự trừng phạt nặng nề có tính chất lịch sử. Những người đó tự xưng là những người Marxist-Leninist, nhưng kỳ thực họ chẳng học được tí gì về chủ nghĩa Marx-Lenin cả. Lenin nói rằng: cái bản chất của chủ nghĩa Marx, linh hồn sống của chủ nghĩa Marx là ở chỗ phân tích cụ thể một tình hình cụ thể ¹⁰. Những đồng chí đó của chúng ta đã quên mất điều này.

Do đó ta có thể thấy rằng, nếu không hiểu rõ đặc điểm của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc, thì không thể nào chỉ đạo được Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc, cũng không thể đưa Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc tới thắng lợi.

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG TRUNG QUỐC LÀ GÌ?

Thế thì đặc điểm của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc là gì?

Tôi cho rằng có bốn đặc điểm chính:

Đặc điểm thứ nhất: Trung Quốc là một nước bán thuộc địa lớn, với một nền chính trị, kinh tế phát triển không đều, lại đã trải qua cuộc cách mạng từ năm 1924 đến năm 1927.

Đặc điểm này chỉ ra rằng cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc có thể phát triển và thắng lợi. Từ mùa đông năm 1927 đến mùa xuân năm 1928, sau khi cuộc chiến tranh du kích ở Trung Quốc nổ ra chưa được bao lâu, có một số người trong các đồng chí ở núi Tĩnh Cương thuộc vùng giáp ranh giữa hai tỉnh Hồ Nam và Giang Tây, nêu ra câu hỏi: “Lá cờ đỏ rớt cuộc sẽ đứng vững được bao lâu” thì lúc đó chúng ta đã vạch ra đặc điểm này (trong Đại hội đại biểu Đảng lần thứ I ở vùng giáp ranh Hồ Nam – Giang Tây¹¹). Vì đó là một vấn đề cơ bản nhất, nếu không trả lời được vấn đề căn cứ địa cách mạng Trung Quốc và Hồng quân Trung Quốc có thể tồn tại và phát triển được hay không, thì chúng ta không thể nào tiến lên được. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp vào năm

1928 lại trả lời một lần nữa về vấn đề này. Từ đó phong trào cách mạng Trung Quốc đã có một cơ sở lý luận đúng đắn.

Bây giờ chúng ta hãy thử phân tích vấn đề này:

Chính trị, kinh tế Trung Quốc phát triển không đều – vừa có nền kinh tế tư bản nhỏ bé, lại vừa có nền kinh tế bán phong kiến trầm trọng ; vừa có một vài thành thị công thương nghiệp hiện đại, lại vừa có vùng nông thôn rộng lớn đang đình trệ ; vừa có mấy triệu thợ thuyền ở các nhà máy, lại vừa có mấy trăm triệu nông dân và thợ thủ công đang sống dưới chế độ thống trị cũ ; vừa có bọn đại quân phiệt nắm chính quyền trung ương, vừa có bọn tiểu quân phiệt cai quản các tỉnh ; trong quân đội phản động có hai bộ phận quân đội cùng tồn tại, cái gọi là quân đội trung ương lệ thuộc vào Tưởng Giới Thạch và cái gọi là quân hỗn hợp lệ thuộc vào bọn quân phiệt các tỉnh ; vừa có một ít đường ray, đường tàu thủy, đường xe hơi, lại vừa có rất nhiều đường chỉ có thể đi xe cút kít, đi bộ và những con đường ngay cả đi bộ cũng khó.

Trung Quốc cũng là một nước bán thuộc địa – vì bọn đế quốc không thống nhất nên ảnh hưởng đến các tập đoàn thống trị ở Trung Quốc cũng không thống nhất. Một nước bán thuộc địa bị nhiều nước chi phối khác với nước thuộc địa do một nước chi phối.

Trung Quốc là một nước lớn – “Đằng Đông không sáng thì đằng Tây sáng, trời phương Nam tối còn phương Bắc”, chẳng lo không có chỗ xoay xở.

Trung Quốc đã trải qua một cuộc đại cách mạng – đã chuẩn bị những mầm mống cho Hồng quân, đã chuẩn bị người lãnh đạo cho Hồng quân tức là đảng cộng sản, và cũng đã chuẩn bị được quần chúng đã từng tham gia cách mạng một lần.

Bởi vậy chúng ta nói rằng, Trung Quốc là một nước bán thuộc địa lớn, có nền chính trị, kinh tế phát triển không đều, và đã trải qua một lần cách mạng, đó là đặc điểm thứ nhất của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc. Đặc điểm này không những đã cơ bản quy định chiến lược và sách lược chính trị của chúng ta, mà về cơ bản còn quy định chiến lược và sách lược quân sự của chúng ta nữa.

Đặc điểm thứ hai là sự lớn mạnh của kẻ thù.

Tình hình của Quốc dân Đảng, kẻ thù của Hồng quân ra sao? Quốc dân Đảng là một đảng đã cướp được chính quyền và chính quyền đó lại tương đối ổn định. Nó được các nước phản cách mạng chính trên toàn thế giới viện trợ. Nó đã cải tổ quân đội và cải tổ tới mức khác biệt so với những quân đội ở những thời đại khác nhau trong lịch sử Trung Quốc, về đại thể nó giống như quân đội của các nước hiện đại trên thế giới ; so với Hồng quân thì chúng được cung cấp vũ khí và vật tư quân sự đầy đủ hơn nhiều, hơn nữa quân số của chúng cũng đông đảo hơn quân đội ở những thời đại khác nhau trong lịch sử Trung Quốc và đông đảo hơn quân đội thường trực của bất cứ một nước nào trên thế giới. So sánh Quân đội Quốc dân Đảng với Hồng quân thì thật là khác nhau một trời một vực. Nó đã khống chế vị trí then chốt hoặc những mạch máu về chính trị, kinh tế, giao thông và văn hóa trên toàn Trung Quốc, chính quyền của nó là chính quyền có tính chất toàn quốc.

Hồng quân Trung Quốc đứng trước một kẻ thù lớn mạnh như vậy. Đó là đặc điểm thứ hai của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc. Đặc điểm đó làm cho việc tác chiến của Hồng quân không thể không có nhiều sự khác nhau so với các cuộc

chiến tranh nói chung, so với cuộc nội chiến ở Liên Xô và Chiến tranh Bắc phạt.

Đặc điểm thứ ba là sự nhỏ yếu của Hồng quân.

Hồng quân Trung Quốc ra đời sau thất bại của cuộc đại cách mạng lần thứ nhất và bắt đầu từ những đội du kích. Hồng quân không những trải qua thời kỳ phản động của Trung Quốc, mà còn phải trải qua thời kỳ mà các nước tư bản phản động trên thế giới tương đối ổn định về chính trị và kinh tế.

Chính quyền của chúng ta là chính quyền vừa phân tán vừa cô lập ở những vùng rừng núi hoặc những nơi hẻo lánh, không có một chút giúp đỡ nào từ bên ngoài. Điều kiện kinh tế và điều kiện văn hóa trong căn cứ địa cách mạng lạc hậu hơn vùng Quốc dân Đảng. Căn cứ địa cách mạng chỉ gồm có nông thôn và các thành phố nhỏ. Lúc mới thành lập, những vùng đó rất nhỏ bé, sau này cũng không lấy gì lớn lắm. Hơn nữa căn cứ địa cách mạng lại di động không cố định ở một chỗ ; Hồng quân chưa có căn cứ địa thực sự vững chắc.

Số lượng của Hồng quân ít, vũ khí của Hồng quân kém, việc cung cấp vật tư như lương thực,

chăn mền, quần áo của Hồng quân hết sức khó khăn.

Đặc điểm này hết sức trái ngược với đặc điểm trên. Chiến lược, chiến thuật của Hồng quân ra đời trên sự trái ngược đó.

Đặc điểm thứ tư là sự lãnh đạo của đảng cộng sản và cách mạng ruộng đất.

Đặc điểm này là kết quả tất yếu của đặc điểm thứ nhất. Đặc điểm này đã sinh ra hai mặt của tình hình. Một mặt là cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc tuy ở trong thời kỳ phản động của Trung Quốc và của thế giới tư bản chủ nghĩa, nhưng có thể giành thắng lợi vì có sự lãnh đạo của đảng cộng sản và sự ủng hộ của nông dân. Căn cứ địa tuy nhỏ nhưng có uy thế rất lớn về chính trị, đứng hiên ngang trước chính quyền khổng lồ của Quốc dân Đảng. Vì chúng ta có sự ủng hộ của nông dân nên về quân sự đã gây khó khăn rất lớn cho những cuộc tấn công của Quốc dân Đảng. Hồng quân tuy nhỏ nhưng có sức chiến đấu mạnh mẽ, vì những chiến sĩ Hồng quân dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản ra đời từ trong cuộc cách mạng ruộng đất, chiến đấu vì lợi ích của bản thân mình;

hơn nữa, giữa cán bộ và chiến sĩ đều nhất trí về chính trị.

Mặt khác, điều này là trái ngược với Quốc dân Đảng. Quốc dân Đảng chống lại cách mạng ruộng đất nên không được nông dân ủng hộ. Quân đội của chúng tuy đông, nhưng không làm cho quần chúng binh lính và nhiều sĩ quan cấp dưới xuất thân từ những người sản xuất nhỏ tự giác liều mạng cho Quốc dân Đảng được. Về chính trị thì giữa sĩ quan và binh lính có những bất đồng với nhau, điều đó đã làm sức chiến đấu của chúng giảm sút.

3. DO ĐÓ MÀ SINH RA CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT CỦA CHÚNG TA

Một nước bán thuộc địa lớn với một nền chính trị, kinh tế phát triển không đều và đã trải qua một cuộc đại cách mạng, kẻ thù lớn mạnh, Hồng quân nhỏ yếu, cách mạng ruộng đất, đó là bốn đặc điểm chính của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc. Những đặc điểm ấy đã duy định đường lối chỉ đạo và nhiều nguyên tắc về chiến lược, chiến thuật

trong cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc. Đặc điểm thứ nhất và đặc điểm thứ tư đã quy định khả năng phát triển và chiến thắng kẻ thù của Hồng quân Trung Quốc. Đặc điểm thứ hai và đặc điểm thứ ba đã quy định Hồng quân Trung Quốc không thể phát triển và chiến thắng kẻ thù một cách nhanh chóng được, nghĩa là đã quy định tính chất lâu dài của chiến tranh, đồng thời nếu không khéo, còn có thể thất bại.

Đó là hai mặt của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc. Hai mặt ấy đồng thời tồn tại, nghĩa là vừa có những điều kiện thuận lợi, vừa có những điều kiện khó khăn. Đó là quy luật cơ bản của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc, nhiều quy luật khác đều từ quy luật cơ bản đó mà ra. Lịch sử mười năm chiến tranh của chúng ta đã chứng tỏ sự đúng đắn của quy luật ấy. Nếu ai có mắt mà không thấy rõ những quy luật có tính chất cơ bản ấy, người đó không thể chỉ đạo nổi Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc và cũng không thể làm cho Hồng quân đánh thắng được.

Rất rõ ràng, cần phải giải quyết đúng đắn tất cả những vấn đề nguyên tắc như: quy định đúng đắn phương hướng chiến lược, khi tấn công thì chống chủ nghĩa phiêu lưu, lúc phòng ngự thì

chống chủ nghĩa bảo thủ, lúc di chuyển thì chống chủ nghĩa chạy dài ; chống chủ nghĩa du kích trong Hồng quân, nhưng phải thừa nhận tính du kích của Hồng quân ; chống đánh lâu dài về chiến dịch và chống đánh tốc quyết về chiến lược, thừa nhận đánh lâu dài về chiến lược và đánh tốc quyết về chiến dịch ; chống lối đánh với chiến trường cố định và lối đánh trận địa chiến, thừa nhận lối đánh với chiến trường không cố định và lối đánh vận động chiến ; chống lối đánh chỉ làm địch tan, thừa nhận lối đánh tiêu diệt ; chống chủ nghĩa hai quả đấm trong phương hướng chiến lược, thừa nhận chủ nghĩa một quả đấm ; chống chế độ hậu phương lớn, thừa nhận chế độ hậu phương nhỏ; chống lối chỉ huy tập trung tuyệt đối, thừa nhận lối chỉ huy tập trung tương đối ; chống quan điểm quân sự thuần túy và chủ nghĩa giặc cỏ ¹², thừa nhận Hồng quân là người tuyên truyền và tổ chức của Cách mạng Trung Quốc ; chống chủ nghĩa thổ phỉ ¹³, thừa nhận kỷ luật chính trị nghiêm ngặt; chống chủ nghĩa quân phiệt, thừa nhận sinh hoạt dân chủ có hạn chế và kỷ luật quân sự có uy lực; chống chính sách cán bộ bè phái không đúng đắn, thừa nhận chính sách cán bộ đúng đắn ; chống chính sách cô độc, thừa nhận việc tranh thủ tất cả những bạn đồng minh có thể tranh thủ được ; cuối

cùng là chống việc làm cho Hồng quân đứng yên ở giai đoạn cũ, mà phải tranh thủ phát triển Hồng quân lên giai đoạn mới. Vấn đề chiến lược mà chúng ta bàn luận hiện nay chính là phải căn cứ vào kinh nghiệm trong mười năm lịch sử chiến tranh đẫm máu của Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc để trình bày những vấn đề trên một cách triệt để.

CHƯƠNG IV

“VÂY QUÉT” VÀ CHỐNG “VÂY QUÉT” LÀ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA NỘI CHIẾN TRUNG QUỐC

Mười năm nay, kể từ ngày chiến tranh du kích bắt đầu, xung quanh bất cứ một đội du kích đồ độc lập, mọi đội Hồng quân hay một căn cứ địa cách mạng nào cũng thường xuyên bị địch “vây quét”. Địch coi Hồng quân như con quái vật, hễ thấy là muốn vồ bắt. Bao giờ chúng cũng theo sát Hồng quân, và bao giờ cũng bao vây Hồng quân. Hình thức này, mười năm qua không thay đổi, nếu không có chiến tranh dân tộc thay thế nội chiến,

thì cho tới ngày quân địch trở thành những kẻ yếu ớt, còn Hồng quân trở thành kẻ mạnh, hình thức ấy cũng sẽ không thay đổi.

Hoạt động của Hồng quân là dùng hình thức chống “vây quét”. Nói thắng lợi chủ yếu là nói đến thắng lợi của chống “vây quét”, đó là thắng lợi về chiến lược và trong chiến dịch. Cứ mỗi lần chống “vây quét” là một chiến dịch, thường thường bao gồm từ mấy trận cho đến mấy mươi trận chiến đấu lớn nhỏ. Khi một cuộc “vây quét” chưa bị đánh tan về cơ bản, thì dù có thu được thắng lợi trong nhiều trận đánh đi chăng nữa, cũng chưa thể nói được rằng đã thắng lợi về mặt chiến lược hay trong toàn bộ chiến dịch. Pho sứ mười năm chiến tranh của Hồng quân chính là một pho sứ chống “vây quét”.

Quân địch “vây quét” và Hồng quân chống “vây quét”, hai hình thức chiến đấu tấn công và phòng ngự mà đôi bên cùng áp dụng ấy không có gì khác với các cuộc chiến tranh từ xưa đến nay ở trong nước cũng như ở nước ngoài. Nhưng đặc điểm của Nội chiến Trung Quốc là sự lặp đi lặp lại lâu dài của hai hình thức. Trong một cuộc “vây quét”, quân địch lấy tấn công để chống lại sự phòng ngự của Hồng quân, Hồng quân lấy phòng

ngự để chống lại sự tấn công của địch, đó là giai đoạn đầu của chiến dịch chống “vây quét”. Địch lấy phòng ngự để chống lại sự tấn công của Hồng quân, Hồng quân thì lấy tấn công để chống lại sự phòng ngự của địch, đó là giai đoạn thứ hai của chiến dịch chống “vây quét”. Bất cứ cuộc “vây quét” nào cũng có cả hai giai đoạn đó và lặp đi lặp lại lâu dài.

Nói lặp đi lặp lại lâu dài, tức là nói sự lặp đi lặp lại của hình thức chiến tranh và chiến đấu. Đó là một sự thật, ai nhìn qua cũng thấy ngay. “Vây quét” và chống “vây quét” là sự lặp đi lặp lại của hình thức chiến tranh. Giai đoạn thứ nhất, địch lấy tấn công để chống lại sự phòng ngự của ta, ta lấy phòng ngự để chống lại sự tấn công của địch ; và giai đoạn thứ hai là địch lấy phòng ngự để chống lại sự tấn công của ta, ta lấy tấn công để chống lại sự phòng ngự của địch, đó là sự lặp đi lặp lại của hình thức chiến đấu trong mỗi cuộc “vây quét”.

Còn như nội dung của chiến tranh và trận chiến thì không phải là lặp đi lặp lại một cách đơn giản mà mỗi lần mỗi khác. Đó cũng là sự thật, ai nhìn vào cũng thấy ngay. Quy luật ở đây là quy mô “vây quét” và chống “vây quét” mỗi lần một

lớn hơn, tình hình mỗi lần một phức tạp hơn, chiến đấu mỗi lần một ác liệt hơn.

Nhưng cũng không phải là không có lúc lên lúc xuống. Sau cuộc “vây quét” lần thứ năm, vì Hồng quân bị suy yếu rất nhiều, toàn bộ căn cứ địa ở miền Nam thất thủ, Hồng quân chuyển lên phía Tây Bắc, và không còn giữ được địa vị quan trọng để có thể uy hiếp được kẻ thù trong nước như ở miền Nam nữa, nên quy mô, tình hình và chiến dịch “vây quét” đã nhỏ hơn, đơn giản hơn và trở nên dẹt đi.

Thất bại của Hồng quân nghĩa là thế nào? Về chiến lược mà nói thì chỉ khi nào không thu được thắng lợi gì hết trong việc chống “vây quét” mới gọi là thất bại, mà cũng chỉ có thể gọi là thất bại cục bộ và tạm thời mà thôi. Vì cuộc nội chiến chỉ hoàn toàn thất bại khi nào toàn bộ Hồng quân bị tiêu diệt. Song chuyện đó sự thực là không có. Căn cứ địa rộng lớn bị thất thủ và Hồng quân di dời sang nơi khác, đó là thất bại tạm thời và cục bộ, chứ không phải thất bại vĩnh viễn và hoàn toàn, dù rằng thất bại đó đã làm cho Đảng, quân đội và căn cứ địa mất đến 90 phần trăm. Sự thật này chúng ta gọi nó là sự phòng ngự tiếp diễn, còn sự truy kích của địch thì gọi là tấn công tiếp diễn.

Như thế có nghĩa là trong cuộc đấu tranh “vây quét” và chống “vây quét”, chúng ta không chuyển từ phòng ngự sang tấn công, trái lại, bị cuộc tấn công của địch phá vỡ thế phòng ngự của chúng ta, thế phòng ngự của chúng ta chuyển thành thế rút lui, mà thế tấn công của địch chuyển thành thế truy kích. Nhưng cho đến khi Hồng quân tới một vùng mới, như chúng ta chuyển từ Giang Tây đến Thiểm âm, thì sự lặp đi lặp lại của “vây quét” lại xuất hiện. Cho nên chúng ta nói rằng cuộc rút lui chiến lược của Hồng quân (cuộc Vạn lý Trường chinh) là sự tiếp diễn của phòng ngự chiến lược, còn sự truy kích chiến lược của địch là sự tiếp diễn của tấn công chiến lược.

Cuộc Nội chiến Trung Quốc cũng như tất cả mọi cuộc chiến ở trong và ngoài nước từ trước đến nay, chỉ có hai hình thức chiến đấu cơ bản là tấn công và phòng ngự. Đặc điểm của Nội chiến Trung Quốc là sự lặp đi lặp lại lâu dài của việc “vây quét” và chống “vây quét”, và sự lặp đi lặp lại của hai hình thức chiến đấu là tấn công và phòng ngự, trong đó có cả cuộc rút lui chiến lược vĩ đại dài trên một vạn ki-lô-mét (cuộc Vạn lý Trường chinh) ¹⁴.

Về sự thất bại của địch thì cũng như thế. Thất bại về chiến lược của chúng tức là cuộc “vây quét” của chúng bị chúng ta đánh tan, thế phòng ngự của chúng ta chuyển thành thế tấn công, quân địch chuyển sang thế phòng ngự và chúng phải tổ chức lại mới có một cuộc “vây quét” nữa. Quân địch không có thay đổi chiến lược giống như cuộc rút lui chiến lược hơn một vạn ki-lô-mét của chúng ta, vì chúng là kẻ thống trị cả nước, lớn mạnh hơn chúng ta nhiều. Nhưng cũng đã có những việc có tính chất cục bộ. Trong một vài căn cứ địa, quân địch ở những cứ điểm trắng bị Hồng quân vây đánh, phải phá vòng vây, rút về cứ vùng trắng để tổ chức phản công, những việc như thế cũng đã từng xảy ra. Nếu cuộc nội chiến kéo dài, khi phạm vi thắng lợi của Hồng quân mở rộng thêm thì những việc đó sẽ xảy ra nhiều hơn nữa. Nhưng kết quả của chúng không thể so sánh với Hồng quân được, vì chúng không có được sự ủng hộ của nhân dân, giữa sĩ quan và binh lính lại không nhất trí. Nếu chúng cũng học đòi Hồng quân mà di chuyển đường dài thì nhất định sẽ bị tiêu diệt.

Trong thời kỳ đường lối Lập Tam năm 1930, đồng chí Lý Lập Tam không hiểu được tính chất

lâu dài của Nội chiến Trung Quốc, cho nên không hiểu được quy luật lặp đi lặp lại lâu dài của việc “vây quét” rồi lại “vây quét” và việc đánh tan rồi lại đánh tan (lúc đó đã có 3 lần “vây quét” ở biên khu Hồ Nam – Giang Tây, 2 lần “vây quét” ở Phúc Kiến) trong sự phát triển của Nội chiến Trung Quốc, vì thế mới ra lệnh Hồng quân tấn công Vũ Hán trong lúc Hồng quân còn non yếu và ra lệnh khởi nghĩa vũ trang trong cả nước, hồng đưa cách mạng nhanh chóng thắng lợi trong cả nước. Như vậy là mắc sai lầm của chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh.

Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh từ năm 1931 đến năm 1934 cũng không tin vào quy luật “vây quét” lặp đi lặp lại nhiều lần ấy. Ở căn cứ địa biên khu Hồ Bắc – Hà Nam – An Huy thì có cái gọi là thuyết “thiên sư”¹⁵, một số đồng chí lãnh đạo ở đó cho rằng sau thất bại của cuộc “vây quét” lần thứ ba thì Quốc dân Đảng chẳng qua chỉ là “thiên sư” mà thôi, muốn tấn công Hồng quân thì phải do bọn đế quốc địch thân ra làm quân chủ lực mới được. Phương châm chiến lược dựa vào sự đánh giá ấy là việc cho Hồng quân tiến đánh Vũ Hán. Điều này nhất trí trên nguyên tắc với một số đồng chí ở Giang Tây về những việc như kêu gọi Hồng

quân đánh Nam Xương, phản đối việc tiến hành công tác nối liền các căn cứ địa thành một khối, phản đối lối đánh như địch vào sâu, đặt việc giành thắng lợi trong một tỉnh vào điểm xuất phát là đánh chiếm được tỉnh lỵ và các thành phố trung tâm của một tỉnh, và cho rằng “chống “vây quét” lần thứ năm là sự quyết chiến giữa đường lối cách mạng và đường lối thuộc địa” v.v. Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh ấy đã gieo mầm mống cho đường lối sai lầm trong cuộc đấu tranh chống cuộc “vây quét” lần thứ tư ở biên khu Hồ Bắc – Hà Nam – An Huy và cuộc “vây quét” lần thứ năm ở khu Trung ương thuộc Giang Tây, làm cho Hồng quân phải đứng vào thế bất lực trước cuộc “vây quét” dữ dội của địch, gây tổn thất rất lớn cho Cách mạng Trung Quốc.

Loại ý kiến có liên quan trực tiếp với chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh phủ nhận sự lập đi lập lại của “vây quét” nói rằng Hồng quân hoàn toàn không nên dùng phương pháp phòng ngự, đó cũng là một thứ ý kiến hoàn toàn không đúng.

Cách mạng và chiến tranh cách mạng là tấn công, cách nói đó đương nhiên là có cái đúng của nó. Cách mạng và chiến tranh cách mạng từ nảy sinh đến phát triển, từ nhỏ đến lớn, từ không có

chính quyền đến giành được chính quyền, từ không có Hồng quân đến xây dựng được Hồng quân, từ không có căn cứ địa cách mạng đến xây dựng được căn cứ địa cách mạng, bao giờ cũng là tấn công, không thể bảo thủ được, cần phải phản đối khuynh hướng bảo thủ chủ nghĩa.

Cách mạng và chiến tranh cách mạng là tấn công, nhưng cũng có phòng ngự và rút lui nữa, cách nói này mới là hoàn toàn đúng. Vì muốn tấn công mà phải phòng ngự, vì muốn tiến lên mà phải rút lui, vì muốn hướng vào mặt chính mà phải hướng vào cạnh sườn, vì muốn đi đường thẳng mà phải đi đường quanh, đều là những hiện tượng không sao tránh khỏi trong quá trình phát triển của rất nhiều sự vật, hướng chỉ là vận động quân sự.

Đúng về chính trị mà nói thì luận đoán thứ nhất trong hai luận đoán kể trên có thể là đúng, nhưng nếu chuyển sang mặt quân sự thì lại không đúng. Ngay về mặt chính trị, nó cũng chỉ đúng trong một tình huống nào đó mà thôi (lúc cách mạng đang tiến triển) ; nếu chuyển sang tình huống khác (lúc cách mạng rút lui: rút lui toàn bộ như nước Nga năm 1906 ¹⁶, năm 1927 ở Trung Quốc ; rút lui cục bộ như việc ký Hiệp ước Brest-

Litovsk ở Nga năm 1918 ¹⁷⁾ thì cũng không đúng. Chỉ có luận đoán sau mới là chân lý hoàn toàn đúng đắn. Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh từ năm 1931 đến năm 1934 phản đối một cách máy móc việc áp dụng phương pháp phòng ngự quân sự, chẳng qua chỉ là một thứ tư tưởng vô cùng ấu trĩ mà thôi.

Bao giờ hình thức lặp đi lặp lại của “vây quét” mới chấm dứt? Theo tôi thì nếu cuộc nội chiến cứ kéo dài, nó sẽ chấm dứt vào lúc tương quan mạnh yếu giữa địch và ta có sự thay đổi cơ bản. Một khi Hồng quân trở thành lực lượng lớn mạnh hơn địch thì khi đó hình thức lặp đi lặp lại mới chấm dứt. Khi đó chúng ta sẽ vây quét địch, mà địch thì muốn chống vây quét, nhưng điều kiện chính trị và quân sự sẽ không cho phép địch giành được địa vị chống “vây quét” như Hồng quân được. Khi đó, hình thức lặp đi lặp lại của “vây quét” dù không nói là chấm dứt hoàn toàn, nhưng có thể dứt khoát rằng, nó đã chấm dứt trên quy mô lớn.

CHƯƠNG V

PHÒNG THỦ CHIẾN LƯỢC

Dưới tiêu đề này, tôi muốn nói rõ các vấn đề sau đây: 1. Phòng thủ tích cực và phòng thủ tiêu cực ; 2. Chuẩn bị chống “vây quét” ; 3. Rút lui chiến lược ; 4. Phản công chiến lược ; 5. Vấn đề bắt đầu phản công ; 6. Vấn đề tập trung binh lực ; 7. Vận động chiến ; 8. Tốc quyết chiến ; 9. Tiêu diệt chiến.

1. PHÒNG THỦ TÍCH CỰC VÀ PHÒNG THỦ TIÊU CỰC

Tại sao lại bắt đầu nói từ vấn đề phòng thủ? Sau khi Mặt trận Dân tộc thống nhất đầu tiên của Trung Quốc từ năm 1924 đến năm 1927 thất bại, cách mạng đã trở thành cuộc chiến tranh giai cấp lâu dài và cực kỳ tàn khốc. Địch là kẻ thống trị cả nước, chúng ta thì chỉ có một số ít bộ đội, vì thế ngay từ đầu chúng ta đã phải đấu tranh với những cuộc “vây quét” của địch. Việc tấn công của chúng ta gắn chặt với việc phá tan “vây quét”, vận mệnh phát triển của chúng ta hoàn toàn được quyết định ở chỗ có thể đánh tan được “vây quét” hay không. Quá trình đánh tan “vây quét” thường thường là quanh co, khúc khuỷu chứ không phải

thắng tập theo ý mình được. Vấn đề trước mắt và nghiêm trọng là làm thế nào bảo toàn được lực lượng, chờ cơ hội đánh bại quân địch. Cho nên vấn đề phòng thủ chiến lược trở thành vấn đề phức tạp nhất và quan trọng nhất trong việc tác chiến của Hồng quân.

Trong mười năm chiến tranh của chúng ta, đối với vấn đề phòng thủ chiến lược, thường thường nảy ra hai khuynh hướng lệch lạc: một là khinh địch, hai là khiếp sợ địch.

Vì khinh địch nên nhiều đội du kích đã thất bại và Hồng quân cũng có vài lần không đánh tan được “vây quét của địch”.

Ngày đầu, khi đội du kích cách mạng mới thành lập, những người lãnh đạo thường không nhận xét tình hình địch và ta một cách đúng đắn. Họ thấy hoàn cảnh thuận lợi nhất thời là mình giành được thắng lợi bất ngờ do khởi nghĩa vũ trang ở một địa phương hoặc do những vụ binh biến trong bạch quân, hoặc tuy có hoàn cảnh nghiêm trọng nhưng họ không nhìn thấy, vì thế thường hay khinh địch. Mặt khác, cũng không thấy rõ chỗ yếu của mình (chưa có kinh nghiệm, lực lượng nhỏ yếu). Địch mạnh ta yếu vốn là hiện

tượng khách quan, nhưng người ta lại không chịu suy nghĩ, cứ nói tới tấn công mà không nói đến phòng thủ và rút lui, về mặt tinh thần thì vứt bỏ phòng thủ vũ trang, cho nên đã đưa hành động vào hướng sai lầm. Vì thế mà nhiều đội du kích đã bị thất bại.

Những trường hợp mà Hồng quân không đánh tan được cuộc “vây quét” của địch vì những nguyên nhân giống như trên, thì có những việc như thất bại của Hồng quân ở khu vực Hải Phong – Lục Phong ở tỉnh Quảng Đông năm 1928¹⁸ và việc Hồng quân ở biên khu Hồ Bắc – Hà Nam – An Huy năm 1932, dưới sự chỉ đạo của cái thuyết gọi Quốc dân Đảng chỉ là “thiên sư”, đã bỏ lỡ khả năng chủ động trong việc chống “vây quét” lần thứ tư.

Trường hợp vì khiếp sợ mà đâm ra thất bại thì rất nhiều.

Trái với những người khinh địch, có những người quá coi trọng địch, quá coi thường mình, do đó đã áp dụng phương châm rút lui không cần thiết, và về mặt tinh thần cũng vứt bỏ phòng thủ vũ trang. Kết quả của điều đó hoặc là đội du kích

thất bại hoặc là một vài chiến dịch của Hồng quân thất bại, hoặc là mất căn cứ địa.

Ví dụ rõ ràng nhất về mất căn cứ địa là mất căn cứ địa Trung ương ở Giang Tây trong khi chống cuộc “vây quét” lần thứ năm. Sai lầm ở đây là do quan điểm hữu khuynh mà ra. Những người lãnh đạo sợ địch như sợ cọp, bố phòng khắp nơi, chống cự từng quăng, đáng lẽ ra phải mở những trận tấn công có lợi vào sau lưng địch nhưng lại không dám mở, cũng không dám mạnh dạn nhử địch vào sâu để bao vây tiêu diệt chúng, kết quả là mất toàn bộ căn cứ địa, làm cho Hồng quân phải tiến hành cuộc Vạn lý Trường chinh hơn một vạn hai nghìn ki-lô-mét. Nhưng đi trước sai lầm này thường thường là một thứ sai lầm “tả” khuynh khinh địch. Chủ nghĩa phiêu lưu quân sự hồi năm 1932 chủ trương đánh vào những thành phố trung tâm, chính là nguồn gốc của việc áp dụng đường lối phòng thủ tiêu cực trong khi đối phó với cuộc “vây quét” lần thứ năm của địch sau này.

“Đường lối Trương Quốc Đào” theo chủ nghĩa rút lui là một ví dụ rõ nhất về việc khiếp sợ địch. Sự thất bại của cánh quân phía Tây thuộc Phương diện quân số 4 của Hồng quân ở phía Tây

sông Hoàng Hà ¹⁹ là sự phá sản cuối cùng của đường lối ấy.

Phòng thủ tích cực, còn gọi là phòng thủ bằng thế công, hay còn gọi là phòng ngự quyết chiến. Phòng thủ tiêu cực, còn gọi là phòng thủ chuyển về thế thủ, hay gọi là phòng thủ thuần túy. Phòng thủ tiêu cực thực ra là phòng thủ giả, chỉ có phòng thủ tích cực mới là phòng thủ thật, mới là phòng thủ để phản công và tấn công. Theo tôi biết, thì bất cứ một số tay quân sự có giá trị, bất cứ một nhà quân sự nào tương đối thông minh, dù là xưa hay nay, trong nước hay ngoài nước, dù chiến lược hay chiến thuật, không ai không phản đối lối phòng thủ tiêu cực. Chỉ có kẻ thù nào ngu xuẩn nhất hoặc ngông cuồng nhất mới tâng bốc lối phòng thủ tiêu cực và coi nó như phép màu. Thế mà trên đời này lại vẫn có những người như thế, làm những việc như thế đấy. Đó là một sai lầm trong chiến tranh, là biểu hiện của chủ nghĩa bảo thủ quân sự, chúng ta phải kiên quyết chống lại.

Các nhà quân sự của các nước đế quốc mới nổi lên và phát triển rất nhanh như Đức, Nhật Bản, đều tích cực cổ động cho mặt lợi của tấn công chiến lược, phản đối phòng thủ chiến lược. Tư tưởng ấy hoàn toàn không phù hợp với Chiến

tranh Cách mạng Trung Quốc. Các nhà quân sự của đế quốc Đức, Nhật Bản đã vạch ra một nhược điểm quan trọng của phòng thủ là không làm nức lòng người, trái lại làm cho lòng người dao động. Đó là nói về những nước có mâu thuẫn giai cấp gay gắt mà chiến tranh chỉ đem lại lợi ích cho tầng lớp thống trị phản động và phái chính trị phản động cầm quyền mà thôi. Tình hình chính trị của ta thì khác. Dưới khẩu hiệu bảo vệ căn cứ địa cách mạng và bảo vệ Trung Quốc, chúng ta có thể đoàn kết được tuyệt đại đa số nhân dân muôn người như một để chiến đấu, vì chúng ta là những người bị áp bức và bị xâm lược. Trong thời kỳ nội chiến ở Liên Xô, Hồng quân cũng đánh thắng địch bằng hình thức phòng thủ. Không những trong lúc các nước đế quốc tổ chức cho bọn Bạch vệ tấn công, Hồng quân đã tiến hành chiến tranh dưới khẩu hiệu bảo vệ Xô viết, mà ngay trong lúc chuẩn bị cho Khởi nghĩa tháng Mười cũng tiến hành tổng động viên dưới khẩu hiệu bảo vệ thủ đô. Trong tất cả các cuộc chiến tranh chính nghĩa, lối đánh phòng thủ không những có tác dụng làm cho những phần tử dị kỷ về chính trị bị tê liệt mà còn có thể vận động được quần chúng nhân dân lạc hậu tham gia chiến tranh nữa.

Marx nói rằng, sau khởi nghĩa vũ trang, một phút cũng không được ngừng tấn công²⁰. Đó là nói khi quần chúng khởi nghĩa bất ngờ giữa lúc kẻ thù không chuẩn bị, thì không nên để cho bọn thống trị phản động có cơ hội giành chính quyền hay lập lại chính quyền, phải nhân giờ phút đó mà đánh cho thế lực phản động thống trị trong nước trở tay không kịp ; không nên tự mãn với thắng lợi đã giành được, không nên khinh địch, lơ là việc tấn công địch, hoặc chùn bước, bỏ lỡ cơ hội tiêu diệt địch, đưa cách mạng tới thất bại. Như thế là đúng. Nhưng không có nghĩa là nhà cách mạng không nên dùng thủ đoạn phòng thủ trong lúc hai bên đối chọi nhau về quân sự mà địch lại chiếm ưu thế và gây sức ép với mình. Nếu nghĩ như thế là đồ đại ngốc.

Cuộc chiến của chúng ta trước đây, xét về toàn diện mà nói, là tấn công Quốc dân Đảng, nhưng về quân sự thì đã dùng hình thức đánh tan “vây quét”.

Xét về quân sự mà nói, thì cuộc chiến của chúng ta là sự vận dụng xem kẽ giữa phòng thủ và tấn công. Đối với chúng ta, nói tấn công sau phòng thủ hay tấn công trước phòng thủ đều có thể được cả, vì mấu chốt là ở chỗ đánh tan được

“vây quét”. Trước khi đánh tan được “vây quét” là phòng thủ, đánh tan được “vây quét” rồi thì bắt đầu tấn công, đó chỉ là hai giai đoạn của một sự việc, hơn nữa lần “vây quét” này của địch lại nối tiếp với lần “vây quét” khác của chúng. Trong hai giai đoạn đó thì giai đoạn phòng thủ phức tạp hơn và quan trọng hơn giai đoạn tấn công. Giai đoạn này bao gồm nhiều vấn đề như làm thế nào để đánh tan được “vây quét”. Nguyên tắc cơ bản là thừa nhận phòng thủ tích cực, phản đối phòng thủ tiêu cực.

Xét về nội chiến mà nói, khi nào lực lượng Hồng quân đã lớn mạnh hơn địch rồi, thì nói chung không cần dùng phòng thủ chiến lược nữa. Phương châm khi đó chỉ là tấn công chiến lược. Sự thay đổi ấy là dựa vào sự thay đổi chung giữa lực lượng địch và ta. Đến khi đó, có dùng phòng thủ chẳng nữa cũng chỉ có tính chất cục bộ mà thôi.

2. CHUẨN BỊ CHỐNG “VÂY QUÉT”

Nếu chúng ta không có sự chuẩn bị cần thiết và đầy đủ để đối phó với một cuộc “vây quét” có kế hoạch của địch, thì tất nhiên sẽ rơi vào địa vị bị động ; đến lúc đó mới ứng chiến một cách hấp tấp thì không nắm chắc được phần thắng. Vì thế, lúc địch chuẩn bị “vây quét”, thì đồng thời chúng ta chuẩn bị chống “vây quét”, đó là hoàn toàn cần thiết. Trong hàng ngũ chúng ta đã từng sinh ra những ý kiến phản đối việc chuẩn bị, thật là ấu trĩ đến buồn cười.

Ở đây có một vấn đề khó khăn, dễ xảy ra tranh cãi. Đó là lúc nào thì chấm dứt việc tấn công của ta để chuyển sang giai đoạn chuẩn bị chống “vây quét”? Vì lúc ta đang ở thế thừa thắng xông lên, địch đang ở địa vị phòng thủ, thì việc chuẩn bị “vây quét” của địch tiến hành một cách bí mật, chúng ta khó lòng biết được lúc nào chúng sẽ bắt đầu tấn công. Nếu công tác chuẩn bị chống “vây quét” của chúng ta bắt đầu quá sớm, thì sẽ không khỏi làm giảm bớt cái lợi của tấn công, mà có khi còn mang lại ít nhiều ảnh hưởng không tốt cho Hồng quân và nhân dân. Vì bước chủ yếu trong giai đoạn chuẩn bị là chuẩn bị rút lui về quân sự và động viên về chính trị để chuẩn bị rút lui. Có khi chuẩn bị quá sớm thì sẽ thành ra chờ địch; chờ

quá lâu mà chưa thấy địch đến thì không thể không trở lại phát động tấn công. Có khi chúng ta vừa mới bắt đầu trở lại tấn công thì cũng vừa gặp phải lúc địch bắt đầu tấn công, làm cho ta lâm vào thế khó khăn. Bởi vậy việc lựa chọn thời cơ để bắt đầu chuẩn bị trở thành một vấn đề quan trọng. Muốn phán đoán thời cơ ấy, phải chú ý tới tình hình và mối quan hệ giữa hai bên địch và ta. Muốn hiểu rõ tình hình địch, phải thu thập các tài liệu về chính trị, quân sự, tài chính và dư luận xã hội ở phe địch. Khi phân tích những tài liệu ấy, phải đánh giá đầy đủ toàn bộ lực lượng của địch, không thể thổi phồng mức độ thất bại của địch trước kia, nhưng cũng quyết không thể không đánh giá những mâu thuẫn trong nội bộ địch, những khó khăn về tài chính, ảnh hưởng của những thất bại trước kia của địch v.v. Về phía ta, cũng đừng thổi phồng mức độ thắng lợi trước kia, nhưng cũng quyết không thể không đánh giá đầy đủ ảnh hưởng của những thắng lợi trước kia.

Nhưng vấn đề thời cơ bắt đầu chuẩn bị, nói chung chẳng thà thiệt vì quá sớm còn hơn thiệt vì quá muộn, vì sớm vẫn ít thiệt hơn muộn, cái lợi của nó là có phòng bị thì tránh được tai họa và hoàn toàn ở vào thế bất bại.

Những vấn đề chính trong giai đoạn chuẩn bị là việc rút lui của Hồng quân, vận động chính trị, tuyển thêm tân binh, chuẩn bị tài chính và lương thực, xử lý những phần tử dị kỷ về chính trị.

Sự chuẩn bị của Hồng quân có nghĩa là không nên để cho Hồng quân đi theo hướng bất lợi trong việc rút lui, đừng tấn công quá xa, đừng làm cho Hồng quân quá mệt mỏi. Đó là điều mà cánh chủ lực của Hồng quân cần thiết phải lo liệu trước khi địch mở cuộc tấn công lớn. Khi đó, sự chú ý của Hồng quân chủ yếu là nhắm vào kế hoạch chuẩn bị chiến trường, trung tập vật tư, mở rộng và huấn luyện lực lượng của mình.

Vận động chính trị là vấn đề quan trọng nhất trong cuộc đấu tranh chống “vây quét”. Như vậy nghĩa là phải giải thích một cách rõ ràng, kiên quyết và đầy đủ cho Hồng quân và nhân dân ở căn cứ địa hiểu rằng cuộc tấn công của địch là tất yếu và gấp rút, rằng cuộc tấn công ấy sẽ gây tai hại nặng nề cho nhân dân ; đồng thời cũng phải làm cho họ hiểu rõ điểm yếu của giặc, những điều kiện thuận lợi của Hồng quân, ý chí nhất định giành thắng lợi của chúng ta, phương hướng công tác của chúng ta v.v. Kêu gọi Hồng quân và toàn thể nhân dân đấu tranh chống “vây quét” và bảo vệ

căn cứ địa. Ngoài những bí mật về quân sự ra, việc vận động chính trị phải công khai, hơn nữa đối với những ai có thể ủng hộ lợi ích của cách mạng, thì phải cố gắng phổ biến tới từng người. Khâu quan trọng là thuyết phục cán bộ.

Khi tuyên truyền tân binh phải xuất phát từ hai mặt: một là chú ý tới trình độ giác ngộ chính trị của nhân dân và tình hình dân số ; hai là phải chú ý tới tình hình Hồng quân khi đó và mức độ có thể bị tiêu hao của Hồng quân trong toàn bộ chiến dịch chống “vây quét”.

Không cần nói cũng thấy rõ rằng vấn đề tài chính và lương thực có ý nghĩa quan trọng đối với việc chống “vây quét”. Phải chú ý tới thời gian “vây quét” có thể kéo dài. Cần phải tính đến mức nhu cầu vật tư thấp nhất, chủ yếu là của Hồng quân, rồi đến nhân dân vùng căn cứ địa cách mạng trong suốt cả cuộc đấu tranh chống “vây quét”.

Không thể không cảnh giác với những phần tử dị kỷ về chính trị, nhưng cũng đừng nên quá sợ sự phản bội của chúng mà có những biện pháp đề phòng quá đáng. Cần phải có sự phân biệt giữa địa chủ, nhà buôn và phú nông, chủ yếu là giải thích cho họ rõ về chính trị, tranh thủ họ trung lập

và tổ chức dân chúng giám sát họ. Chỉ có đối với một số rất ít những phần tử nguy hiểm nhất mới phải dùng đến biện pháp nghiêm ngặt như bắt giam v.v.

Mức độ thắng lợi của cuộc đấu tranh chống “vây quét” gắn chặt tới mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn chuẩn bị. Vì khinh địch mà lơ là chuẩn bị và vì khiếp sợ địch tấn công mà đâm ra hoảng hốt, bối rối, đều là những khuynh hướng không tốt, cần phải kiên quyết phản đối. Chúng ta cần phải có một thái độ nhiệt tình nhưng bình tĩnh, làm việc khẩn trương nhưng có trật tự.

3. RÚT LUI CHIẾN LƯỢC

Rút lui chiến lược là một bước chiến lược có kế hoạch của một đội quân thể kém đứng trước cuộc tấn công của một quân đội thể mạnh hơn, vì thấy rằng mình không thể nhanh chóng đánh tan được cuộc tấn công của đối phương nên dùng chiến lược đó để bảo toàn lực lượng, đợi thời cơ tiêu diệt đối phương. Nhưng những nhà quân sự phiêu lưu thì kiên quyết chống lại bước đó. Họ

chủ trương cái gọi là “chặn địch ngay ngoài cửa ải”.

Ai cũng biết rằng, khi hai võ sĩ gặp nhau thì anh khôn thường là nhường một bước, còn anh dại thì lại hung hăng, ngay từ đầu đã trở hết tài nghệ của mình ra, kết quả lại thường bị anh nhường bước đánh gục.

Trong truyện *Thủy hử*, tại nhà Sài Tiến, Hồng giáo đầu muốn đánh Lâm Xung, bèn hét mấy tiếng: “Vào đây! Vào đây! Vào đây!”, kết quả Lâm Xung là người nhường bước, thấy chỗ hở của Hồng giáo đầu, rồi đá cho Hồng giáo đầu một cái ngã lộn nhào ²¹.

Thời Xuân thu, nước Lỗ chiến tranh với nước Tề ²². Lúc đầu, Lỗ Trang công không đợi quân Tề mệt mỏi đã định xuất trận, sau được Tào Quế can ngăn và dùng phương châm “địch mệt ta đánh” nên đã đánh thắng quân Tề, tạo nên một tấm gương chiến đấu nổi tiếng trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc về lối dùng quân yếu đánh thắng quân mạnh. Hãy xem nhà sử học Tả Khưu Minh ²³ thuật lại như sau:

“Mùa xuân, quân Tề sang đánh ta. Lỗ Trang công định đánh lại. Tào Quế xin vào yết

kiến. Người làng bảo Tào Quế rằng: đã có kẻ ăn trên ngòai tróc lo liệu, anh còn nhúng tay vào làm gì? Quế nói: Kẻ ăn trên ngòai tróc là nông cạn, không biết lo xa nghĩ kỹ được. Bèn xin vào yết kiến Lỗ Trang công và hỏi rằng: Lấy gì mà đánh? Trang công nói: Com áo ta chẳng dám hưởng một mình, đều chia cho người khác. Quế đáp: Ôn mọn ban chưa rộng, nên dân chưa theo. Trang công nói: Súc vật và ngọc lục tể thần có bao nhiêu ta đều khai thật, chứ không dám thêm bớt. Quế đáp: Việc nhỏ đó chưa đủ để cho thần thánh tin và phù hộ. Trang công nói: Mọi việc kiện tụng lớn nhỏ, tuy không phán đoán được rõ ràng, nhưng bao giờ ta cũng xử cho hợp tình hợp lý. Quế đáp: Đó là làm tròn bổn phận mình, có thể đánh được ; khi đánh, xin cho thần cùng theo. Trang công để Tào Quế cùng ngòai một xe, ra đánh trận ở Trường Chước. Khi Trang công định gióng trống thúc quân, Quế liền can: Khoan đã! Đợi quân Tề gióng trống ba lần, Quế mới bảo: Có thể tiến quân! Quân Tề thua to, Trang công định truy kích. Quế ngăn lại: Khoan đã! Quế xuống xe xem vết xe của địch, rồi trèo lên chỗ vịn ở phía trước xe mà quan sát và nói: Có thể đuổi được! Liền đuổi quân Tề. Sau khi thắng trận, Trang công mới hỏi nguyên do. Quế đáp: Đánh trận là nhờ dũng khí. Trống

thúc một lần là đủ dũng khí ; trống thúc hai lần, dũng khí sút kém ; trống thúc ba lần, hết dũng khí. Dũng khí của địch kiệt, dũng khí của ta tăng, nên ta thắng được địch. Vì đánh nhau với nước lớn khó mà lường được, tôi e có phục binh của địch. Khi tôi thấy vết xe của địch rối loạn, cờ xí ngã nghiêng, nên mới đuổi địch.

Tình hình bây giờ là nước yếu chống lại nước mạnh. Trong mẩu chuyện trên đã chỉ rõ việc chuẩn bị chính trị trước khi đánh trận là được lòng tin của dân ; nói đến Trường Chước, trận địa có lợi để chuyển sang phản công ; nói đến thời cơ có lợi cho việc bắt đầu phản công là khi dũng khí của địch kiệt, dũng khí của ta tăng và nói rõ thời cơ bắt đầu truy kích là khi vé xe địch rối loạn, cờ xí ngã nghiêng. Ở đây, tuy là một chiến dịch không lớn, nhưng cũng đã nói lên nguyên tắc của phòng thủ chiến lược. Trong lịch sử chiến tranh của Trung Quốc, những trường hợp thắng trận hợp với nguyên tắc trên thì rất nhiều. Trận Hán-Sở ở Thành Cao ²⁴, trận Tân-Hán ở Côn Dương ²⁵, trận Viên-Tào ở Quan Độ ²⁶, trận Ngô-Ngụy ở Xích Bích ²⁷, trận Ngô-Thục ở Di Lăng ²⁸, trận Tần-Tấn ở Phì Thủy ²⁹, v.v., đều là những trận đánh lớn có tiếng giữa hai bên yếu mạnh khác nhau, kẻ yếu

tạm nhường một bước, rồi sau đánh lại, vì thế mà thắng.

Cuộc chiến của chúng ta bắt đầu từ mùa thu năm 1927, khi đó hoàn toàn không có kinh nghiệm. Khởi nghĩa Nam Xương³⁰, Khởi nghĩa Quảng Châu³¹ đều thất bại, trong các cuộc khởi nghĩa Vụ gặt mùa thu³², Hồng quân ở vùng giáp giới Hồ Nam – Hồ Bắc – Giang Tây, cũng thua mấy trận rồi di chuyển lên núi Tinh Cương ở vùng giáp giới Hồ Nam – Giang Tây. Tháng 4 năm sau, số bộ đội còn lại sau khi Khởi nghĩa Nam Xương thất bại cũng kéo qua miền nam Hồ Nam rồi lên núi Tinh Cương. Nhưng bắt đầu từ tháng 5 năm 1928, những nguyên tắc cơ bản về chiến tranh du kích có tính chất sơ đẳng và thích hợp với tình hình lúc ấy cũng đã nảy sinh, đó là công thức 16 chữ: “Địch tiến ta lui, địch đóng ta quấy, địch mệt ta đánh, địch lui ta đuổi”. Nguyên tắc quân sự theo công thức 16 chữ ấy đã được Trung ương của thời kỳ trước khi có đường lối Lập Tam thừa nhận. Về sau, nguyên tắc tác chiến của chúng ta lại phát triển thêm. Đến khi chống cuộc “vây quét” lần thứ nhất ở căn cứ địa Giang Tây thì phương châm “nhử địch vào sâu” được nêu ra và áp dụng thành công. Cho đến lúc chúng ta đánh

bại cuộc “vây quét” lần thứ ba của địch thì toàn bộ nguyên tắc tác chiến của Hồng quân mới được hình thành. Lúc này là giai đoạn phát triển mới của nguyên tắc quân sự, nội dung phong phú thêm rất nhiều, hình thức cũng thay đổi nhiều, chủ yếu là vượt qua tính chất sơ đẳng trước kia, nhưng nguyên tắc cơ bản vẫn là công thức 16 chữ ấy. Công thức 16 chữ này bao gồm cả những nguyên tắc cơ bản để chống “vây quét”, bao gồm cả hai giai đoạn phòng thủ chiến lược và phản công chiến lược. Những gì sau này chỉ là sự phát triển của công thức 16 chữ đó mà thôi.

Nhưng bắt đầu từ tháng 1 năm 1932, sau khi Đảng ban bố bản nghị quyết sai lầm nghiêm trọng về nguyên tắc, tức là bản nghị quyết nói về “sau khi đánh tan cuộc “vây quét” lần thứ ba, phải tranh thủ thắng lợi trước hết ở trong một hay vài tỉnh”, thì bọn cơ hội chủ nghĩa “tả” khuynh liền chống lại những nguyên tắc đúng, cuối cùng bỏ tất cả những nguyên tắc đúng, đặt ra một mớ cái gọi là “nguyên tắc mới” hay “nguyên tắc chính quy” trái với những nguyên tắc đúng dẫn trên. Từ đó trở đi, không còn gọi những cái trước đây là chính quy nữa, mà gọi là “chủ nghĩa du kích” cần phải bác bỏ. Không khí chống “chủ nghĩa du

kích” đã thống trị suốt ba năm trời. Giai đoạn thứ nhất của nó là chủ nghĩa phiêu lưu về quân sự, cuối cùng, đến giai đoạn thứ ba thì biến thành chủ nghĩa chạy dài. Cho đến tháng 1 năm 1935, Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng của Trung ương Đảng họp ở Tuân Nghĩa thuộc Quý Châu mới tuyên bố sự phá sản của đường lối sai lầm ấy và thừa nhận lại sự đúng đắn của đường lối trước đây. Thật là phải trả một cái giá đắt biết chừng nào mới giành lại được!

Những đồng chí ra sức chống lại “chủ nghĩa du kích” cho rằng: như ịch vào sâu là không đúng, phải bỏ nhiều đất đai. Trước kia tuy có thắng trận, nhưng bây giờ chẳng phải đã khác trước hay sao? Và lại không bỏ đất đai mà vẫn đánh thắng ịch chẳng phải là càng tốt hơn ư? Đánh thắng ịch ở vùng ịch hay vùng giáp giới giữa ịch và ta chẳng phải tốt hơn ư? Những cái trước đây không có gì là chính quy cả, đó chỉ là biện pháp dùng cho đội du kích mà thôi. Hiện nay, nhà nước của chúng ta đã thành lập rồi, Hồng quân của chúng ta đã chính quy hóa rồi. Chúng ta chiến tranh với Tưởng Giới Thạch là nước này đánh với nước kia, quân đội lớn này đánh với quân đội lớn kia. Lịch sử không nên lặp lại, những

cái gọi là “chủ nghĩa du kích” thì cần phải vút sạch. Những nguyên tắc mới là “hoàn toàn Marxist”, những cái trước kia là của đội du kích sinh ra ở rừng rú, mà ở chốn rừng rú thì không có chủ nghĩa Marx. Những nguyên tắc mới thì trái hẳn lại: “lấy một chọi mười, lấy mười chọi trăm, dùng mãnh quả cảm, thừa thắng đuổi thẳng một mạch” , “xuất kích toàn tuyến” , “chiếm những thành phố trung tâm” , “đánh bằng cả hai quả đấm”. Khi địch tấn công thì biện pháp đối phó là “chặn địch ngay ngoài cửa ải” , “đánh trước để đề bẹp đối phương” , “không để đập vỡ nồi niêu” , “không để mất một tác đất” , “chia quân ra sáu ngả” ; là “trận quyết chiến giữa con đường cách mạng và con đường thuộc địa”, là đánh những trận đột kích nhanh gọn, đánh bằng hào lũy, đánh tiêu hao, “đánh lâu dài” ; là chủ nghĩa hậu phương lớn, là chỉ huy tập trung tuyệt đối ; cuối cùng là một cuộc dọn nhà quy mô lớn. Ai không thừa nhận những điều đó thì sẽ bị trừng trị và chụp cho cái mũ cơ hội chủ nghĩa v.v.

Không còn nghi ngờ gì nữa, toàn bộ lý luận và thực tiễn ấy đều sai cả. Đó là chủ nghĩa chủ quan. Đó là biểu hiện của tính cuồng nhiệt cách mạng và bệnh nôn nóng cách mạng của giai cấp

tiểu tư sản trong hoàn cảnh thuận lợi ; đến lúc hoàn cảnh khó khăn thì lại tùy theo sự thay đổi tình hình mà lần lượt biến thành chủ nghĩa liều mạng, chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa chạy dài. Đó là lý luận và thực tế của những người xốc nổi và những người ngu dốt, là những cái không có gì là Marxist cả, mà là những cái phản Marxist.

Ở đây chỉ nói về vấn đề rút lui chiến lược, ở Giang Tây gọi là “nhử địch và sâu”, ở Tứ Xuyên gọi là “thu hẹp trận địa”. Những nhà lý luận và nhà thực tiễn về quân sự ngày xưa cũng không ai không thừa nhận rằng đó là phương châm cần phải áp dụng cho một đội quân yếu đánh với một đội quân mạnh trong giai đoạn mới bắt đầu chiến tranh. Có một nhà quân sự nước ngoài từng nói rằng: “Phần lớn những trận đánh theo thế phòng thủ chiến lược, thì lúc đầu đều tránh những trận quyết chiến bất lợi, đợi khi nào tình hình có lợi mới bắt đầu quyết chiến.” Câu nói đó hoàn toàn đúng, chúng ta cũng không thêm gì nữa.

Mục đích của rút lui chiến lược là để bảo toàn binh lực, chuẩn bị phản công. Sở dĩ rút lui là cần thiết vì trước sức tấn công của quân địch lớn mạnh, nếu không lùi một bước tất sẽ làm nguy hại cho việc bảo toàn binh lực. Trước kia có nhiều

người kiên quyết phản đối rút lui, cho nó là “đường lối phòng thủ thuần túy cơ hội chủ nghĩa”. Lịch sử của chúng ta đã chứng minh sự phản đối đó là hoàn toàn sai lầm.

Khi chuẩn bị phản công, phải lựa chọn và tạo ra một số điều kiện có lợi cho ta, bất lợi cho địch, thay đổi tương quan lực lượng giữa địch và ta, rồi sau mới bước vào giai đoạn phản công.

Theo tình hình trước đây của chúng ta mà nói, thì trong giai đoạn rút lui, đại khái phải tranh thủ được ít nhất hai điều kiện trong những điều kiện dưới đây mới coi là có lợi cho ta, bất lợi cho địch và mới có thể làm cho ta chuyển sang phản công được. Những điều kiện ấy là:

- 1) Nhân dân hăng hái ủng hộ Hồng quân.
- 2) Trận địa tác chiến có lợi.
- 3) Tập trung được toàn bộ chủ lực của Hồng quân.
- 4) Thấy được điểm yếu của địch.
- 5) Làm cho địch mệt mỏi, mất tinh thần.
- 6) Làm cho địch mắc sai lầm.

Điều kiện nhân dân là điều kiện quan trọng nhất đối với Hồng quân. Đó tức là điều kiện về căn cứ địa. Hơn nữa, nhờ có điều kiện ấy mới dễ tạo nên hoặc phát hiện được các điều kiện 4, 5 và 6. Cho nên lúc địch mở cuộc tấn công lớn vào Hồng quân, bao giờ Hồng quân cũng rút từ vùng trắng về căn cứ địa, vì nhân dân vùng căn cứ địa tích cực nhất trong việc ủng hộ Hồng quân, chống bạch quân. Ngay trong căn cứ địa thì vùng trung tâm và vùng giáp địch cũng khác nhau ; về việc phong tỏa tin tức, trinh sát, vận tải và tham chiến v.v. thì nhân dân vùng trung tâm khá hơn vùng giáp địch. Cho nên “điểm cuối cùng của cuộc rút lui” trong những cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba ở Giang Tây trước đây đều chọn những vùng mà điều kiện nhân dân tốt nhất hoặc khá. Đặc điểm đó của căn cứ địa làm cho sự tác chiến của Hồng quân thay đổi rất nhiều so với sự tác chiến thông thường và đó cũng là nguyên nhân chính buộc địch sau này phải áp dụng chủ nghĩa lô cốt.

Quân đội rút lui có thể lựa chọn trận địa có lợi theo ý muốn của mình, làm cho quân đội tấn công không thể không đánh trong phạm vi theo ý muốn của quân đội rút lui, đó là một điều kiện tốt của

việc tác chiến nội tuyến. Quân yếu muốn đánh thán quân mạnh không thể không chú trọng điều kiện trận địa. Nhưng chỉ có điều kiện này thôi cũng không đủ, phải có những điều kiện khác phối hợp vào nữa mới được. Trước hết là điều kiện nhân dân. Sau đó còn phải xem những cánh quân địch nào dễ đánh bại, như lúc địch mệt mỏi hay mắc sai lầm hoặc cánh quân địch tiến theo ngã nào đó tương đối thiếu sức chiến đấu. Khi những điều kiện ấy không đầy đủ, thì dù có trận địa tốt cũng đành bỏ đó, mà phải tiếp tục rút lui để tạo những điều kiện mà mình mong muốn. Trong vùng trắng không nhất thiết không có trận địa tốt, nhưng có điều là không có điều kiện nhân dân tốt. Nếu chưa tạo ra hoặc chưa tìm thấy những điều kiện khác, Hồng quân cũng không thể không rút về căn cứ địa. Sự phân biệt giữa vùng trung tâm và vùng giáp địch ở căn cứ địa về tổng thể cũng như thế.

Trừ bộ đội địa phương và binh lực kiểm chế địch ra, tất cả các binh lực xung kích đều phải áp dụng nguyên tắc tập trung toàn bộ. Khi chúng ta tấn công quân địch đang giữ thế thủ về chiến lược thì Hồng quân thường phân tán. Một khi địch mở cuộc tấn công lớn vào quân ta thì Hồng quân thì

hành “rút lui theo lối chụm lại”. Điểm cuối cùng của cuộc rút lui thường thường được chọn ở vùng giữa căn cứ địa ; nhưng cũng có khi ở vùng phía trước, cũng có khi ở vùng phía sau, tùy theo tình hình mà quyết định. Rút lui theo lối chụm lại như thế có thể làm cho toàn bộ cánh chủ lực của Hồng quân hoàn toàn tập trung lại được.

Một điều kiện cần thiết nữa của quân yếu đánh quân mạnh là chọn chỗ yếu mà đánh. Nhưng lúc địch bắt đầu tấn công, thường thường ta không biết trong các cánh quân tấn công ở các ngả thì cánh nào mạnh nhất, cánh nào mạnh vừa, cánh nào yếu nhất, cánh nào yếu vừa, vậy cần phải có một quá trình trinh sát. Thường thường phải mất nhiều thời gian mới biết được. Đây cũng là lý do của việc rút lui chiến lược là điều cần thiết.

Nếu quân tấn công của địch vượt xa quân ta về số lượng cũng như về sức mạnh, mà chúng ta muốn thay đổi cán cân giữa mạnh và yếu thì chỉ có cách là đợi địch tiến sâu vào căn cứ địa, cho chúng ném đủ mùi gian khổ ở căn cứ địa, như một tên tham mưu trưởng lữ đoàn của Tưởng Giới Thạch trong trận “vây quét” thứ ba đã nói: “Làm cho tù béo thành gầy, tù gầy đến chết”, hay như Trần Minh Xu, tổng tư lệnh cánh quân “vây quét”

phía Tây đã nói: “Đối với Quốc quân đâu đâu cũng đen tối, đối với Hồng quân đâu đâu cũng sáng sủa”, khi ấy mới đạt được mục đích. Lúc đó, quân địch tuy mạnh cũng đã yếu đi nhiều ; quân lính mệt nhọc, tinh thần sa sút, bộc lộ nhiều chỗ yếu. Hồng quân tuy yếu nhưng được nghỉ ngơi dưỡng sức, sẵn sàng chờ đánh quân thù đã mỏi mệt. Khi đó cán cân giữa hai bên thường thường có thể đạt tới sự cân bằng trên một mức độ nào đó, hoặc quân địch chuyển từ ưu thế tuyệt đối sang ưu thế tương đối, quân ta chuyển từ thế kém tuyệt đối sang thế kém tương đối, thậm chí có trường hợp quân địch kém quân ta và quân ta lại hơn quân địch. Khi chống “vây quét” lần thứ ba ở Giang Tây, Hồng quân đã rút lui đến cùng (Hồng quân tập trung vào vùng sau căn cứ địa), không như thế thì không thể chiến thắng được quân địch, vì quân “vây quét” lúc đó đông hơn Hồng quân gấp hơn mười lần. Tôn Tử nói: “Tránh lúc địch đang hăng, đánh lúc địch mỏi mệt rút về”, tức là nói, làm cho địch mệt mỏi mất tinh thần để dẹp bớt ưu thế của chúng.

Một yêu cầu cuối cùng của rút lui là tạo ra và phát hiện sai lầm của địch. Cần phải biết rằng bất cứ tên chỉ huy tài giỏi nào của địch, trong một thời

gian khá dài, cũng không thể không mắc đôi chút sai lầm ; vì vậy, bao giờ chúng ta cũng có thể lợi dụng được chỗ sơ hở của địch. Quân địch có thể mắc sai lầm cũng như bản thân chúng ta có khi cũng mắc sai lầm, có lúc để cho địch lợi dụng được sơ hở. Hơn nữa, chúng ta có thể gây nên sai lầm cho địch một cách nhân tạo, ví như cái mà Tôn Tử gọi là “thị hình” (làm ra vẻ đánh đàng Đông nhưng đánh đàng Tây, tức gọi là Giương Đông kích Tây). Muốn làm như vậy thì điểm cuối cùng của cuộc rút lui không thể cố định ở một vùng nào đó được. Có khi lui đến vùng đó rồi nhưng vẫn chưa thấy chỗ sơ hở để lợi dụng thì không thể không rút lui mấy bước nữa, chờ đến khi địch có “sơ hở” mà ta có thể lợi dụng được.

Những điều kiện có lợi cần thiết cho cuộc rút lui, đại khái đã nói ở trên. Nhưng không có nghĩa là đợi cho những điều kiện ấy hoàn toàn đầy đủ rồi mới phản công. Muốn có đầy đủ những điều kiện ấy cùng một lúc thì không thể được, và lại cũng không cần thiết. Nhưng dựa vào tình hình địch trước mắt, tranh thủ một vài điều kiện cần thiết là điều cần phải chú ý đối với một đội quân lấy yếu chống mạnh và tác chiến ở nội tuyến,

những ý kiến chống lại trên vấn đề này là không đúng.

Khi quyết định điểm cuối cùng của cuộc rút lui ở đâu, cần phải xuất phát từ tình hình chung. Khi tình hình cục bộ xem ra có lợi cho ta chuyển sang phản công, nếu tình hình chung xem ra không phải là đồng thời cũng có lợi cho ta, mà cứ dựa vào đó để quyết định điểm cuối cùng của cuộc rút lui thì không đúng. Cuộc phản công của chúng ta bao giờ cũng bắt đầu từ cục bộ mà khi bắt đầu phản công thì càng phải tính đến những thay đổi về sau. Có khi điểm cuối cùng của cuộc rút lui cần phải chọn ở vùng phía trước của căn cứ địa, ví như trường hợp chống “vây quét” lần thứ hai, lần thứ tư ở Giang Tây và cuộc chống “vây quét” lần thứ ba ở Thiểm Tây – Cam Túc. Cũng có khi cần phải chọn ở vùng giữa căn cứ địa, như cuộc chống “vây quét” lần thứ ba ở Giang Tây. Quyết định những trường hợp ấy đều đã liên hệ tình hình cục bộ với tình hình chung. Trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm ở Giang Tây, quân ta hoàn toàn không đã động gì đến chuyện rút lui, đó là vì không để ý đến tình hình cục bộ và tình hình chung, như vậy quả là lối hành động lỗ mãng cầu thả. Tình hình là do điều kiện tạo nên ; khi

quan sát mối liên hệ giữa tình hình cục bộ và tình hình chung, phải xem xét những điều kiện lúc bấy giờ giữa hai bên địch và ta trong từng bộ phận và toàn thể, xem trên một mức độ có lợi nhất định cho việc bắt đầu phản công của ta hay không rồi mới quyết định.

Điểm cuối cùng của cuộc rút lui ở căn cứ địa về tổng thể có thể chia ra làm ba vùng: vùng phía trước, vùng giữa và vùng phía sau. Nhưng nói như thế có phải là hoàn toàn gạt bỏ việc tác chiến ở vùng trắng không? Không phải. Chúng ta chỉ gạt bỏ việc tác chiến ở vùng trắng khi nào phải đối phó với những cuộc “vây quét” lớn của địch. Khi địch mạnh ta yếu quá chênh lệch, thì theo nguyên tắc bảo toàn binh lực và đợi thời cơ diệt địch, chúng ta mới chủ trương rút về căn cứ địa, chủ trương như địch vào sâu, vì chỉ có làm như vậy mới tạo nên hoặc tìm thấy được điều kiện có lợi cho việc phản công. Nếu tình hình không nghiêm trọng đến như thế, hoặc nghiêm trọng đến nỗi làm cho Hồng quân dù ở căn cứ địa cũng không có cách nào bắt đầu phản công được, hoặc phản công không có lợi mà cần phải rút lui nữa để thay đổi tình thế, thì lúc đó việc chọn điểm cuối cùng của cuộc rút lui ở vùng trắng cũng cần phải thừa nhận,

hay ít ra phải thừa nhận trên lý luận, mặc dù trước đây chúng ta có rất ít kinh nghiệm về việc đó.

Điểm cuối cùng của cuộc rút lui ở vùng trắng, đại khái cũng có thể chia làm ba loại: một là trước mặt căn cứ địa, hai là bên cạnh căn cứ địa, ba là đằng sau căn cứ địa. Loại thứ nhất, chẳng hạn như cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất ở Giang Tây, nếu Hồng quân không gặp hai vấn đề khó khăn là: nội bộ không thống nhất và Đảng bộ địa phương bị chia rẽ, tức là đường lối Lập Tam và đoàn A.B.³³ thì có thể tính đến chuyện tập trung binh lực mở cuộc phản công ở giữa ba nơi: Cát An, Nam Phong và Chương Thụ. Vì lúc đó binh lực của địch tiến từ giữa sông Công và sông Phủ³⁴ đến, ưu thế so với Hồng quân không lớn lắm (10 vạn chọi 4 vạn). Điều kiện nhân dân tuy không được như căn cứ địa, nhưng có điều kiện trận địa, hơn nữa có thể thừa lúc địch tiến quân theo nhiều ngã mà đánh tĩa từng bộ phận một. Loại thứ hai như cuộc chống “vây quét” lần thứ ba ở Giang Tây, nếu quy mô tấn công của địch khi đó không lớn như thế, mà lại có một cánh quân địch tiến theo Kiến Ninh, Lê Xuyên, Thái Ninh thuộc vùng giáp giới Phúc Kiến – Giang Tây, lực lượng của cánh này lại thích hợp cho sự tấn công của ta thì cũng

có thể tính đến chuyện tập trung Hồng quân ở vùng trắng thuộc phía tây Phúc Kiến để trước để trước hết đánh tan quân địch ở đó, không cần phải đi vòng nghìn dặm qua Thụy Kim rồi đến Hưng Quốc. Loại thứ ba cũng như cuộc chống “vây quét” lần thứ ba ở Giang Tây, nếu như chủ lực của địch không tiến về phía Tây mà là tiến về phía Nam, thì có lẽ chúng ta buộc phải lui đến vùng Hội Xương, Tâm Ô, An Viễn (nơi đó là vùng trắng), như địch tiến sâu hơn nữa về phía Nam, rồi Hồng quân chuyển từ phía Nam lên phía Bắc, đánh vào trong căn cứ địa, lúc đó quân địch ở trong căn cứ địa phía Bắc ắt không nhiều lắm. Song những ví dụ trên chỉ là những giả thuyết thôi, chưa có kinh nghiệm, có thể coi đó là trường hợp đặc biệt, không thể coi là nguyên tắc chung được. Đối với chúng ta, khi địch mở những cuộc “vây quét” lớn, nguyên tắc chung là như địch vào sâu, lui về căn cứ địa mà đánh, vì đó là biện pháp làm cho chúng ta có thể đánh tan được cuộc tấn công của địch một cách chắc chắn nhất.

Những người chủ trương “chặn địch ngay ngoài cửa ải” đã phản đối rút lui chiến lược. Họ lấy lý do là rút lui thì mất đất, nguy hại cho nhân dân (cái gọi là “đập vỡ nồi niêu”) và cũng gây ảnh

hường không tốt đối với bên ngoài. Trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm, họ nói rằng ta lui một bước thì lô cốt của địch lại tiến lên một bước, căn cứ địa ngày càng co lại, không có cách nào giành lại được. Nếu nói lời như địch vào sâu trước đây là dùng được thì trong cuộc “vây quét” lần thứ năm theo kiểu chủ nghĩa lô cốt, lời đó vô dụng. Để đối phó với cuộc “vây quét” lần thứ năm, chỉ có cách chia quân phòng thủ và đánh những trận đột kích nhanh gọn mà thôi.

Trả lời cho những ý kiến ấy cũng rất dễ, lịch sử của chúng ta đã trả lời rồi. Về vấn đề mất đất, thì thường có tình hình là chỉ có chịu mất mới không bị mất, đó là nguyên tắc “muốn lấy thì trước hết phải cho”. Nếu chúng ta mất đất mà thắng được địch, thu hồi lại đất đai và mở rộng thêm, thì đó là chuyển buôn có lời. Trong việc buôn bán ở thị trường, nếu người mua không mất tiền thì không lấy được hàng, nếu người bán không mất hàng thì cũng không lấy được tiền. Những mất mát xảy ra trong phong trào cách mạng là sự phá hoại, nhưng cái mà nó giành được là sự xây dựng tiến bộ. Ngủ và nghỉ thì mất thì giờ, song lấy lại được sức lực để ngày mai làm việc. Nếu có kẻ ngu nào không hiểu lẽ đó, không

chịu ngủ thì ngày mai sẽ không có tinh thần để làm việc, như thế là chuyến buôn thất bại. Trong cuộc “vây quét” lần thứ năm của địch, chúng ta thất bại cũng chính vì điểm đó. Vì không chịu mất một phần đất đai, nên kết quả là mất tất cả đất đai. Cũng vì đánh một cách cứng nhắc mà kết quả là Abyssinia mất cả đất nước, mặc dù nguyên nhân thất bại của Abyssinia không chỉ vì điều đó.

Về vấn đề làm nguy hại cho nhân dân cũng thế. Nếu không có một bộ phận trong nhân dân tạm thời bị đập vỡ một số nồi niêu, thì sẽ làm cho toàn thể nhân dân bị phá vỡ nồi niêu trong một thời gian lâu dài. Sợ có ảnh hưởng chính trị không tốt nhất thời thì sẽ phải trả giá bằng ảnh hưởng không tốt lâu dài. Sau Cách mạng tháng Mười, nếu những người Bolshevik Nga làm theo ý kiến của “những người cộng sản tả khuynh”, từ chối không ký hòa ước với Đức thì Xô viết mới ra đời sẽ lâm vào nguy cơ chết non³⁵.

Thứ ý kiến “tả” khuynh xem ra thì hình như bắt nguồn từ bệnh nóng vội cách mạng của trí thức tiểu tư sản, đồng thời cũng bắt nguồn từ tính bảo thủ cục bộ của người nông dân sản xuất nhỏ. Họ nhìn vấn đề chỉ xuất phát từ cục bộ, không có khả năng để nhìn thấy cả toàn cục, không muốn

kết hợp lợi ích hôm nay với lợi ích ngày mai, kết hợp lợi ích từng bộ phận với lợi ích toàn diện, họ cứ bám chết lấy những cái cục bộ và nhất thời, dựa theo tình hình cụ thể lúc đó mà thấy có lợi cho toàn cục và cả thời kỳ lúc đó, nhất là có ý nghĩa quyết định, thì cần phải nắm chắc không buông ra, nếu không chúng ta sẽ trở thành chủ nghĩa buông trôi, hay chủ nghĩa phóng túng. Rút lui phải có điểm cuối cũng chính là vì lẽ ấy. Nhưng như thế quyết không thể dựa vào con mắt thiên cận của những người sản xuất nhỏ. Chúng ta cần phải học cái thông minh của những người Bolshevik. Nếu tầm mắt của chúng ta không đủ, thì phải nhờ ống nhòm và kính hiển vi. Phương pháp Marxist chính là ống nhòm và kính hiển vi về chính trị và quân sự.

Dĩ nhiên, rút lui chiến lược có khó khăn. Chọn thời cơ bắt đầu rút lui, chọn điểm cuối cùng của cuộc rút lui, thuyết phục cán bộ và nhân dân về chính trị đều là những vấn đề khó khăn, đều cần phải được giải quyết.

Vấn đề thời cơ bắt đầu rút lui có một ý nghĩa quan trọng. Như cuộc rút lui của chúng ta trong cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất ở Giang Tây, nếu không đúng lúc, tức là để chậm thì ít ra cũng

ảnh hưởng phần nào đến thắng lợi của chúng ta. Rút lui quá sớm và quá muộn dĩ nhiên đều có thiệt hại. Nhưng nói chung rút lui quá muộn thiệt hại lớn hơn rút lui quá sớm. Rút lui kịp thời sẽ làm cho mình hoàn toàn đứng ở địa vị chủ động, điều đó có ảnh hưởng hết sức lớn đến việc chỉnh đốn lại hàng ngũ sau khi tới điểm cuối cùng của cuộc rút lui để nghỉ ngơi lấy sức, chuyển sang phản công quân địch đã mỏi mệt. Trong những chiến dịch đánh tan các cuộc “vây quét” lần thứ nhất, thứ hai, thứ tư của địch tại Giang Tây, chúng ta đều đối phó với địch một cách ung dung. Riêng có chiến dịch lần thứ ba, vì không ngờ rằng sau khi địch thua một cách thảm hại trong chiến dịch lần thứ hai như vậy mà chúng lại có thể mở thêm một cuộc tấn công nhanh như thế (ngày 29-5-1931 chúng ta kết thúc cuộc tác chiến chống vây quét lần thứ hai, thì ngày 1-7-1931, Tưởng Giới Thạch bắt đầu cuộc “vây quét” lần thứ ba), vì vậy Hồng quân phải vội vã đi đường vòng để tập trung nên rất mệt nhọc. Chọn thời cơ như thế nào phải hoàn toàn dựa vào việc thu thập những tài liệu cần thiết, phán đoán theo tình hình chung giữa hai bên địch và ta, cũng giống như phương pháp chọn thời cơ bắt đầu giai đoạn chuẩn bị đã nói trên.

Khi cán bộ và nhân dân chưa có kinh nghiệm, khi quyền lãnh đạo về quân sự chưa đạt tới mức tập trung, quyền quyết định rút lui chiến lược vào tay một số rất ít người hay một người được cán bộ tin phục, thì vấn đề thuyết phục cán bộ và nhân dân về rút lui chiến lược là một việc rất khó khăn. Vì cán bộ chưa có kinh nghiệm, không tin tưởng vào việc rút lui chiến lược, cho nên trong thời kỳ đầu của cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất, lần thứ tư và suốt cả thời kỳ chống “vây quét” lần thứ năm, chúng ta đều gặp phải khó khăn rất lớn trong vấn đề này. Khi chống “vây quét” lần thứ nhất, do ảnh hưởng của đường lối Lập Tam, cho nên ý kiến của cán bộ lúc chưa được thuyết phục, không phải là rút lui mà là tấn công. Khi chống “vây quét” lần thứ tư, do ảnh hưởng của chủ nghĩa phiêu lưu về quân sự nên ý kiến của cán bộ là phản đối việc chuẩn bị. Khi chống “vây quét” lần thứ năm, ý kiến của cán bộ lúc đầu là tiếp tục theo chủ nghĩa phiêu lưu về quân sự, phản đối quan điểm như địch vào sâu và về sau thì biến thành chủ nghĩa bảo thủ về quân sự. Đường lối Trương Quốc Đào không tin rằng việc xây dựng căn cứ địa của chúng ta trong vùng người Tạng và người Hồi³⁶ là không thể được, mãi đến khi vấp vấp rồi mới tin, đó cũng là một ví dụ thực tế. Đối với cán bộ,

kinh nghiệm là cần thiết, quả thực thất bại là mẹ thành công. Nhưng cũng cần phải khiêm tốn tiếp thu kinh nghiệm của người khác. Nếu cái gì cũng phải chờ kinh nghiệm của bản thân mình, nếu cứ khư khư giữ lấy ý kiến của mình, không chịu tiếp thu ý kiến của người khác, thì như vậy là “chủ nghĩa kinh nghiệm hẹp hòi” trăm phần trăm. Cuộc chiến của chúng ta cũng vì thế mà bị thiệt thòi không phải là ít.

Vì chưa có kinh nghiệm nên nhân dân không tin vào sự cần thiết của rút lui chiến lược, về trường hợp này không gì biểu hiện rõ bằng cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất ở Giang Tây. Lúc đó, tổ chức Đảng và quần chúng nhân dân ở các huyện Cát An, Hưng Quốc và Vĩnh Phong không ai là không phản đối việc rút lui của Hồng quân. Nhưng có kinh nghiệm lần đó nên trong mấy lần chống “vây quét” sau này hoàn toàn không còn vấn đề ấy nữa. Ai cũng tin rằng, căn cứ địa bị thiệt hại, nhân dân chịu khổ, đó chỉ là tạm thời thôi, cho nên ai ai cũng tin tưởng rằng có Hồng quân là có thể đánh tan được “vây quét”. Nhưng nhân dân có tin hay không còn gắn liền vào việc cán bộ có tin hay không, cho nên nhiệm vụ chủ yếu và trước tiên là phải thuyết phục cán bộ.

Toàn bộ tác dụng của rút lui chiến lược là ở chỗ chuyển sang phản công. Rút lui chiến lược chỉ là giai đoạn thứ nhất của phòng thủ chiến lược. Vấn đề then chốt quyết định toàn bộ chiến lược là ở chỗ giai đoạn phản công sau đó có thắng lợi hay không.

4. PHẢN CÔNG CHIẾN LƯỢC

Muốn đánh bại cuộc tấn công của một kẻ địch chiếm ưu thế tuyệt đối thì phải dựa vào tình hình đã được tạo ra trong giai đoạn rút lui chiến lược mà có lợi cho ta, không lợi cho địch và có sự thay đổi so với lúc địch mới bắt đầu tiến công ; tình hình đó là do mọi điều kiện tạo nên. Điều đó đã trình bày ở phần trên.

Nhưng một khi đã có những điều kiện và tình hình có lợi cho ta, không lợi cho địch rồi, vẫn chưa đủ để làm cho địch thất bại. Những điều kiện và tình hình đó có thể quyết định thắng bại, nhưng vẫn chưa phải là hiện thực của thắng bại, vẫn chưa thực hiện được sự thắng bại giữa hai đội quân. Quyết định sự thắng bại đó phải dựa vào trận

quyết chiến giữa hai đội quân. Chỉ có quyết chiến mới giải quyết được vấn đề ai thắng ai bại giữa hai đội quân. Đó là toàn bộ nhiệm vụ của giai đoạn phản công chiến lược. Phản công là một quá trình dài, là giai đoạn đặc sắc nhất, sôi nổi nhất của phòng thủ chiến, đồng thời cũng là giai đoạn cuối cùng của phòng thủ chiến. Nói phòng thủ tích cực, chủ yếu là nói đến cuộc phản công chiến lược có tính chất quyết định ấy.

Điều kiện và tình hình không những chỉ được tạo nên trong giai đoạn rút lui chiến lược, mà vẫn còn tiếp tục được tạo nên trong giai đoạn phản công. Những điều kiện và tình hình lúc ấy không hoàn toàn cùng một hình thức, cùng một tính chất với những điều kiện và tình hình trong giai đoạn trước.

Nhưng, tất nhiên sẽ lại xuất hiện những điều kiện và tình hình toàn toàn mới. Như khi quân địch thua một hay vài trận, thì những điều kiện có lợi cho ta, không lợi cho địch lúc này, không phải chỉ là quân địch mệt mỏi v.v., mà còn thêm điều kiện mới nữa là quân địch thua trận. Tình hình cũng đổi mới. Địch điều quân rối loạn, hành động sai lầm, thành ra thế hơn kém giữa hai đội quân cũng khác trước.

Bất kỳ sự thất bại thuộc về bên nào cũng trực tiếp và nhanh chóng dẫn tới sự cố gắng mới của bên ấy, tức là sự cố gắng nhằm cứu vãn thế nguy, làm cho mình thoát khỏi những điều kiện và tình hình vừa mới xuất hiện đó không lợi cho mình và có lợi cho đối phương, tạo lại những điều kiện và tình hình có lợi cho mình và không lợi cho đối phương, để áp đảo đối phương.

Sự cố gắng của bên thắng thì lại khác, họ ra sức phát triển thắng lợi của mình, làm cho đối phương thiệt hại nhiều thêm, làm sao tăng thêm hoặc phát triển thêm những điều kiện và tình hình có lợi cho mình, không để đối phương hoàn thành được ý đồ thoát khỏi vòng bất lợi và cứu vãn thế nguy.

Cho nên, đối với bên nào cũng vậy, cuộc đấu tranh trong giai đoạn quyết chiến là kịch liệt nhất, phức tạp nhất, biến hóa nhiều nhất, và cũng là khó khăn nhất, gian khổ nhất trong cả cuộc chiến hay cả chiến dịch, và về mặt chỉ huy mà nói thì cũng là lúc khó khăn nhất.

Trong giai đoạn phản công có rất nhiều vấn đề, chủ yếu là vấn đề bắt đầu phản công, vấn đề

tập trung binh lực, vấn đề vận động chiến, vấn đề tốc quyết chiến và vấn đề tiêu diệt chiến.

Dù phản công hay tấn công, nguyên tắc của những vấn đề đó đều giống nhau về tính chất cơ bản. Trên ý nghĩa đó, có thể nói phản công tức là tấn công.

Nhưng phản công không hoàn toàn là tấn công. Lúc địch tấn công thì áp dụng những nguyên tắc phản công. Lúc địch phòng thủ thì áp dụng những nguyên tắc tấn công. Trên ý nghĩa đó, lại có một vài chỗ khác nhau.

Vì lý do đó, tuy trong phần phản công của chương phòng thủ chiến lược tôi đã trình bày nhiều vấn đề về tác chiến, còn phần tấn công chiến lược thì chỉ nói thêm mấy vấn đề khác để khởi lập lại ; nhưng khi áp dụng thì chúng ta không thể không chú ý tới những điểm giống nhau của tấn công và phản công, cũng không thể không chú ý tới chỗ khác nhau của hai việc đó được.

5. VẤN ĐỀ BẮT ĐẦU PHẢN CÔNG

Vấn đề bắt đầu phản công tức là vấn đề mà ta thường gọi là “trận đầu tiên” hay “trận mở màn”.

Nhiều nhà quân sự tư sản chủ trương rằng phải thận trọng trong trận đầu tiên, dù là trong phòng thủ chiến lược hay tấn công chiến lược cũng vậy, nhất là khi phòng thủ. Trước kia, chúng ta cũng đã từng nêu ra vấn đề này một cách nghiêm túc. Việc chống địch “vây quét” ở Giang Tây từ lần thứ nhất đến lần thứ năm đã cho chúng ta những kinh nghiệm phong phú ; những kinh nghiệm ấy không phải là không có lợi.

Cuộc “vây quét” lần thứ nhất, địch có độ 10 vạn quân từ phía Bắc đánh xuống phía Nam, trên trận tuyến từ Cát An đến Kiến Ninh, chia làm 8 đạo quân tấn công căn cứ địa của Hồng quân. Lúc đó, Hồng quân chỉ có độ 4 vạn người, tập trung ở vùng Hoàng Hà, Tiểu Bố thuộc huyện Ninh Đô, tỉnh Giang Tây.

Tình hình lúc ấy là: 1) Quân “càn quét” không quá 10 vạn, vả lại cũng không phải là quân đội trực hệ của Tưởng Giới Thạch, tình hình chung không nghiêm trọng lắm. 2) Sư đoàn La Lâm của địch phòng vệ ở Cát An thuộc phía Tây sông Cống. 3) Sư đoàn Công Bình Phiên, sư đoàn

Trương Huy Toàn, sư đoàn Đàm Đạo Nguyên của địch chiếm đóng Phú Điền, Đông Cốc, Long Cương, chủ lực của sư đoàn Đàm Đạo Nguyên đóng ở Nguyên Đầu. Vì mắc lừa đoàn A.B., nên một thời gian, nhân dân ở hai vùng Phú Điền, Đông Cốc không tin cậy và đối lập với Hồng quân, vì thế chọn nơi đó làm chiến trường là không hợp.

4) Sư đoàn Lưu Hòa Đình của địch đóng ở tận Kiến Ninh thuộc vùng trắng của tỉnh Phúc Kiến, chưa chắc kéo vào Giang Tây. 5) Hai sư đoàn Mao Bính Văn và sư đoàn Hứa Khắc Tường của địch kéo đến vùng Đầu Pha, Lạc Khẩu, Đông Thiều ở giữa Quảng Xương và Ninh Đô. Đầu Pha là vùng trắng, Lạc Khẩu là vùng du kích, vùng Đông Thiều có đoàn A.B. nên dễ lộ tin tức. Và lại đánh xong sư đoàn Mao Bính Văn và sư đoàn Hứa Khắc Tường rồi mới tiến đánh phía Tây thì e rằng 3 sư đoàn Trương Huy Toàn, Đàm Đạo Nguyên, Công Bình Phiên ở phía Tây tập trung lại sẽ khó mà thắng được chúng, không thể hoàn toàn giải quyết được vấn đề. 6) Sư đoàn Trương Huy Toàn và sư đoàn Đàm Đạo Nguyên là quân chủ lực “vây quét”, lại là quân đội trực hệ của Lữ Địch Bình, tổng tư lệnh quân đội “vây quét”, thị trưởng tỉnh Giang Tây, và Trương Huy Toàn lại là tổng chỉ huy tiền tuyến. Tiêu diệt được 2 sư đoàn này

là cơ bản đánh tan được cuộc “vây quét”. Trong 2 sư đoàn này thì mỗi sư đoàn có khoảng 1 vạn 4 nghìn người, sư đoàn Trương Huy Toản lại chia ra đóng ở hai nơi, mỗi lần ta đánh một sư đoàn thì sẽ chiếm ưu thế tuyệt đối. 7) Vùng Long Cương và Nguyên Đầu, nơi đóng quân của chủ lực 2 sư đoàn đó ở sát nơi tập trung của quân ta, hơn nữa điều kiện nhân dân lại tốt, có thể tiến đến gần địch một cách kín đáo. 8) Long Cương có trận địa tốt, Nguyên Đầu thì không dễ đánh. Nếu địch đánh Tiểu Bó theo ý muốn của ta thì trận địa ở đó cũng tốt. 9) Ta có thể tập trung binh lực lớn nhất ở phía Long Cương. Ở Hưng Quốc, cách phía tây nam Long Cương vài chục dặm, còn có 1 sư đoàn độc lập của ta độ hơn 1 nghìn người, có thể đánh vu hồi sau lưng địch. 10) Sau khi quân ta đột phá chính giữa, chọc thủng một nơi trên trận tuyến của địch thì các tung đội của địch ở hai phía Đông và Tây sẽ bị chia cắt làm hai toán ở cách xa nhau. Vì những lý do trên, nên trận đầu tiên chúng ta đã quyết định đánh, và đã đánh được vào 2 lữ đoàn chủ lực cùng sư đoàn bộ của Trương Huy Toản, bắt được toàn bộ tù binh gồm 9 nghìn tên kể cả tên sư đoàn trưởng, không sót một móng nào. Trận thắng đó đã làm cho sư đoàn Đàm Đạo Nguyên hoảng sợ bỏ chạy về Đông Thiều, còn sư

đoàn Hứa Khắc Tường thì chạy về Đầu Pha, quân ta truy kích sư đoàn Đàm Đạo Nguyên và tiêu diệt được một nửa. Trong 5 ngày đánh 2 trận (từ ngày 27-12-1930 đến ngày 1-1-1931). Các cánh quân địch ở Phú Điền, Đông Cổ, Đầu Pha đều sợ bị đánh nên ừa rút chạy, cuộc “vây quét” lần thứ nhất kết thúc.

Tình hình cuộc “vây quét” lần thứ hai là: 1) Quân “càn quét” có 20 vạn, Hà Ứng Khâm làm tổng tư lệnh đóng ở Nam Xương. 2) Cũng như cuộc “vây quét” lần thứ nhất, toàn bộ quân địch không phải là quân đội trực hệ của Tưởng Giới Thạch. Trong số này thì lộ quân 19 của Thái Đình Khải, lộ quân 26 của Tôn Liên Trọng, lộ quân 8 của Chu Thiệu Lương là mạnh nhất hoặc tương đối mạnh, còn lại đều tương đối yếu. 3) Đoàn A.B. đã bị trừ khử, toàn thể nhân dân vùng căn cứ địa đều ủng hộ Hồng quân. 4) Lộ quân 5 của Vương Kim Ngọc mới ở miền Bắc xuống, tỏ vẻ sợ sệt ; hai sư đoàn của Quách Hoa Tôn và Hách Mộng Linh thuộc cánh quân bên trái của chúng đại thể cũng như vậy. 5) Quân ta bắt đầu đánh từ Phú Điền, quét ngang sang phía Đông, có thể mở rộng căn cứ địa ở vùng Kiến Ninh, Lê Xuyên, Thái Ninh, là những nơi giáp giới giữa hai tỉnh

Phúc Kiến, Giang Tây, trung tập vật tư để đánh tan trận “vây quét” lần sau. Nếu đánh từ Đông sang Tây thì chỉ bó hẹp ở vùng sông Cống, đánh xong thì không còn chỗ phát triển. Nếu đánh xong thì lại quay sang phía Đông thì vừa mệt người lại tốn thì giờ. 6) Quân số bên ta so với chiến dịch trước tuy có giảm bớt (hơn 3 vạn), nhưng đã được nghỉ ngơi dưỡng sức trong bốn tháng trời. Vì những lý do trên, quân ta quyết định đánh trận đầu tiên với quân của Vương Kim Ngọc, Công Bình Phiên (cả thảy 11 trung đoàn) ở vùng Phú Điền. Sau trận thắng đó, đánh luôn Quách Hoa Tôn, Tôn Liên Trọng, Chu Thiệu Lương, Lưu Hòa Đình. Trong 15 ngày (từ ngày 16 đến 30-5-1931) đã đi 700 dặm, đánh 5 trận, thu được hơn 2 vạn khẩu súng, đập tan tàn cuộc “vây quét” này. Lúc đánh Vương Kim Ngọc, ta ở giữa hai toán quân Thái Đình Khải và Quách Hoa Tôn của địch, cách Quách Hoa Tôn hơn 10 dặm và cách Thái Đình Khải hơn 40 dặm, cho nên có người bảo chúng ta “chui vào sừng bò”, nhưng cuối cùng chúng ta đã chui lọt, chủ yếu là nhờ điều kiện căn cứ địa, thêm vào đó là sự không thống nhất trong nội bộ quân địch. Sau khi sư đoàn Quách Hoa Tôn thất bại, thì trong đêm, sư đoàn Hách Mộng Linh trốn về Vĩnh Phong để khỏi bị tiêu diệt.

Tình hình cuộc “vây quét” lần thứ ba là: 1) Tướng Giới Thạch thân chinh ra chỉ huy, giữ chức tổng tư lệnh. Bên dưới lại chia ra làm ba tư lệnh của các cánh quân: trái, phải và giữa. Cánh quân của Hà Ứng Kham cùng Tướng Giới Thạch đóng ở Nam Xương ; cánh quân bên phải có Trần Minh Xu đóng ở Cát An ; còn cánh quân bên trái có Chu Thiệu Lương thì đóng ở Nam Phong. 2) Quân “càn quét” có 30 vạn. Chủ lực là quân đội trực hệ của Tướng Giới Thạch gồm 5 sư đoàn của Trần Thành, La Trác Anh, Triệu Quan Đào, Vệ Lập Hoàng và Tướng Đinh Văn, mỗi sư đoàn có 9 trung đoàn, tổng cộng độ 10 vạn. Kế đó là 3 sư đoàn của Tướng Quang Nại, Thái Đình Khải, Hàn Đức Cần, gồm 4 vạn người. Rồi đến quân của Tôn Liên Trọng, 2 vạn người. Ngoài ra đều không phải quân đội trực hệ của Tướng Giới Thạch, thì tương đối yếu. 3) Chiến lược “càn quét” lần này là “đánh thẳng một mạch”, khác nhiều với lối “đánh bước nào củng cố bước ấy” trong cuộc “vây quét” lần thứ hai, hòng dồn Hồng quân vào vùng sông Cống để tiêu diệt. 4) Từ khi kết thúc cuộc “vây quét” lần thứ hai đến khi bắt đầu cuộc “vây quét” lần thứ ba, chỉ cách nhau có một tháng. Sau những trận chiến đấu gian khổ, Hồng quân chưa được nghỉ ngơi, cũng chưa được bổ sung (chỉ có trên

dưới ba vạn người), lại phải đi vòng hàng nghìn dặm trở về tập trung ở Hưng Quốc, miền Tây căn cứ địa của phía nam Giang Tây ; lúc đó thì địch đã chia làm mấy ngả tiến thẳng đến trước mặt. Trong tình hình như vậy, phương châm thứ nhất mà chúng ta quyết định là từ Hưng Quốc qua Vạn Yên đột phá điểm Phú Điền, rồi sẽ đánh từ Tây sang Đông, quét ngang qua con đường liên lạc hậu phương của địch, làm cho chủ lực của địch tiến sâu vào căn cứ địa phía nam Giang Tây trở thành vô dụng, đó là giai đoạn tác chiến thứ nhất; đến lúc địch quay về phía Bắc tất nhiên sẽ rất mệt mỏi, nhân đó đánh vào bọn nào có thể đánh được, đó là giai đoạn thứ hai. Trung tâm của phương châm đó là tránh chủ lực địch, đánh đội quân yếu. Nhưng khi quân ta đang tiến vào Phú Điền thì bị địch phát hiện, 2 sư đoàn của Trần Thành và La Trác Anh liền đuổi tới. Ta bất đắc dĩ phải đổi kế hoạch quay về chợ Cao Hưng thuộc phía tây Hưng Quốc. Lúc đó chỉ còn chợ này và những vùng gần đây rộng độ mấy mươi dặm vuông là quân ta có thể tập trung được. Sau một ngày tập trung, quân ta quyết định theo phía Đông tiến về Liên Đường thuộc phía Đông huyện Hưng Quốc, Lương Thôn thuộc phía Nam huyện Vĩnh Phong, Hoàng Pha thuộc phía Bắc huyện Ninh Đô. Ngày

thứ nhất, thừa lúc ban đêm, quân ta vượt qua một vùng trống 40 dặm nằm giữa sư đoàn Tưởng Đình Văn với các cánh quân Tưởng Quang Nại, Thái Đình Khải, Hàn Đức Cần và di chuyển đến Liên Đường. Ngày thứ hai, giáp trận với đơn vị tiên tiêu của quân Thượng Quan Vân Tương (Thượng Quan chỉ huy một sư đoàn của hắn và một sư đoàn của Hách Mộng Linh). Ngày thứ ba, đánh trận đầu tiên với sư đoàn Thượng Quan Vân Tương. Ngày thứ tư, đánh trận thứ hai với sư đoàn Hách Mộng Linh, sau đó hành quân ba ngày đến Hoàng Pha, đánh trận thứ ba với sư đoàn Mao Bính Văn. Ba trận thắng cả ba, thu được trên một vạn khẩu súng. Lúc đó, tất cả chủ lực của địch đang tiến về phía Tây và phía Nam đều quay cả về phía Đông, tập trung chú ý vào Hoàng Pha, hùng hổ tiến lên tìm đánh quân ta, dùng hình thức bao vây lớn tập trung rất dày để tiến đến gần quân ta. Quân ta lần qua một vùng núi lớn rộng độ 20 dặm nằm giữa quân đội của Tưởng Quang Nại, Thái Đình Khải, Hàn Đức Cần với quân đội của Trần Thành, La Trác Anh, và từ phía Đông quay về phía Tây tập trung ở vùng Hưng Quốc. Lúc địch phát hiện được và lại tiến đến phía Tây, thì quân ta đã nghỉ ngơi được nửa tháng, còn địch thì đói, mất tinh thần, bất lực và phải quyết định rút lui. Ta lại thừa

lúc địch rút lui, tiến đánh Tường Quang Nại, Tường Đình Văn, Hàn Đức Cần, tiêu diệt một lữ đoàn của Tường Đình Văn, một sư đoàn của Hàn Đức Cần. Đối với 2 sư đoàn của Tường Quang Nại và Thái Đình Khải thì đánh không phân thắng bại nên để chúng tháo chạy.

Tình hình cuộc “vây quét” lần thứ tư là: địch chia làm ba cánh tiến về Quảng Xương, quân chủ lực là cánh quân phía Đông, 2 sư đoàn ở cánh phía Tây thì xuất hiện trước mặt chúng ta và tiến đến sát chỗ quân ta tập trung. Vì vậy, chúng ta phải đánh trước cánh quân phía Tây ở vùng phía nam Nghi Hoàng. Hai trận ấy tước hơn 1 vạn khẩu súng, lần “vây quét” này cơ bản bị đánh tan.

Cuộc “vây quét” lần thứ năm, địch tiến theo chiến lược mới là chủ nghĩa lô cốt, trước hết chiếm Lê Xuyên. Quân ta thì muốn lấy lại Lê Xuyên, chặn địch ở ngoài căn cứ địa, liền đem quân đi đánh Tiêu Thạch ở phía bắc Lê Xuyên, là trận địa kiên cố của địch và thuộc vùng trắng. Trận đầu không thắng, lại quay sang đánh Tư Khê Kiều ở đông nam Tiêu Thạch, đây cũng là trận địa vững chắc của địch và thuộc vùng trắng, vẫn không thắng. Sau đó lại loanh quanh, hết tìm đánh quân chủ lực lại đánh đồn bốt của địch, thế là hoàn

toàn lâm vào thế bị động. Kết quả là trong trận chống “vây quét” lần thứ năm kéo dài suốt một năm ròng, ta không hề chủ động được chút nào cả. Cuối cùng, không thể không rút khỏi căn cứ địa Giang Tây.

Kinh nghiệm tác chiến của quân ta trong thời kỳ chống “vây quét” từ lần thứ nhất đến lần thứ năm kể trên chứng tỏ rằng khi Hồng quân ở địa vị phòng thủ mà muốn đánh tan quân “càn quét” lớn mạnh, thì trận chiến đầu tiên trong cuộc phản công là hết sức quan trọng. Thắng bại của trận đầu tiên ảnh hưởng rất lớn đến cả toàn cuộc và ảnh hưởng suốt cho đến trận cuối cùng nữa. Do đó, rút ra được những kết luận sau:

Một là, cần phải đánh thắng. Phải nắm chắc được những điều kiện về tình hình địch, về địa hình và nhân dân v.v. đều có lợi cho ta, không lợi cho địch, rồi mới hành động sau. Nếu không thì thà lui quân rồi thận trọng mà đợi thời cơ. Thế nào rồi cũng có cơ hội, đứng ứng chiến một cách hấp tấp. Trong cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất, lúc đầu là định đánh Đàm Đạo Nguyên, nhưng chỉ vì địch không rời khỏi Nguyên Đầu là một trận địa ở trên cao, nên quân ta hai lần tiến vào rồi lại hai lần phải nhẫn nại rút về ; mấy hôm sau mới

tìm ra cánh quân dễ đánh tức là quân của Trương Huy Toàn. Trong cuộc chống “vây quét” lần thứ hai, quân ta tiến đến Đông Cổ chỉ để đợi Vương Kim Ngọc rời khỏi trận địa vững chắc của hắn ở Phú Điền, nên thà gặp nguy hiểm có thể lộ tin tức chứ quyết không chịu chấp nhận mọi đề nghị nóng nảy muốn đánh nhau, khi ấy quân ta ở sát địch, đợi mất 25 ngày, cuối cùng đã đạt được yêu cầu. Trong cuộc chống “vây quét” lần thứ ba, mặc dù đứng trước sóng gió dữ dội như vậy, quân ta phải quay về trên một con đường dài ngàn dặm, địch lại phát hiện được kế hoạch của ta định đánh vu hồi sau sườn của chúng, nhưng chúng ta vẫn nhẫn nại quay trở lại thay đổi kế hoạch, đột phá vào quãng giữa, cuối cùng đã đánh thắng được trận đầu tiên ở Liên Đường. Cuộc chống “vây quét” lần thứ tư, đánh Nam Phong không hạ được, quân ta liền quả quyết rút lui, cuối cùng chuyển sang cánh phải của địch, tập trung ở vùng Đông Thiều, mở đầu một trận thắng lớn ở vùng phía nam Nghi Hoàng. Chỉ có cuộc chống “vây quét” lần thứ năm thì hoàn toàn không hiểu được tầm quan trọng của trận đầu tiên, vì hoảng sợ khi thấy mất huyện lỵ Lê Xuyên, xuất phát từ chỗ muốn lấy lại huyện lỵ đó, tiến lên phía Bắc tiến gần địch, sau khi thắng trong trận tao ngộ chiến bất ngờ ở

Tuân Khẩu (tiêu diệt 1 sư đoàn địch) thì lại không coi trận đó là trận đầu tiên, không thấy được đằng sau trận này, tất nhiên phải có những thay đổi, mà cứ liều lĩnh tấn công Tiêu Thạch là nơi không thể nào đánh thắng được. Ngay trong bước đầu đã mất quyền chủ động rồi, thật là một lối đánh ngu nhất và tồi nhất.

Hai là, trận đầu tiên phải là một trận mở màn gắn liền với kế hoạch của toàn bộ chiến dịch. Không có kế hoạch tốt cho toàn bộ chiến dịch thì quyết không thể có một trận đầu tiên đánh thực sự là hay. Như thế nghĩa là dù trận đầu tiên có thắng đi chăng nữa, nhưng nếu trận ấy chẳng những không có lợi mà lại có hại cho toàn bộ chiến dịch thì trận thắng đó cũng chỉ coi như thua mà thôi (như trận Tuân Khẩu trong cuộc “vây quét” lần thứ năm). Vì thế trước khi đánh trận đầu tiên, phải nghĩ xem cách đánh từ trận thứ hai, thứ ba, thứ tư cho đến trận cuối cùng, đại thể sẽ như thế nào, liệu xem mỗi khi ta thắng được một trận thì toàn bộ cục diện của địch sẽ thay đổi như thế nào, nếu ta thua thì lại sẽ biến đổi như thế nào. Tuy kết quả chưa chắc và thậm chí không hoàn hảo như ta mong muốn, nhưng dù sao cũng phải căn cứ vào cục diện chung của hai bên để suy tính rõ ràng, tỉ

mỉ và thiết thực. Nếu không nắm được toàn cục thì không thực sự đi được một nước cờ hay.

Ba là, còn phải nghĩ đến những vấn đề trong giai đoạn chiến lược sau. Nếu chỉ lo phản công mà không lo đến chuyện phải làm thế nào sau khi phản công thắng lợi hay chẳng may thất bại, thì vẫn chưa làm tròn trách nhiệm của một người chỉ đạo chiến lược. Người chỉ đạo chiến lược, lúc đang còn ở giai đoạn chiến lược này, đã phải tính đến nhiều giai đoạn sau, hay ít ra cũng phải tính đến giai đoạn ngay sau đó. Mặc dù những biến đổi sau này khó mà lường trước được, càng xa càng mờ nhưng về đại thể cũng có thể tính toán được, suy tính đến viễn cảnh tương lai là điều cần thiết. Phương pháp chỉ đạo đi bước nào hay bước ấy không có lợi cho chính trị và cũng không có lợi cho chiến tranh. Đi một bước là phải xem những biến đổi cụ thể sau khi đi bước ấy, rồi căn cứ vào đó mà sửa chữa hay phát triển kế hoạch chiến lược, chiến dịch của mình, không làm như vậy thì sẽ mắc phải sai lầm phiêu lưu mạo hiểm. Nhưng quyết không thể thiếu được một phương châm lâu dài, được trừ tính thấu suốt về đại thể và quán xuyên cả giai đoạn cả giai đoạn chiến lược thậm chí đến mấy giai đoạn chiến lược. Nếu

không làm thế thì sẽ rơi vào sai lầm do dự không lối thoát và trên thực tế là phù hợp nhu cầu chiến lược của địch và khiến cho mình rơi vào địa vị bị động. Cần phải biết rằng bộ tổng chỉ huy của địch cũng có con mắt chiến lược nào đó. Chừng nào chúng ta luyện cho mình cao hơn người một bậc, thì mới có khả năng thắng lợi về chiến lược được. Trong thời kỳ “vây quét” lần thứ năm của địch, đường lối cơ hội “tả” khuynh và sự chỉ đạo chiến lược của đường lối Trương Quốc Đào sở dĩ là sai lầm, chủ yếu cũng vì không làm được điều đó. Nói tóm lại, trong giai đoạn rút lui phải tính đến giai đoạn phản công, trong giai đoạn phản công phải tính đến giai đoạn tấn công, trong giai đoạn tấn công phải tính đến giai đoạn rút lui. Không tính toán như thế, tự trói buộc vào những lợi hại trước mắt, thì đó là con đường thất bại.

Cần phải đánh thắng ; phải tính toán đến kế hoạch của toàn bộ chiến dịch ; phải tính toán đến giai đoạn chiến lược sau. Đó là ba nguyên tắc không thể nào quên được khi bắt đầu phản công, tức là khi đánh trận đầu tiên.

6. VẤN ĐỀ TẬP TRUNG BINH LỰC

Tập trung binh lực xem ra thì dễ, nhưng thực hành thì rất khó. Ai ai cũng biết rằng lấy nhiều thắng ít là biện pháp tốt nhất, song rất nhiều người không làm được như vậy, trái lại thường hay phân tán binh lực, nguyên nhân là vì người chỉ đạo thiếu đầu óc chiến lược, bị mê hoặc bởi hoàn cảnh phức tạp, vì vậy, bị hoàn cảnh chi phối, mất khả năng tự chủ và phải áp dụng chủ nghĩa đối phó.

Bất cứ ở vào hoàn cảnh phức tạp, nghiêm trọng, gian nan cơ cực đến thế nào đi nữa, điều cần thiết trước tiên đối với một người chỉ huy quân sự là phải tổ chức và sử dụng lực lượng của mình một cách độc lập và tự chủ. Trường hợp bị địch dồn vào địa vị bị động là một việc thường có, điều quan trọng là phải mau chóng khôi phục lại địa vị chủ động. Nếu không khôi phục được địa vị đó, thì về sau sẽ thất bại.

Địa vị chủ động không phải là cái không tương, mà là cái cụ thể và cần thiết. Ở đây, điều quan trọng nhất là bảo toàn và tập trung được một đội quân lớn nhất và giàu sức sống.

Phòng ngự chiến vốn dễ bị hãm vào địa vị bị động, phòng ngự chiến kém xa tấn công chiến về mặt phát huy được đầy đủ quyền chủ động.

Nhưng phòng ngự chiến có thể có nội dung chủ động trong hình thức bị động, có thể chuyển từ giai đoạn bị động về hình thức sang giai đoạn chủ động cả về hình thức lẫn nội dung. Việc rút lui chiến lược hoàn toàn có kế hoạch, về hình thức là buộc phải làm như vậy, về nội dung là bảo toàn binh lực, đợi thời cơ đánh tan quân địch, là nhử địch vào sâu, chuẩn bị phản công. Việc không chịu rút lui, vội vã ứng chiến (ví dụ như trận Tiêu Thạch), bề ngoài tựa như cố giành chủ động nhưng thực tế là bị động. Sự phản công chiến lược chẳng những nội dung là chủ động mà hình thức cũng là bỏ hẳn tư thế bị động khi rút lui. Đối với quân địch mà nói, thì phản công là sự cố gắng của quân ta để buộc chúng phải bỏ quyền chủ động, đồng thời cũng tức là dồn chúng vào địa vị bị động.

Muốn hoàn toàn đạt được mục đích đó thì việc tập trung binh lực, đánh vận động, đánh tốc quyết, đánh tiêu diệt, đều là những điều kiện cần thiết. Mà tập trung binh lực là điều kiện trước tiên và chủ yếu.

Tập trung binh lực sở dĩ cần thiết là vì để biến đổi tình hình giữa địch và ta. Thứ nhất là để biến đổi tình hình tiến và lui. Trước kia thì địch tiến ta

lui, bây giờ phải làm sao đạt tới mục đích ta tiến địch lui. Tập trung binh lực đánh một trận mà thắng thì mục đích ấy sẽ được thực hiện trong trận này và cũng sẽ có ảnh hưởng tới toàn bộ chiến dịch.

Thứ hai là để biến đổi tình hình công và thủ. Trong phòng ngự chiến, rút lui đến điểm cuối cùng, về cơ bản là thuộc giai đoạn tiêu cực, tức là giai đoạn “thủ”. Phản công là thuộc về giai đoạn tích cực, tức là giai đoạn “công”. Tuy rằng trong toàn bộ cuộc phòng thủ chiến lược thì chưa thoát khỏi được tính chất phòng thủ, nhưng so với rút lui thì phản công đã là một sự thay đổi chẳng những về hình thức mà cả về nội dung nữa. Phản công là bước chuyển tiếp giữa phòng thủ chiến lược và tấn công chiến lược, nó mang tính chất đệm trước của tấn công chiến lược, tập trung binh lực chính là để đạt tới mục đích đó.

Thứ ba là để biến đổi tình hình nội tuyến và ngoại tuyến. Quân đội ở vào thế tác chiến nội tuyến về chiến lược, đặc biệt là Hồng quân ở hoàn cảnh bị “vây quét” thì chịu nhiều điều bất lợi. Nhưng chúng ta có thể và hơn nữa hoàn toàn cần phải biến đổi tình hình đó trong chiến dịch hay chiến đấu. Biến đổi một cuộc “vây quét” lớn của

quân địch đối với quân ta thành nhiều cuộc vây quét nhỏ riêng biệt của quân ta đối với quân địch. Biến sự phân tiến hợp kích về chiến lược của quân địch đối với quân ta thành sự phân tiến hợp kích trong chiến dịch hay chiến đấu của quân ta đối với quân địch. Làm cho quân địch từ địa vị kẻ mạnh về chiến lược thành địa vị kẻ yếu trong chiến dịch hay chiến đấu. Đồng thời, biến địa vị kẻ yếu về chiến lược của mình thành địa vị kẻ mạnh trong chiến dịch hay chiến đấu. Đó tức là tác chiến ngoại tuyến trong tác chiến nội tuyến, vây quét trong “vây quét”, phong tỏa trong phong tỏa, tấn công trong phòng thủ, thế mạnh trong thế kém, kẻ mạnh trong kẻ yếu, có lợi trong bất lợi, chủ động trong bị động. Muốn giành được thắng lợi trong phòng thủ chiến lược thì cơ bản là phải dựa vào việc tập trung binh lực.

Trong lịch sử chiến đấu của Hồng quân Trung Quốc, vấn đề đó thường thường trở thành vấn đề tranh luận quan trọng. Trong trận Cát An ngày 4 tháng 10 năm 1930, không đội binh lực hoàn toàn tập trung, quân ta đã tiến đánh, nhưng may mà quân địch (sư đoàn Đông Anh) tự bỏ chạy, và bản thân cuộc tấn công của chúng ta chẳng có hiệu quả gì.

Bắt đầu từ năm 1932, có khẩu hiệu gọi là “xuất kích toàn tuyến”, yêu cầu phải xuất kích từ khắp bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc của căn cứ địa. Điều đó chẳng những không đúng khi phòng thủ chiến lược mà ngay khi tấn công chiến lược cũng không đúng. Khi toàn bộ tình hình tương quan giữa địch và ta chưa biến đổi hoàn toàn thì bất cứ là chiến lược hay chiến thuật, đều có hai mặt phòng thủ và tấn công, kiềm chế và đột kích, sự thật thì rất hiếm có cái gọi là “xuất kích toàn tuyến”. Khẩu hiệu xuất kích toàn tuyến là chủ nghĩa bình quân về quân sự đi theo chủ nghĩa phiêu lưu về quân sự.

Đến năm 1933, những người bình quân chủ nghĩa về quân sự có cái lập luận gọi là “đánh người bằng hai quả đấm”, chia cắt chủ lực Hồng quân ra làm đôi hòng chiến thắng đồng thời trên hai hướng chiến lược. Kết quả lúc đó là một năm đấm bị bỏ vô dụng, còn một năm đấm phải đánh rất mệt nhọc, lúc đó có khả năng giành được. Theo ý kiến của tôi, trong điều kiện có quân địch lớn mạnh, dù mình có bao nhiêu đội quân đi nữa, thì trong cùng một thời gian, chỉ có một hướng sử dụng chủ yếu chứ không nên có hai. Tôi không phản đối việc có hai hay trên hai hướng tác chiến,

nhưng hướng chủ yếu trong cùng một thời gian chỉ nên có một. Hồng quân Trung Quốc xuất hiện trên chiến trường nội chiến với tư thế của một kẻ nhỏ yếu, những chiến công làm chấn động thế giới của Hồng quân nhiều lần đánh bại kẻ địch lớn mạnh, phần rất lớn là nhờ vào việc sử dụng binh lực tập trung. Bất cứ một trận thắng lớn nào đều có thể chứng minh cho điểm đó. “Lấy một chọi mười, lấy mười chọi trăm” là cách nói về chiến lược, là nói về toàn bộ cuộc chiến, toàn bộ tương quan giữa địch với ta ; về ý nghĩa đó, quả thực là chúng ta đã làm như vậy. Nhưng đó không phải là nói về chiến dịch và chiến thuật ; về ý nghĩa này thì chúng ta quyết không nên làm như vậy. Bất cứ là phản công hay tấn công, bao giờ chúng ta cũng phải tập trung một lực lượng lớn đánh vào một bộ phận của địch. Trận đánh Đàm Đạo Nguyên ở vùng Đông Thiều, huyện Ninh Đô, tỉnh Giang Tây vào tháng 1 năm 1931, trận đánh lộ quân 19 tại vùng chợ Cao Hưng, huyện Hưng Quốc, tỉnh Giang Tây vào tháng 8 năm 1931, trận đánh Trần Tế Đường ở vùng chợ Thủy Khẩu, huyện Nam Hùng, tỉnh Quảng Đông vào tháng 7 năm 1932, trận đánh Trần Thành ở vùng Đoàn Thôn, huyện Lê Xuyên, tỉnh Giang Tây vào tháng 3 năm 1934, đều là những trận thua thiệt vì binh

lực không tập trung. Những trận như trận chợ Thủy Khẩu và trận Đoàn Thôn, nói chung vốn coi là trận đánh thắng và còn coi là trận thắng lớn (trận Thủy Khẩu đánh tan 20 trung đoàn của Trần Tế Đường, trận Đoàn Thôn đánh tan 12 trung đoàn của Trần Thành), nhưng từ trước đến nay chúng ta không hề hoan nghênh kiêu thắng trận như vậy và trên một ý nghĩa nào đó, thì thậm chí còn có thể nói rằng đó là thua trận. Bởi vì không thu được gì hoặc cái thu được không nhiều hơn cái bị tiêu hao, như vậy, đối với chúng ta mà nói thì ý nghĩa rất ít. Chiến thuật của chúng ta là “lấy mười chọi một”. Chiến lược của chúng ta là “lấy mười chọi một”, đó là một trong những quy luật cơ bản để chúng ta đánh thắng địch.

Đến cuộc chống “vây quét” lần thứ năm vào năm 1934 thì chủ nghĩa bình quân về quân sự đã phát triển tới cực điểm. “Chia quân ra sáu ngả”, “kháng cự toàn tuyến”, cho rằng có thể trị được địch, kết quả lại bị địch trị, nguyên nhân là vì sợ mất đất. Khi tập trung chủ lực vào một hướng, ở các hướng khác chỉ còn lại những lực lượng kiềm chế, thì cố nhiên là không tránh khỏi tổn thất về đất đai. Song đó chỉ là sự tổn thất cục bộ, tạm thời, dùng nó để đổi lấy thắng lợi ở hướng đột kích.

Hướng đột kích mà thắng lợi thì có thể khôi phục lại sự tồn thất của hướng kiềm chế. Những cuộc “vây quét” lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư của địch đều làm cho chúng ta bị tổn thất về đất đai, đặc biệt là khi địch “vây quét” lần thứ ba, căn cứ địa của Hồng quân ở Giang Tây hầu như bị mất tất cả, song kết quả thì đất đai của chúng ta chẳng những được khôi phục lại, hơn nữa còn được mở rộng thêm.

Vì không nhìn thấy lực lượng của nhân dân vùng căn cứ địa, nên thường sinh ra tâm lý sai lầm là sợ Hồng quân đi xa căn cứ địa. Tâm lý đó đã từng nảy sinh vào năm 1932 khi Hồng quân Giang Tây đi xa để đánh Chương Châu thuộc Phúc Kiến và năm 1933 sau khi chiến dịch chống “vây quét” lần thứ tư thắng lợi, Hồng quân chuyển sang tấn công Phúc Kiến. Trường hợp thứ nhất là vì sợ toàn bộ căn cứ địa bị chiếm, trường hợp thứ hai là vì sợ một phần của căn cứ địa bị chiếm, nên phản đối tập trung binh lực, chủ trương phân tán binh lực ra phòng thủ, kết quả đã chứng minh là không đúng. Về phía địch, một mặt, căn cứ địa làm cho chúng khi tiến vào phải sợ sệt, mặt khác thì việc Hồng quân đánh vào vùng trắng là một nguy cơ chủ yếu đối với địch. Quân địch bao giờ cũng chú

ý vào chỗ có Hồng quân chủ lực, rất ít có trường hợp quân địch bỏ rơi Hồng quân chủ lực mà chỉ chú ý vào căn cứ địa. Khi Hồng quân phòng thủ thì sự chú ý của địch cũng vẫn tập trung vào Hồng quân. Kế hoạch thu hẹp căn cứ địa là một phần trong toàn bộ kế hoạch của địch ; nhưng nếu Hồng quân tập trung chủ lực tiêu diệt một cánh quân của chúng thì bộ chỉ huy của địch không thể không chuyển sự chú ý và binh lực của chúng nhiều hơn nữa về phía Hồng quân. Cho nên kế hoạch của địch nhằm thu hẹp căn cứ địa cũng có thể bị phá tan.

“Trong thời kỳ địch “vây quét” lần thứ năm theo chủ nghĩa lô cốt, chúng ta không thể tác chiến tập trung mà chỉ có thể chia quân phòng thủ và đánh những trận đột kích nhanh gọn”, lời nói đó cũng không đúng. Lối đánh của địch theo chủ nghĩa lô cốt tiến dần từng quãng năm ba dặm hay chín mười dặm hoàn toàn là do sự kháng cự từng quãng của chính Hồng quân gây nên. Nếu quân ta bỏ lối đánh kháng cự từng quãng ở nội tuyến, đợi đến khi cần thiết và có khả năng sẽ chuyển sang đánh ở nội tuyến của địch, thì tất nhiên sẽ lại là một cục diện khác. Quy luật tập trung binh lực chính là công cụ để chiến thắng chủ nghĩa lô cốt.

Chúng ta chủ trương tập trung binh lực, nhưng không có nghĩa là rút bỏ chiến tranh du kích của nhân dân. Đường lối Lập Tam chủ trương rút bỏ chiến tranh du kích nhỏ, “một khẩu súng cũng phải tập trung cho Hồng quân”, từ lâu chủ trương đó đã được chứng minh là không đúng. Xét theo quan điểm của toàn bộ cuộc chiến tranh cách mạng thì chiến tranh du kích của nhân dân và Hồng quân chủ lực là hai cánh tay phải và trái phối hợp với nhau, chỉ có Hồng quân chủ lực mà không có chiến tranh du kích của nhân dân thì chẳng khác gì vị tướng độc tay. Xét cụ thể và nhất là xét về tác chiến, thì điều kiện nhân dân ở căn cứ địa là nhân dân đã được vũ trang. Cái mà địch cho là đáng sợ, chủ yếu cũng là ở đó.

Việc bố trí những chi đội của Hồng quân ở hướng tác chiến thứ yếu cũng là một việc cần thiết, không phải tất cả đều tập trung. Việc tập trung binh lực mà chúng ta chủ trương là xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo ưu thế tuyệt đối hay tương đối cho việc tác chiến trên chiến trường. Đối với quân địch mạnh hay việc tác chiến trên chiến trường quan trọng, thì phải dùng binh lực có ưu thế tuyệt đối ; ví dụ như trận đầu tiên trong cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất vào

ngày 30 tháng 12 năm 1930, ta đã tập trung 4 vạn người để đánh 9 nghìn tên của Trương Huy Toản. Đối với kẻ địch yếu hoặc việc tác chiến trên chiến trường không quan trọng thì dùng binh lực có ưu thế tương đối cũng đủ rồi ; ví dụ như trận cuối cùng trong cuộc chống “vây quét” lần thứ hai vào ngày 29 tháng 5 năm 1931, Hồng quân chỉ dùng hơn 1 vạn người tiến về Kiến Ninh để đánh sư đoàn Lưu Hòa Đình gồm 7 nghìn tên.

Song không có nghĩa là lần nào cũng phải có binh lực ưu thế. Trong một tình hình nào đó cũng có thể xuất hiện trên chiến trường với binh lực có thể kém tương đối hay có thể kém tuyệt đối. Trường hợp có thể kém tương đối, ví dụ trong một khu vực nào đó chỉ có một đơn vị Hồng quân không lớn lắm (không phải là có binh lực mà không tập trung) mà muốn đánh tan cuộc tấn công của một đội quân địch ưu thế nào đó, nếu những điều kiện về nhân dân, địa hình hay thiên thời có thể giúp đỡ nhiều cho chúng ta thì lúc đó dùng đội du kích hay chi đội nhỏ kiểm chế chính diện và một cánh của địch, còn Hồng quân thì tập trung toàn lực bất thành linh tập kích vào một bộ phận của một cánh khác của địch, dĩ nhiên đó cũng là cần thiết và hơn nữa có thể thắng lợi. Khi ta tập

kích một bộ phận của một cánh quân của địch thì việc so sánh binh lực vẫn áp dụng được nguyên tắc dùng ưu thế đối phó thế kém, lấy nhiều thắng ít. Trường hợp có thể kém tuyệt đối, ví dụ khi đội du kích tập kích vào bộ đội lớn của bạch quân, nhưng chỉ tập kích một bộ phận nhỏ của chúng thì vẫn áp dụng được nguyên tắc kể trên.

Cho rằng tập trung bộ đội lớn để tác chiến ở một chiến trường thì bị địa hình, đường sá, cấp dưỡng và nơi trú quân hạn chế, lối nói đó cũng phải tùy tình hình mà xét. Những sự hạn chế đó có sự khác nhau về mức độ đối với Hồng quân và bạch quân, bởi vì so với bạch quân thì Hồng quân có thể chịu đựng được nhiều khó khăn hơn.

Chúng ta nói với bọn thống trị cả Trung Quốc rằng: Chúng ta lấy ít thắng nhiều. Và chúng ta lại nói với bọn địch ở từng bộ phận tác chiến ngoài chiến trường rằng: Chúng ta lấy nhiều thắng ít. Điều đó đã không còn gì là bí mật cả, nói chung địch cũng đã quen với tính nết của chúng ta rồi. Nhưng địch không thể thủ tiêu được thắng lợi của chúng ta và chúng cũng không thể tránh khỏi tổn thất, bởi vì địch không thể biết chúng ta làm như vậy vào lúc nào và ở đâu. Điều này thì chúng ta

giữ bí mật. Nói chung thì Hồng quân tác chiến theo lối đánh kỳ tập.

7. VẬN ĐỘNG CHIẾN

Đánh vận động hay đánh trận địa? Chúng ta trả lời: đánh vận động. Trong điều kiện không có binh lực đông đảo, không có đạn dược để bổ sung và mỗi một căn cứ địa đánh đi đánh lại cũng chỉ có một đội Hồng quân, thì đối với chúng ta, đánh trận địa về cơ bản là không dùng được. Đối với chúng ta, chẳng những về cơ bản không dùng được trận địa chiến khi phòng thủ mà ngay cả khi tấn công cũng không thể dùng được.

Do quân địch lớn mạnh và Hồng quân yếu về kỹ thuật nên sinh ra một trong những đặc điểm rõ rệt của Hồng quân về mặt tác chiến là không có tuyến tác chiến cố định.

Tuyến tác chiến của Hồng quân phải tuân theo hướng tác chiến của Hồng quân. Hướng tác chiến không cố định nên ảnh hưởng đến tuyến tác chiến cũng không cố định. Tuy trong một thời kỳ, hướng lớn không thay đổi, nhưng hướng nhỏ

trong hướng lớn thì lại luôn thay đổi, hướng này bị hạn chế thì phải chuyển sang hướng khác. Sau một thời kỳ, hướng lớn cũng bị hạn chế thì ngay cả hướng lớn đó cũng phải thay đổi.

Trong thời kỳ nội chiến cách mạng, tuyến tác chiến không thể cố định, ngay ở Liên Xô cũng đã từng có tình hình đó. Điểm khác nhau giữa Quân đội Liên Xô với quân đội ta là mức độ không cố định của họ không nhiều như của ta. Mọi cuộc chiến tranh đều không thể có tuyến tác chiến cố định tuyệt đối, sự biến hóa của thắng bại, tiến lui không cho phép làm như vậy. Nhưng tuyến tác chiến cố định tương đối thì thường thấy trong chiến tranh nói chung. Chỉ có những đội quân chiến đấu trong điều kiện mà địch mạnh ta yếu chênh lệch một trời một vực như Hồng quân Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay mới là ngoại lệ.

Tuyến tác chiến không cố định có ảnh hưởng đến sự không cố định về đất đai của căn cứ địa. Khi lớn, khi nhỏ, khi co lại, khi rộng ra là chuyện thường xuyên ; chỗ này lên, chỗ kia xuống cũng thường thường xảy ra. Tính lưu động của đất đai hoàn toàn bắt nguồn từ tính lưu động của chiến tranh.

Tính lưu động của chiến tranh và đất đai có ảnh hưởng làm cho mọi công tác xây dựng căn cứ địa cũng nảy ra tính lưu động. Một kế hoạch xây dựng nhiều năm là không thể tưởng tượng được. Việc thay đổi kế hoạch rất nhiều lần là chuyện cơm bữa của chúng ta.

Thừa nhận đặc điểm đó thì có lợi cho chúng ta. Xuất phát từ đặc điểm đó mà đặt ra kế hoạch của chúng ta, không nên mơ ước thứ chiến tranh chỉ có tiền mà không có lui, không nên sợ hãi vì sự lưu động tạm thời của đất đai và hậu phương quân sự, không nên có ý định đặt kế hoạch cụ thể cho một thời kỳ dài. Làm cho tư tưởng và công tác của chúng ta thích hợp với tình hình, sẵn sàng ngồi xuống cùng sẵn sàng lên đường, không nên vút búng túi lương khô đi. Chỉ có cố gắng trong sinh hoạt lưu động hiện nay thì mới có thể giành được sự không lưu động tương đối sau này, mới có thể giành được sự ổn định cuối cùng.

Phương châm chiến lược về cái gọi là “chiến tranh chính quy” thống trị trong thời kỳ chống “vây quét” lần thứ năm phủ nhận tính lưu động nói trên, phản đối cái gọi là “chủ nghĩa du kích”. Những đồng chí phản đối lưu động làm như họ là người thống trị một nước lớn, kết quả là đã phải

nhận lấy một cuộc lưu động lớn khác thường – cuộc Vạn lý Trường chinh 2 vạn 5 nghìn dặm.

Nước cộng hòa dân chủ công nông của chúng ta là một nước, nhưng hiện nay vẫn là một nước không toàn diện. Ngày nay chúng ta vẫn ở thời kỳ phòng thủ chiến lược của nội chiến, chính quyền của chúng ta còn cách hình thái một nhà nước toàn diện rất xa, so với địch thì số lượng và kỹ thuật của quân đội ta còn kém xa, đất đai của chúng ta còn rất nhỏ hẹp, kẻ thù của chúng ta từng giờ từng phút muốn tiêu diệt cho được chúng ta thì mới hả. Từ những điểm trên mà định ra phương châm của chúng ta, không phải là phản đối chủ nghĩa du kích một cách chung chung, mà là phải thành thật thừa nhận tính chất du kích của Hồng quân. Ở đây mà sợ xấu hổ thì vô ích. Trái lại, tính chất du kích chính là đặc điểm của chúng ta, chính là sở trường của chúng ta, chính là công cụ để chúng ta chiến thắng kẻ thù. Chúng ta phải chuẩn bị vứt bỏ tính chất du kích, nhưng hiện nay thì chưa thể vứt bỏ được. Sau này tính chất du kích nhất định là cái đáng thẹn và cần phải vứt bỏ, nhưng hiện nay thì lại là một cái quý báu và cần phải giữ vững.

“Đánh thắng được thì đánh, đánh không thắng được thì đi”, đó là sự giải thích dễ hiểu của chúng ta hiện nay về vận động chiến. Trong thiên hạ không có nhà quân sự nào lại chỉ thừa nhận đánh mà không thừa nhận đi, có điều là không đi ghé góm như chúng ta mà thôi. Đối với chúng ta, thời gian đi đường thường nhiều hơn thời gian tác chiến, trung bình mỗi một tháng đánh được một trận lớn thì coi là tốt rồi. Tất cả mọi cuộc “đi” đều là cốt để “đánh”, tất cả mọi phương châm chiến lược, chiến dịch của chúng ta đều xây dựng trên một điểm cơ bản là “đánh”. Song trước mắt chúng ta có mấy trường hợp khó đánh. Một là khi lực lượng địch ở trước mắt nhiều thì khó đánh ; hai là địch ở trước mắt tuy không nhiều nhưng lại ở rất sát với một bọng địch khác gần đó thì có khi cũng khó đánh ; ba là, nói chung hễ quân địch không bị cô lập và lại chiếm một trận địa hết sức vững chắc thì đều khó đánh ; bốn là khi đánh mà không giải quyết được thì không nên tiếp tục đánh nữa. Gặp những lúc như thế, chúng ta đều chuẩn bị đi. Đi như vậy là được phép và là cần thiết. Bởi vì chúng ta thừa nhận sự cần thiết của việc đi với điều kiện là trước hết thừa nhận sự cần thiết của việc đánh. Đặc điểm cơ bản trong vận động chiến của Hồng quân chính là ở chỗ đó.

Về cơ bản là vận động chiến, nhưng không phải là gạt bỏ trận địa chiến cần thiết và có thể. Khi phòng thủ chiến lược mà chúng ta cố thủ một vài điểm tựa nào đó ở mặt kiềm chế, và khi tấn công chiến lược nếu gặp bọn địch cô lập và không có viện trợ, thì đều phải thừa nhận việc dùng trận địa chiến để đối phó. Chúng ta có không ít những kinh nghiệm trước đây trong việc áp dụng trận địa chiến như vậy để đánh thắng quân địch ; rất nhiều thành thị, lô cốt, bản làng bị quân ta hạ và những trận địa dã chiến với một trình độ nhất định của địch cũng đã bị chúng ta chọc thủng. Từ nay về sau, còn phải cố gắng hơn nữa để bổ khuyết cho nhược điểm của chúng ta về mặt này. Chúng ta hoàn toàn nên đề xướng lối tấn công trận địa và phòng thủ trận địa trong tình hình cần thiết và cho phép. Điều mà chúng ta phản đối chỉ là ở chỗ đem áp dụng trận địa chiến nói chung trong hoàn cảnh ngày nay, hoặc coi trận địa chiến cũng ngang với vận động chiến, đó mới là những cái không thể cho phép được.

Tính chất du kích của Hồng quân, việc không có tuyến tác chiến cố định, tính lưu động của căn cứ địa, tính lưu động trong công tác xây dựng căn cứ địa, những cái đó trong mười năm chiến tranh

không thay đổi chút nào ư? Có biến đổi. Từ núi Tinh Cương đến trước cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất ở Giang Tây là giai đoạn thứ nhất, tính chất du kích và tính lưu động trong thời gian này rất nặng, Hồng quân còn ở trong thời kỳ thơ ấu, căn cứ địa còn là vùng du kích. Từ cuộc chống “vây quét” lần thứ nhất đến cuộc chống “vây quét” lần thứ ba là giai đoạn thứ hai, tính chất du kích và tính lưu động trong giai đoạn này đã bớt đi nhiều, đã thành lập phương diện quân, đã có căn cứ địa với mấy triệu dân số. Từ sau cuộc chống “vây quét” lần thứ ba đến cuộc chống “vây quét” lần thứ năm là giai đoạn thứ ba, tính chất du kích và tính lưu động lại càng bớt đi. Chính phủ Trung ương và Ủy ban Quân sự cách mạng đã được thành lập. Cuộc Vạn lý Trường chinh là giai đoạn thứ tư. Vì phủ nhận một cách sai lầm thứ du kích nhỏ và lưu động nhỏ nên đã dẫn đến một cuộc du kích lớn và lưu động lớn. Bây giờ là giai đoạn thứ năm. Vì không chiến thắng cuộc “vây quét” lần thứ năm và vì phải lưu động lớn nên Hồng quân và căn cứ địa đều bị thu hẹp rất nhiều, nhưng đã đứng vững được ở vùng Tây Bắc, đã củng cố và phát triển căn cứ địa ở biên khu Thiểm-Cam-Ninh. Ba phương diện quân của

Hồng quân chủ lực đã thống nhất chỉ huy, đó là một việc mà trước đây chưa từng có.

Căn cứ vào tính chất chiến lược thì cũng có thể nói rằng từ thời kỳ núi Tinh Cương đến thời kỳ chống “vây quét” lần thứ tư là một giai đoạn, thời kỳ chống “vây quét” lần thứ năm là một giai đoạn nữa và từ cuộc Vạn lý Trường chinh đến nay là giai đoạn thứ ba. Khi chống “vây quét” lần thứ năm, người ta đã phủ nhận một cách sai lầm những phương châm vốn là đúng đắn trước đây, bây giờ chúng ta lại phủ nhận một cách đúng đắn những phương châm sai lầm mà những người đã đặt ra trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm, và chúng ta đã khôi phục những phương châm đúng đắn trước đây. Song không phải là phủ nhận tất cả mọi thứ trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm và cũng không phải là khôi phục mọi thứ trước đây. Chúng ta khôi phục những cái tốt đẹp trước đây, và phủ nhận những cái sai lầm trong cuộc chống “vây quét” lần thứ năm.

Chủ nghĩa du kích có hai mặt. Một mặt là tính chất không chính quy, tức là không tập trung, không thống nhất, kỷ luật không nghiêm, đơn giản hóa phương pháp công tác. Những cái đó là do bản thân thời kỳ Hồng quân còn thơ ấu mang

lại, có những cái mà chính lúc đó là cần thiết, nhưng đến giai đoạn cao của Hồng quân thì cần phải dần dần tự giác vứt bỏ đi, làm cho Hồng quân càng tập trung hơn, càng thống nhất hơn, cũng có kỷ luật hơn, công tác càng chu đáo hơn, nghĩa là làm cho nó có tính chất chính quy hơn. Về mặt chỉ huy tác chiến cũng phải dần dần tự giác giảm bớt tính chất du kích không cần thiết cho giai đoạn cao. Về mặt này mà không chịu tiến lên, cứ khăng khăng dừng lại ở giai đoạn cũ, thì như vậy là không được phép, lại có hại và không có lợi cho tác chiến quy mô lớn.

Mặt khác là phương châm vận động chiến là tính chất du kích trong tác chiến chiến lược và chiến dịch mà hiện nay còn cần thiết, là tính lưu động không sao ngăn nổi của căn cứ địa, là tính biến đổi linh hoạt của kế hoạch xây dựng căn cứ địa, là sự chính quy hóa không cần thiết và không đúng lúc trong việc xây dựng Hồng quân. Về mặt này, gạt bỏ sự thật lịch sử, phản đối việc giữ lại những cái có ích, cứ thoát ly bừa giai đoạn hiện nay, mù quáng chạy theo cái gọi là “giai đoạn mới” chỉ nhìn thấy chứ không với tới được và hiện nay không có ý nghĩa hiện thực, thì cũng là không

được phép, là có hại và bất lợi cho việc tác chiến trước mắt.

Hiện nay, chúng ta đang ở đêm trước của một giai đoạn mới về mặt kỹ thuật và tổ chức của Hồng quân. Chúng ta phải chuẩn bị chuyển sang giai đoạn mới. Nếu không chuẩn bị thì không đúng và không có lợi cho chiến tranh sau này. Sau này, điều kiện kỹ thuật và tổ chức của Hồng quân thay đổi, việc xây dựng Hồng quân bước sang giai đoạn mới, thì hướng tác chiến và tuyến tác chiến của Hồng quân sẽ tương đối cố định ; trận địa chiến sẽ tăng thêm ; tính lưu động của chiến tranh, tính lưu động của đất đai và của việc xây dựng sẽ giảm đi rất nhiều và cuối cùng cũng sẽ biến mất; những cái mà hiện nay đang hạn chế chúng ta như ưu thế của địch và trận địa vững chắc mà chúng ta chiếm cứ sẽ không thể hạn chế chúng ta được nữa.

Bây giờ, một mặt chúng ta phản đối những biện pháp sai lầm trong thời kỳ chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh thống trị, và mặt khác, chúng ta cũng phản đối việc khôi phục lại nhiều cái không chính quy trong thời kỳ Hồng quân còn thơ ấu mà hiện nay không cần thiết nữa. Nhưng chúng ta phải kiên quyết khôi phục lại nhiều nguyên tắc xây dựng quân đội và nguyên tắc chiến lược, chiến

thuật đáng quý mà trước đây Hồng quân vẫn dùng để đánh thắng trận. Chúng ta phải tổng kết tất cả những cái tốt đẹp trước đây, làm cho nó trở thành đường lối quân sự có hệ thống, phát triển hơn và phong phú hơn, để hiện nay tranh thủ đánh thắng kẻ thù và chuẩn bị chuyển sang giai đoạn mới sau này.

Về mặt tiến hành vận động chiến thì có rất nhiều vấn đề, ví dụ như trinh sát, phán đoán, quyết định, bố trí chiến đấu, chỉ huy, ẩn nấp, tập trung, tiến quân, triển khai, tấn công, truy kích, tập kích, tấn công trận địa, phòng thủ trận địa, đánh tao ngộ, rút lui, đánh ban đêm, chiến đấu loại đặc biệt, tránh mạnh đánh yếu, vây thành đánh viện, dương công, phòng không, nằm giữa mấy cánh quân địch, vượt địch để tác chiến, tác chiến liên tục, tác chiến không có hậu phương, sự cần thiết phải nghỉ ngơi bồi dưỡng v.v. Trong lịch sử chiến đấu của Hồng quân, những vấn đề đó đã biểu hiện nhiều đặc điểm, khoa học chiến dịch phải trình bày những cái đó một cách có hệ thống, phải tổng kết lại, ở đây tôi không nói thêm nữa.

8. TỐC QUYẾT CHIẾN

Đánh lâu dài về chiến lược, đánh tốc quyết về chiến dịch và chiến đấu, đó là hai mặt của một việc, đó là hai nguyên tắc đều quan trọng như nhau của cuộc nội chiến và cũng có thể thích hợp với chiến tranh phản đế.

Lực lượng phản động hùng hậu, lực lượng cách mạng dần dần lớn lên, điều đó đã quy định tính lâu dài của chiến tranh. Về mặt này mà vội vàng, hấp tấp thì thua thiệt, về mặt này mà đề xướng “tốc quyết” thì không đúng. Đối với nước khác thì tiến hành mười năm chiến tranh cách mạng có lẽ là một việc đáng kinh ngạc, song đối với chúng ta thì lại như mới chỉ làm được phần phá đề, thừa đề và khởi giảng trong một bài văn tám vế³⁷, rất nhiều đoạn văn sôi nổi thì vẫn còn ở phía sau. Chắc chắn rằng với ảnh hưởng của tất cả những điều kiện bên trong và bên ngoài, sự phát triển từ nay về sau sẽ có khả năng tăng tốc độ hơn rất nhiều so với trước kia. Vì hoàn cảnh quốc tế và trong nước đã thay đổi và sẽ thay đổi lớn hơn nữa, cho nên có thể nói là chúng ta đã thoát khỏi tình cảnh tác chiến cô lập và phát triển chậm chạp trước đây. Song không nên tính rằng ngày mai sẽ thành công ngay. Có khí thế “diệt địch rồi về ăn sáng” là một điều tốt, nhưng ké

hoạch cụ thể theo lối “diệt địch rồi về ăn sáng” thì không tốt. Vì lực lượng phản động Trung Quốc được nhiều nước đế quốc ủng hộ, nên trước khi lực lượng cách mạng trong nước có thể tập hợp lại đến mức đủ sức chọc thủng trận địa chủ yếu của bọn địch trong và ngoài, trước khi lực lượng cách mạng quốc tế đánh tan và kiềm chế được phần lớn lực lượng phản động quốc tế, thì cuộc chiến tranh cách mạng của chúng ta vẫn là lâu dài. Xuất phát từ điểm đó mà đặt ra phương châm chiến lược của chúng ta là tác chiến lâu dài, đó là một trong những phương châm quan trọng về chỉ đạo chiến lược.

Nguyên tắc của chiến dịch và chiến đấu thì khác hẳn thế, không phải là lâu dài mà là tốc quyết. Về mặt chiến dịch và chiến đấu thì tranh thủ tốc quyết, điều đó từ cổ chí kim, trong nước và ngoài nước đều giống nhau. Trên vấn đề chiến tranh, từ cổ chí kim, trong nước và ngoài nước cũng đều không có ai là không yêu cầu tốc quyết, bởi vì kéo dài thời gian vẫn không lợi. Duy chỉ có đối với chiến tranh của Trung Quốc là không thể không hết sức kiên nhẫn, không thể không dùng lối đánh lâu dài. Trong thời kỳ đường lối Lập Tam, có người chế giễu lối làm của chúng ta là

“chiến thuật đánh võ” (ý nói đánh đi đánh lại rồi mới lấy được thành thị lớn), chế giễu chúng ta rằng phải đợi đến khi bạc đầu mới có thể nhìn thấy thắng lợi của cách mạng. Tâm lý nóng vội đó từ lâu đã được chứng minh là không đúng. Nhưng nếu ý kiến phê bình của họ không đặt trên vấn đề chiến lược mà đặt trên vấn đề chiến dịch và chiến đấu thì rất đúng. Nguyên nhân là: thứ nhất, Hồng quân không có nguồn cung cấp vũ khí và nhất là đạn dược ; thứ hai, bạch quân có rất nhiều đội quân, Hồng quân chỉ có một đội quân, đánh tan một lần “vây quét” rồi lại phải sẵn sàng tác chiến nhanh chóng và liên tục ; thứ ba, tuy bọn bạch quân tiến theo nhiều ngả nhưng phần nhiều là tập trung tương đối dày đặc, khi đánh một cánh quân trong bọn chúng, nếu không giải quyết trận đánh mau lẹ thì những cánh khác của chúng sẽ kéo cả đến. Vì những lý do đó, nên không thể không tiến hành tốc quyết chiến. Đối với chúng ta thì giải quyết một trận chiến đấu trong vài giờ, trong một ngày hoặc hai ngày là chuyện thường xuyên. Chỉ có dưới phương châm “vây thành đánh viện”, mục đích không phải là đánh bọn địch bị bao vây là phải chuẩn bị đánh khá lâu dài, nhưng đối với bọn địch đến tiếp viện thì vẫn là tốc quyết. Trong trường hợp có thủ những cứ điểm ở mặt kiềm chế

khi phòng thủ chiến lược, và trong trường hợp đánh bọn địch cô lập không có tiếp viện hoặc tiêu diệt cứ điểm trống trong căn cứ địa khi tấn công chiến lược, thì những lúc đó thường thường cũng dùng phương châm lâu dài đối với chiến dịch hoặc chiến đấu. Song những trận đánh lâu dài ấy chỉ là để giúp đỡ chứ không phải là làm trở ngại cho việc đánh tốc quyết của Hồng quân chủ lực.

Đánh tốc quyết không phải cứ muốn như thế nào là sẽ thành công như thế ấy, mà còn phải cộng thêm nhiều điều kiện cụ thể nữa. Những điều kiện chủ yếu là chuẩn bị đầy đủ, không để lỡ thời cơ, tập trung binh lực ưu thế, dùng chiến thuật bao vây vu hồi, có trận địa tốt, đánh kẻ địch đang vận động hoặc kẻ địch mới đóng quân mà trận địa còn chưa vững chắc. Không giải quyết những điều kiện đó lại muốn tốc quyết trong chiến dịch hay chiến đấu thì không thể được.

Đánh tan một lần “vây quét” là thuộc về một chiến dịch lớn, trường hợp này thích hợp với việc dùng nguyên tắc tốc quyết chứ không phải là nguyên tắc lâu dài. Bởi vì các điều kiện nhân lực, tài lực, binh lực của căn cứ địa đều không cho phép kéo dài.

Nhưng dưới nguyên tắc tốc quyết nói chung, việc phản đối bệnh nóng vội không chính đáng là cần thiết. Phải tính đến những điều kiện của căn cứ địa, đánh giá tình hình địch, không khiếp sợ trước thế hung hăng của địch, không mất tinh thần khi gặp những khó khăn mà ta còn có thể chịu đựng được, không nản chí vì một số trắc trở nào đó, phải có sự nhẫn nại và bền bỉ cần thiết, tất cả những điều trên đều là hoàn toàn cần thiết đối với một cơ quan lãnh đạo quân sự, chính trị cao nhất của một căn cứ địa cách mạng. Giang Tây đánh tan cuộc “vây quét” lần thứ nhất, từ lúc bắt đầu đánh đến khi kết thúc chỉ có một tuần lễ, đánh tan cuộc “vây quét” lần thứ hai chỉ có nửa tháng, đánh tan cuộc “vây quét” lần thứ ba đã phải chịu đựng tới ba tháng ; lần thứ tư mất 3 tuần lễ ; lần thứ năm thì phải chịu đựng một năm ròng. Nhưng lần thứ năm thì không đánh tan được cuộc “vây quét” mà bắt buộc phải phá vòng vây, khi đó còn có những hành động vội vã không nên có. Cứ theo tình hình đó thì còn có thể chịu đựng được hai, ba tháng để nghỉ ngơi chấn chỉnh lại quân đội. Nếu làm như vậy và nếu cấp lãnh đạo, sau khi phá vòng vây rồi, thông minh ra một chút thì tình hình sẽ khác đi rất nhiều.

Tuy thế, vẫn không phá hoại nguyên tắc mà chúng ta đã nói là phải cố tranh thủ rút ngắn thời gian của toàn bộ chiến dịch. Ngoài việc kế hoạch chiến dịch và chiến đấu phải cố tranh thủ những điều kiện tập trung binh lực, đánh vận động v.v. để cố làm sao tiêu diệt được sinh lực địch và mau chóng giải quyết “vây quét” trong nội tuyến (tại căn cứ địa), thì khi đã chứng tỏ rằng không có cách nào giải quyết được “vây quét” trong nội tuyến, phải dùng chủ lực của Hồng quân mà đột phá vòng vây của địch, chuyển ra ngoại tuyến của ta, tức là nội tuyến của địch để giải quyết vấn đề đó. Ngày nay, chủ nghĩa lô cốt đang thịnh hành, cho nên phương pháp trên sẽ trở thành phương pháp tác chiến thường xuyên. Sau khi cuộc chống “vây quét” lần thứ năm tiến hành được 2 tháng và vào lúc nổ ra sự biến Phúc Kiến, thì không còn nghi ngờ gì nữa, chủ lực của Hồng quân phải thọc sang vùng Giang Tô, Chiết Giang, An Huy, Giang Tây, lấy Chiết Giang làm trung tâm, rồi tung hoành ngang dọc trong vùng giữa Hàng Châu, Tô Châu, Nam Kinh, Vu Hồ, Nam Xương, Phúc Châu, chuyển tư phòng thủ chiến lược sang tấn công chiến lược, uy hiếp vùng chủ chốt quan trọng của địch, tìm đến những vùng rộng lớn không có lô cốt mà tác chiến. Dùng phương pháp

đó thì có thể buộc bọn địch đang tiến công miền nam Giang Tây và miền tây Phúc Kiến sẽ phải quay về tiếp viện cho vùng chủ chốt của chúng, và như vậy sẽ đập tan được cuộc tấn công của chúng vào căn cứ địa Giang Tây và giúp đỡ được Chính phủ Nhân dân Phúc Kiến, phương pháp đó nhất định có thể giúp đỡ được chính phủ đó. Không dùng kế này nên không đánh tan được cuộc “vây quét” lần thứ năm và Chính phủ Nhân dân Phúc Kiến cũng chỉ còn cách là sụp đổ. Sau một năm chiến đấu, tuy đã không có lợi cho việc đánh sang Chiết Giang, nhưng vẫn còn có thể nhằm theo hướng khác mà đổi sang tấn công chiến lược, tức là đem chủ lực tiến về Hồ Nam, và không phải là qua Hồ Nam để sang Quý Châu mà là tiến thẳng về miền trung Hồ Nam, điều động quân địch ở Giang Tây đến Hồ Nam để rồi tiêu diệt chúng. Kế này lại cũng không dùng nốt, nên cuối cùng đã hết hy vọng đánh tan được cuộc “vây quét” lần thứ năm, và chỉ còn lại một con đường là Vạn lý Trường Chinh.

9. TIÊU DIỆT CHIẾN

Chủ trương “đánh tiêu hao” là một điều không hợp thời đối với Hồng quân Trung Quốc. Không phải là cuộc “thi của” giữa Long Vương với Long Vương, mà là thi của giữa anh ăn mày với Long Vương, như thế tránh sao cho khỏi nực cười. Đối với Hồng quân, hầu như tất cả mọi thứ đều phải lấy ở địch, thì phương châm cơ bản là đánh tiêu diệt. Chỉ có tiêu diệt được sinh lực của địch thì mới đánh tan được “vây quét” và phát triển được căn cứ địa cách mạng. Việc gây thương vong cho quân địch phải được áp dụng như là một thủ đoạn tiêu diệt địch, nếu không sẽ không có ý nghĩa. Do gây thương vong cho quân địch mà ta bị tiêu hao và lại do tiêu diệt địch mà ta được bổ sung, như thế chẳng những bù được chỗ bị tiêu hao của quân ta mà còn tăng thêm sức mạnh của quân ta. Đối với một kẻ địch hùng hậu thì lối đánh tan địch không phải là cách quyết định thắng bại về cơ bản. Đối với bất cứ kẻ địch nào bị tiêu diệt chiến cũng có ảnh hưởng quan trọng ngay. Đối với con người, làm bị thương mười ngón tay không bằng làm cụt một ngón tay ; đối với địch, đánh tan mười sư đoàn không bằng tiêu diệt một sư đoàn của chúng.

Trong những lần “vây quét” thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, phương châm của chúng ta đều là đánh tiêu diệt. Số địch bị tiêu diệt trong mỗi một lần chẳng qua chỉ là một bộ phận đối với toàn bộ quân địch, nhưng những cuộc “vây quét” đã bị đánh tan. Khi chống “vây quét” lần thứ năm đã áp dụng phương châm khác hẳn nên thực tế là đã giúp đỡ quân địch đạt được mục đích của chúng.

Đánh tiêu diệt và tập trung binh lực ưu thế, áp dụng chiến thuật bao vây vu hồi đều cùng một ý nghĩa. Nếu không có cái sau thì không có cái trước. Những điều kiện như được nhân dân ủng hộ, có trận địa tốt, gặp quân địch dễ đánh, lúc địch bất ngờ, đều là những cái không thể thiếu được để đạt tới mục đích tiêu diệt.

Việc đánh tan địch có ý nghĩa và cả đến việc để địch chạy thoát cũng có ý nghĩa, nhưng đó chỉ là nói về sự tác chiến có tính chất tiêu diệt của chủ lực ta đối với bọn địch xác định trong toàn bộ một trận chiến hay toàn bộ một chiến dịch, nếu không sẽ không có ý nghĩa gì hết. Đây cũng lại là một trường hợp có ý nghĩa so sánh giữa cái mất và cái được.

Chúng ta xây dựng nền công nghiệp quân sự thì phải làm sao để nó đừng làm tăng thêm tính ỷ lại của ta. Phương châm cơ bản của chúng ta là dựa vào công nghiệp quân sự của đế quốc và bọn địch trong nước. Chúng ta có quyền lợi đối với binh công xưởng ở London và Hán Dương, và hơn nữa sẽ do đội vận tải của địch chuyên tới. Đó là chân lý chứ không phải chuyện đùa đâu.

CHÚ THÍCH

¹ Trong tiếng Trung, khái niệm “thực tế” này có hai nghĩa. Một là chỉ tình hình chân thực, hai là chỉ hành động của người ta (cũng tức là chữ thực tiễn mà người ta thường nói). Trong trước tác của mình, đồng chí Mao Trạch Đông dùng khái niệm này, thường là có cả hai ý đó. – 25

² Tôn Tử, tức Tôn Vũ, là nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc ở thế kỷ thứ V trước công nguyên, viết 13 bài *Tôn tử*. Về câu dẫn chứng trong bài này, xem bài *Mưu công*, chương 3, *Tôn tử*. – 25

³ Từ lúc Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập vào tháng 7 năm 1921 đến khi đồng chí Mao Trạch Đông viết bài này vào năm 1936, chính là năm thứ 15. – 31

⁴ Trần Độc Tú nguyên là giáo sư Trường Đại học Bắc Kinh, nổi tiếng vì biên tập tạp chí *Tân thanh niên*. Trần Độc Tú là một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Trung Quốc ; vì tiếng tăm của hắn trong thời kỳ Phong trào Ngũ Tứ và vì sự non nớt của Đảng trong thời kỳ đầu mới thành lập, hắn đã làm Tổng bí thư của Đảng. Trong thời kỳ cuối của cuộc cách mạng từ năm 1924 đến năm 1927, tư tưởng hữu khuynh trong Đảng mà Trần Độc Tú làm đại biểu đã hình thành đường lối đầu hàng chủ nghĩa. Hồi ấy, “những phần tử đầu hàng chủ nghĩa đã tự nguyện từ bỏ quyền lãnh đạo đối với quần chúng nông dân, giai cấp tiểu tư sản thành thị và giai cấp tư sản hạng vừa, nhất là đã từ bỏ quyền lãnh đạo đối với lực lượng vũ trang, làm

cho cuộc cách mạng lần ấy bị thất bại” (xem Mao Trạch Đông, *Tình hình trước mắt và nhiệm vụ của chúng ta*). Sau thất bại của Cách mạng năm 1927, Trần Độc Tú và một số ít những kẻ đầu hàng chủ nghĩa khác bị quan, thất vọng trước tiền đồ cách mạng nên đã biến thành những kẻ thù tiêu chủ nghĩa, áp dụng lập trường phản động Trotskyist và kết hợp với những phần tử Trotskyist thành lập một nhóm chống Đảng nhỏ, vì thế mà hắn bị khai trừ khỏi Đảng vào tháng 11 năm 1929. Trần Độc Tú mất năm 1942. Về chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh của Trần Độc Tú, xem hai mục giải thích tiêu đề của hai bài *Phân tích các giai cấp trong xã hội Trung Quốc* và *Báo cáo về cuộc khảo sát phong trào nông dân Hồ Nam* trong tập 1, và xem bài *Lời ra mắt của nội san “Người cộng sản”* trong tập 2 của *Tuyển tập Mao Trạch Đông*. – 32

⁵ Chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh Lý Lập Tam là chỉ đường lối cơ hội chủ nghĩa “tả” khuynh mà đồng chí Lý Lập Tam làm đại biểu, người lãnh đạo chủ yếu của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc ấy – vào khoảng bốn tháng kể từ tháng 6 năm 1930 – thường gọi là “đường lối Lập Tam”. Đặc điểm của đường lối Lập Tam là làm trái phương châm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, phủ nhận việc cách mạng cần phải chuẩn bị lực lượng quần chúng và phủ nhận sự phát triển không đều của cách mạng, cho rằng tư tưởng của đồng chí Mao Trạch Đông dồn sức chú ý chính trong một thời kỳ lâu dài vào việc lập căn cứ địa nông thôn, lấy nông thôn bao vây thành thị, lấy căn cứ địa để thúc đẩy cao trào cách mạng cả nước là cái gọi là “đầu óc địa phương và đầu óc bảo thủ của ý

thức hệ nông dân” “hết sức sai lầm”, đồng thời đường lối Lập Tam chủ trương các nơi trong cả nước đều phải chuẩn bị khởi nghĩa ngay. Với đường lối sai lầm ấy, đồng chí Lý Lập Tam đã đặt ra kế hoạch phiêu lưu là lập tức tổ chức vũ trang khởi nghĩa ở các thành phố trung tâm trong cả nước. Đường lối Lập Tam đồng thời không thừa nhận tính chất phát triển không đều của cách mạng thế giới, cho rằng sự bùng nổ toàn diện của Cách mạng Trung Quốc nhất định sẽ dẫn tới sự bùng nổ toàn diện của cách mạng thế giới, mà Cách mạng Trung Quốc lại cần phải nằm ngay trong cuộc bùng nổ toàn diện của cách mạng thế giới thì mới có thể thành công được ; đường lối đó cũng không thừa nhận tính chất lâu dài của Cách mạng Dân chủ tư sản Trung Quốc, cho rằng khi bắt đầu thắng lợi trước hết ở một hay vài tỉnh, tức là đã bắt đầu chuyển sang thi hành chủ nghĩa xã hội, do đó đã định ra một vài chính sách phiêu lưu “tả” khuynh không đúng lúc. Đồng chí Mao Trạch Đông phản đối đường lối sai lầm này, đồng đảo cán bộ và Đảng viên trong toàn Đảng cũng yêu cầu sửa chữa đường lối này. Trong Hội nghị toàn thể lần thứ 3 của Trung ương Đảng khóa VI họp vào tháng 9 năm 1930, bản thân đồng chí Lý Lập Tam đã thừa nhận sai lầm được vạch ra lúc bấy giờ, tiếp đó đã rời khỏi cương vị lãnh đạo Trung ương. Trong một thời gian dài, đồng chí Lý Lập Tam đã sửa đổi quan điểm sai lầm của mình, nên Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng lại bầu đồng chí làm Ủy viên Trung ương. – 32

⁶ Hội nghị toàn thể lần thứ 3 của Trung ương Đảng khóa VI họp vào tháng 9 năm 1930 và Trung ương Đảng, trong

một nhiệm kỳ sau đó, đã có nhiều biện pháp có tác dụng tích cực đối với việc chấm dứt đường lối Lập Tam. Nhưng sau Hội nghị toàn thể lần thứ 3 của Trung ương Đảng khóa VI, một số đồng chí trong Đảng không có kinh nghiệm đấu tranh cách mạng thực tế, đứng đầu là Trần Thiệu Vũ (Vương Minh) và Tân Bang Hiến (Giác Cổ) lại đứng lên phản đối những biện pháp của Trung ương. Trong cuốn sách nhỏ lấy tên *Hai đường lối* hay còn gọi là *Đấu tranh cho việc Bolshevik hóa hơn nữa Đảng Cộng sản Trung Quốc* đưa ra lúc bấy giờ, họ đặc biệt nhấn mạnh tuyên bố rằng nguy cơ chủ yếu trong Đảng lúc đó không phải là chủ nghĩa cơ hội “tả” khuynh mà chính là cái gọi là “chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh”, họ lấy việc “phê bình” cái “hữu” của đồng chí Lý Lập Tam để làm cơ sở hoạt động. Họ nêu ra một cương lĩnh chính trị mới nhằm tiếp tục khôi phục hay phát triển đường lối Lập Tam và các tư tưởng “tả” khuynh cùng chính sách “tả” khuynh khác dưới hình thái mới, đồng thời đối lập với đường lối đúng đắn của đồng chí Mao Trạch Đông. Cuốn *Vấn đề chiến lược trong Chiến tranh Cách mạng Trung Quốc* do đồng chí Mao Trạch Đông viết chủ yếu là để phê phán những sai lầm mà đường lối cơ hội chủ nghĩa “tả” khuynh mới ấy mắc phải về mặt quân sự. Đường lối sai lầm “tả” khuynh mới này đã thống trị trong Đảng từ Hội nghị toàn thể lần thứ 4 của Trung ương Đảng khóa VI họp vào tháng 1 năm 1931 đến Hội nghị Bộ Chính trị của Trung ương Đảng họp vào tháng 1 năm 1935 ở Tuân Nghĩa, tỉnh Quý Châu, một kỳ hội nghị đã kết thúc sự lãnh đạo theo đường lối sai lầm ấy và bắt đầu thời kỳ lãnh đạo mới của Trung ương, đứng đầu là đồng chí Mao Trạch Đông. Thời gian mà đường lối sai

lầm “tả” khuynh thống trị trong Đảng lần này đặc biệt kéo dài (4 năm) đã đem lại tổn thất đặc biệt nặng nề cho Đảng và cách mạng, kết quả tai hại của nó là đã làm cho Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hồng quân Trung Quốc và căn cứ địa của Hồng quân đều bị thiệt hại đến trên dưới 90 phần trăm, làm cho hàng chục triệu nhân dân ở căn cứ địa cách mạng bị Quốc dân Đảng đàn áp, làm chậm bước tiến triển của Cách mạng Trung Quốc. Những đồng chí mắc sai lầm của đường lối “tả” khuynh ấy, qua kinh nghiệm lâu dài của bản thân, tuyệt đại đa số đều đã nhận thức được và sửa chữa sai lầm của mình, hơn nữa đã làm nhiều công tác có lợi cho Đảng và nhân dân. Trên cơ sở nhận thức chính trị chung, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao Trạch Đông, những đồng chí ấy đã đoàn kết với đồng đảo các đồng chí khác. – 32

⁷ Trương Quốc Đào là một tên phản bội Cách mạng Trung Quốc. Hồi trẻ, hấn đầu cơ cách mạng, tham gia Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong Đảng, hấn phạm rất nhiều sai lầm, gây ra những tội ác rất lớn. Tội ác lớn nhất là vào năm 1935, hấn đã chống lại việc di chuyển của Hồng quân tiến lên phía Bắc và chủ trương chủ nghĩa thất bại và chủ nghĩa thủ tiêu, muốn Hồng quân lui về vùng dân tộc ít người ở giữa Tứ Xuyên và Tây Khang (tỉnh này bãi bỏ vào năm 1955, sát nhập vào tỉnh Tứ Xuyên và khu tự trị Tây Tạng – N.D.), hấn công khai hoạt động phản bội, chống Đảng và chống Trung ương Đảng, lập ra trung ương giả hiệu, phá hoại sự thống nhất của Đảng và Hồng quân, làm cho Phương diện quân số 4 của Hồng quân bị tổn thất nặng nề. Vì được đồng chí Mao Trạch Đông và

Trung ương Đảng kiên trì giáo dục, Phương diện quân số 4 Hồng quân và đông đảo cán bộ trong phương diện quân ấy đã mau chóng trở về với sự lãnh đạo đúng đắn của Trung ương Đảng và trong những cuộc đấu tranh sau này đã có tác dụng vinh quang. Nhưng rốt cuộc Trương Quốc Đào là một tên không thể cứu chữa được, mùa xuân năm 1938, một mình trốn khỏi biên khu Thiểm-Cam-Ninh và đã đi theo tập đoàn đặc vụ Quốc dân Đảng. – 32

⁸ Đoàn huấn luyện sĩ quan Lư Sơn là tổ chức của Tưởng Giới Thạch để huấn luyện cán bộ quân sự chống cộng, thành lập vào tháng 7 năm 1933, tọa lạc tại Lư Sơn, huyện Cửu Long, tỉnh Giang Tây. Đoàn này lần lượt điều động và tập trung sĩ quan của quân đội Tưởng Giới Thạch và do bọn sĩ quan quân sự của Đức, Ý và Mỹ huấn luyện về quân sự và chính trị theo kiểu phát xít. – 36

⁹ Nguyên tắc quân sự mới của cuộc “vây quét lần thứ năm” trình bày ở đây chủ yếu là nói đến “chính sách lô cốt” của bọn giặc Tưởng Giới Thạch, tiến đến đâu xây lô cốt đến đâu, tiến bước nào củng cố bước ấy. – 36

¹⁰ Xem V.I.Lenin, “Chủ nghĩa cộng sản”, Toàn tập, Tập 41, NXB Tiến bộ, 1977, trang 164. Trong bài này, Người phê bình Bela Kun, Đảng viên Đảng Cộng sản Hungary rằng: “Đồng chí ấy quên mất ngay cả bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Marx là: phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”. – 37.

¹¹ Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng ở vùng giáp giới Hồ Nam – Giang Tây tức là Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng bộ biên khu Hồ Nam – Giang Tây của Đảng Cộng

sản họp vào ngày 20 tháng 5 năm 1928 ở Mao Bình, huyện Ninh Cường. – 38

¹² Xem chú thích 2 và 3 của bài *Về vấn đề sửa chữa những sai lầm trong Đảng* trong Tuyển tập Mao Trạch Đông, tập 1. – 46.

¹³ “Chủ nghĩa thô phi” là chỉ hành vi cướp bóc vô kỷ luật, vô tổ chức, không có mục tiêu chính trị rõ ràng. – 46

¹⁴ Chỉ cuộc Vạn lý Trường chinh dài 2 vạn 5 nghìn dặm của Hồng quân từ Giang Tây đến Thiểm Bắc. Tháng 10 năm 1934, các binh đoàn 1, 3, 5 của Hồng quân Công nông Trung Quốc (tức là Phương diện quân số 1 của Hồng quân, cũng gọi là Hồng quân Trung ương), xuất phát từ các vùng Thường Thinh, Ninh Hóa ở miền tây Phúc Kiến và Thụy Kim, Vu Đô ở miền nam Giang Tây, bắt đầu cuộc di chuyển lớn có tính chất chiến lược. Hồng quân đã đi qua 11 tỉnh: Phúc Kiến, Giang Tây, Quảng Đông, Hồ Nam, Quảng Tây, Quý Châu, Tứ Xuyên, Vân Nam, Tây Khang, Cam Túc, Thiểm Tây, đã vượt qua những dãy núi cao quanh năm tuyết phủ, xuyên qua đầm lầy hoang dã chưa từng có vết chân người, trải qua mọi gian khổ, đánh lui nhiều lần vây, đuổi, chặn, cắt của địch, liên tục hành quân 2 vạn 5 nghìn dặm (tức 12.500 km). Cuối cùng, đến tháng 10 năm 1935, Hồng quân đã tiến tới căn cứ địa cách mạng ở miền bắc Thiểm Tây một cách thắng lợi. – 51.

¹⁵ “Thiên sư” nghĩa là không phải quân chủ lực, mà chỉ là một bộ phận quân đội đảm nhiệm một cánh bên sườn thôi. – 53.

¹⁶ Nói về nước Nga sau khi cuộc khởi nghĩa tháng 12 năm 1905 thất bại, cách mạng chuyển từ thời kỳ cao trào sang thời kỳ thoái trào. Xem Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô (b), NXB Sự thật, 1970, trang 124-145. – 55.

¹⁷ Hòa ước Brest-Litovsk là hòa ước của nước Nga Xô viết ký với nước Đức vào tháng 3 năm 1918. Đây là một sự rút lui tạm thời, áp dụng trong tình hình lúc đó, tức là lúc lực lượng địch áp đảo lực lượng cách mạng một cách rõ ràng, để nước Cộng hòa Xô viết vừa mới thành lập và chưa có quân đội của mình khỏi bị Đế quốc Đức tấn công. Việc ký hòa ước này làm cho nước Cộng hòa Xô viết đã tranh thủ được thời gian củng cố chính quyền vô sản, điều chỉnh kinh tế, xây dựng Hồng quân ; làm cho giai cấp vô sản giữ được sự lãnh đạo đối với nông dân, tập hợp các lực lượng để có thể đánh tan Bạch vệ và bọn vũ trang can thiệp của các nước Anh, Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Ba Lan từ năm 1918 đến năm 1920. – 56

¹⁸ Ngày 30 tháng 10 năm 1927, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nông dân ở Hải Phong và Lục Phong, tỉnh Quảng Đông đã khởi nghĩa lần thứ ba, chiếm lĩnh Hải Phong, Lục Phong và vùng lân cận, tổ chức Hồng quân, lập nên chính quyền dân chủ công nông. Sau đó, vì mắc sai lầm khinh địch nên thất bại. – 59.

¹⁹ Mùa thu năm 1936, sau khi Phương diện quân số 4 và Phương diện quân số 2 của Hồng quân gặp nhau thì bắt đầu xuất phát từ miền đông bắc Tây Khang để chuyển lên miền Bắc. Lúc này Trương Quốc Đào vẫn ngoan cố chống Đảng, khăng khăng giữ chủ nghĩa rút lui và chủ nghĩa thủ

tiêu từ trước tới nay của hần. Vào tháng 10 năm đó, sau khi Phương diện quân số 2 và Phương diện quân số 4 của Hồng quân đến Cam Túc thì Trương Quốc Đào ra lệnh cho hơn 2 vạn bộ đội đi đầu của Phương diện quân số 4 của Hồng quân tổ chức thành cánh quân phía Tây, vượt qua sông Hoàng Hà nhằm phía Tây tiến sang Thanh Hĩa. Đến tháng 12 năm 1936, cánh quân này đã bị địch đánh và thất bại về cơ bản trong chiến tranh, đến tháng 3 năm 1937 thì thất bại hoàn toàn. – 61.

²⁰ Xem thư của Karl Marx gửi Ludwig Kulgemann ngày 17 tháng 4 năm 1871, Karl Marx và Engels toàn tập, tập 33, NXB Sự thật, 1997, trang 291. – 63.

²¹ Truyện *Thủy hử* là một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của Trung Quốc viết về chiến tranh nông dân, tương truyền rằng cuốn đó do Thị Nại Am viết vào thế kỷ XIV, cuối thời nhà Nguyên đầu thời nhà Minh. Lâm Xung, Sài Tiến đều là những nhân vật anh hùng trong truyện. Hồng giáo đầu là một thầy dạy võ trong nhà Sài Tiến. – 70

²² Nước Lỗ và nước Tề là hai nước phong kiến ở thời Xuân Thu của Trung Quốc (từ năm 722 đến năm 481 trước công nguyên). Nước Tề là một nước lớn thuộc miền Trung tỉnh Sơn Đông ngày nay, nước Lỗ tương đối nhỏ, thuộc miền Nam tỉnh Sơn Đông ngày nay. Lỗ Trang công là vua nước Lỗ từ năm 693 đến năm 662 trước công nguyên. – 70

²³ Tả Khưu Minh là tác giả cuốn *Tả truyện*, một cuốn biên niên sử nổi tiếng thời nhà Chu ở Trung Quốc. Đoạn trích ở đây là thuộc đoạn *Trung công thập niên* trong *Tả truyện*. – 70

²⁴ Thành Cao là một thành cổ, bây giờ thuộc địa phận tây bắc huyện Thanh Cao, tỉnh Hà Nam, là một vị trí quan trọng về quân sự thời xưa. Năm 203 trước công nguyên, vua nhà Hán là Lưu Bang và vua nhà Sở là Hạng Vũ đã từng giằng co với nhau tại đây. Lúc đó Hạng Vũ liên tiếp đánh chiếm Vinh Dương và Thành Cao, quân của Lưu Bang tan rã hầu như không còn gì là quân nữa. Nhưng sau đó, Lưu Bang đợi đến khi quân Sở đang qua sông được nửa chừng thì đánh tan quân Sở, lấy lại Thành Cao. – 72

²⁵ Côn Dương là một thành cổ, bây giờ thuộc địa phận huyện Diệp, tỉnh Hà Nam. Năm 23, Lưu Tú (vua Quang Vũ nhà Đông Hán) đã đánh tan quân đội của Vương Mãng tại đó. Trong cuộc chiến này, binh lực mạnh yếu của hai bên khác nhau rất nhiều. Lưu Tú chỉ có tám, chín nghìn người mà Vương Mãng có hơn 40 vạn người. Nhưng Lưu Tú lợi dụng chỗ lơ là khinh địch của Vương Tầm và Vương Ấp – tướng lĩnh của Vương Mãng – rồi dùng 3 nghìn quân tinh nhuệ phá tan bộ phận nòng cốt của quân đội Vương Mãng, thừa thế đuổi đánh và đánh tan được quân địch. – 72

²⁶ Quan Độ bây giờ thuộc đông bắc huyện Trung Mâu, tỉnh Hà Nam. Năm 200, quân đội của Tào Tháo đánh nhau với quân đội của Viên Thiệu tại nơi đó. Khi ấy, Viên Thiệu có 10 vạn quân mà Tào Tháo thì quân ít, lương cạn. Nhưng Tào Tháo lợi dụng quân đội Viên Thiệu khinh địch không chuẩn bị, dùng khinh binh đánh úp, đốt cháy quân nhu của quân Viên Thiệu, quân Viên Thiệu rối loạn, quân Tào Tháo xuất trận, tiêu diệt chủ lực của Viên Thiệu. – 72

²⁷ Ngô là chỉ phía Tôn Quyền, còn Ngụy là chỉ phía Tào Tháo. Xích Bích ở bờ phía nam sông Trường Giang thuộc miền đông bắc huyện Gia Ngư, tỉnh Hồ Bắc. Năm 208, Tào Tháo mang hơn 50 vạn quân nhưng phao tin là 80 vạn, tấn công Tôn Quyền. Tôn Quyền liên minh với kẻ thù của Tào Tháo là Lưu Bị và đưa 3 vạn quân ra trận, lợi dụng lúc quân Tào Tháo bị bệnh dịch và lại không quen đánh đường thủy nên đã đánh tan quân Tào Tháo bằng cách phóng hỏa đốt cháy thuyền của quân Tào Tháo. – 72

²⁸ Di Lăng thuộc miền đông huyện Nghi Xương, tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Năm 222, tướng nhà Ngô là Lục Tồn đã đánh cho Lưu Bị của nhà Thục Hán thua to ở đây. Khi bắt đầu cuộc chiến, quân của Lưu Bị thắng trận liên tiếp, tiến đến Di Lăng thọc sâu vào địa phận của nhà Ngô năm, sáu trăm dặm ; Lục Tồn giữ thế thủ trong bảy, tám tháng trời không giao chiến, cho đến khi Lưu Bị “hết mưu cạn kế, binh lính mỗi một mất tinh thần” thì Lục Tồn lợi dụng lúc thuận gió phóng hỏa đánh tan quân Thục. – 72

²⁹ Năm 383, tướng của Đông Tấn là Tạ Huyền đánh cho chúa nhà Tần là Phù Kiên ở Phì Thủy, tỉnh An Huy thua to. Lúc đó Phù Kiên có hơn 60 vạn bộ binh, 27 vạn kỵ binh và hơn 3 vạn kỵ binh hộ vệ, Đông Tấn chỉ có 8 vạn thủy quân và lục quân. Khi quân của đôi bên dần dần đối diện với nhau ở hai bên bờ sông Phì Thủy thì các tướng của Đông Tấn lợi dụng tính kiêu ngạo, tự phụ của qauan địch, đòi quân nhà Tần ở phía Bắc sông Phì Thủy nhường cho một chỗ làm chiến trường để quân Đông Tấn qua sông quyết chiến. Quả nhiên quân nhà Tần nhận lời. Nhưng vừa mới rút thì không sao kiềm chế lại được, quân Đông Tấn

thừa cơ qua sông tấn công và đã đánh cho quân nhà Tần thua to. – 72

³⁰ Ngày 1 tháng 8 năm 1927, để chống lại cuộc phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch và Uông Tinh Vệ, để tiếp tục sự nghiệp cách mạng từ năm 1924 đến năm 1927, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa nổi tiếng tại Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Cuộc khởi nghĩa có bộ đội vũ trang gồm 3 vạn người tham gia, những người lãnh đạo gồm có các đồng chí Chu Ân Lai, Chu Đức, Hạ Long, Diệp Đĩnh. Theo kế hoạch đã định, ngày 5 tháng 8, quân khởi nghĩa rút khỏi Nam Xương, khi tiến đến Triều Châu, Sán Đầu thuộc Quảng Đông thì thất bại. Sau đó một bộ phận quân khởi nghĩa do các đồng chí Chu Đức, Trần Nghị, Lâm Bưu dẫn đầu đánh loanh quanh rồi cuối cùng đã về tới núi Tinh Cương, gặp Sư đoàn 1 thuộc Quân đoàn 1 của Quân Cách mạng công nông do đồng chí Mao Trạch Đông lãnh đạo. – 73

³¹ Xem chú thích 8 bài Tại sao chính quyền đỏ của Trung Quốc có thể tồn tại được?, Tuyển tập Mao Trạch Đông, tập 1. – 73

³² Tháng 9 năm 1927, dưới sự lãnh đạo của đồng chí Mao Trạch Đông, lực lượng vũ trang nhân dân tại các huyện Tu Thủy, Bình Hương, Bình Giang, Lưu Dương thuộc vùng giáp giới Hồ Nam – Giang Tây đã tổ chức cuộc khởi nghĩa Vụ gặt mùa thu nổi tiếng, thành lập Sư đoàn 1 thuộc Quân đoàn 1 của Quân Cách mạng công nông. Đồng chí Mao Trạch Đông dẫn đạo quân đỏ lên núi Tinh Cương và

tại đó đã lập ra căn cứ địa cách mạng biên khu Hồ Nam – Giang Tây. – 73

³³ Đoàn A.B. là tổ chức đặc vụ phản cách mạng của Quốc dân Đảng lúc bấy giờ gài trong vùng đỏ. A.B. là viết tắt của chữ Anti-Bolshevik (chống Bolshevik trong tiếng Anh). – 86

³⁴ Chỉ vùng ở giữa sông Công, miền Trung tỉnh Giang Tây và sông Phủ, miền Đông tỉnh Giang Tây. – 86

³⁵ Xem các trước tác sau của V.I.Lenin: Đề cương về việc ký kết ngay tức khắc một hòa ước riêng rẽ và có tính chất thôn tính (Toàn tập, Tập 35, trang 290-301), Điều lạ lùng và goái gở (Sđd, trang 485-495), Bài học quan trọng và trách nhiệm quan trọng (Sđd, trang 505-512), Báo cáo về chiến tranh và hòa bình (Tập 36, trang 3-33) và Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô (b), NXB Sự thật, 1970, trang 331-340). – 89

³⁶ Người Tạng, người Hồi ở đây là chỉ dân tộc Tạng ở miền tây Tứ Xuyên và dân tộc Hồi ở Cam Túc, Thanh Hải, Tân Cương. – 92

³⁷ Văn tám về là một thể văn đặc biệt do chế độ thi cử của các triều đại phong kiến Trung Quốc từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX quy định. Mỗi một bài văn tám gồm có các phần: phá đề, thừa đề, khởi giảng, nhập thủ, khởi cổ, trung cổ, hậu cổ và thúc cổ. “Phá đề” gồm hai câu nói về ý nghĩa tóm tắt của tiêu đề. “Thừa đề” dùng ba hai bốn câu, nối tiếp ý nghĩa phần phá đề mà nói rõ thêm. “Khởi giảng” là nói khái quát tất cả để mở đầu cho phần nghị luận. “Nhập

thủ” là chỗ bắt tay sau phần khởi giảng. Khởi cổ, trung cổ, hậu cổ và thúc cổ, bốn đoạn này mới là phần nghị luận chính thức, trung cổ là trọng tâm của toàn bài. Trong bốn đoạn đó, mỗi một đoạn đều có hai vế sánh nhau, cộng tất cả là tám vế, cho nên mới gọi là văn tám vế và cũng gọi là bát tỉ. Ở đây, đồng chí Mao Trạch Đông nói đến quá trình viết bài văn tám vế, triển khai từ phần này sang phần khác, dùng đó để ví với các giai đoạn phát triển của cách mạng. Nhưng trong những trường hợp thông thường thì đồng chí Mao Trạch Đông lại lấy thứ văn tám vế đó để ví và châm biếm chủ nghĩa giáo điều.

**NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
ĐÓNG GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH**

Nhà Xuất bản Tháng Tám là cơ quan xuất bản trực thuộc Hội nghiên cứu chủ nghĩa Marx-Lenin-Mao và tạp chí “Vì Dân Phục Vụ”, vai trò chính là xuất bản những tài liệu lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mao để phổ cập tới quần chúng nhân dân.

Link web: nxbthangtam.wordpress.com

Liên hệ: vidanphucvu@proton.me

